



LỚP BỐN PHỔ THÔNG

Tập I



Nhà xuất bản Giáo dục
•1977

TẬP ĐỌC

LỚP BỐN PHỔ THÔNG

Hệ 12 năm

(In lại lần thứ ba)

Tập I



Nhà xuất bản Giáo dục
•1977

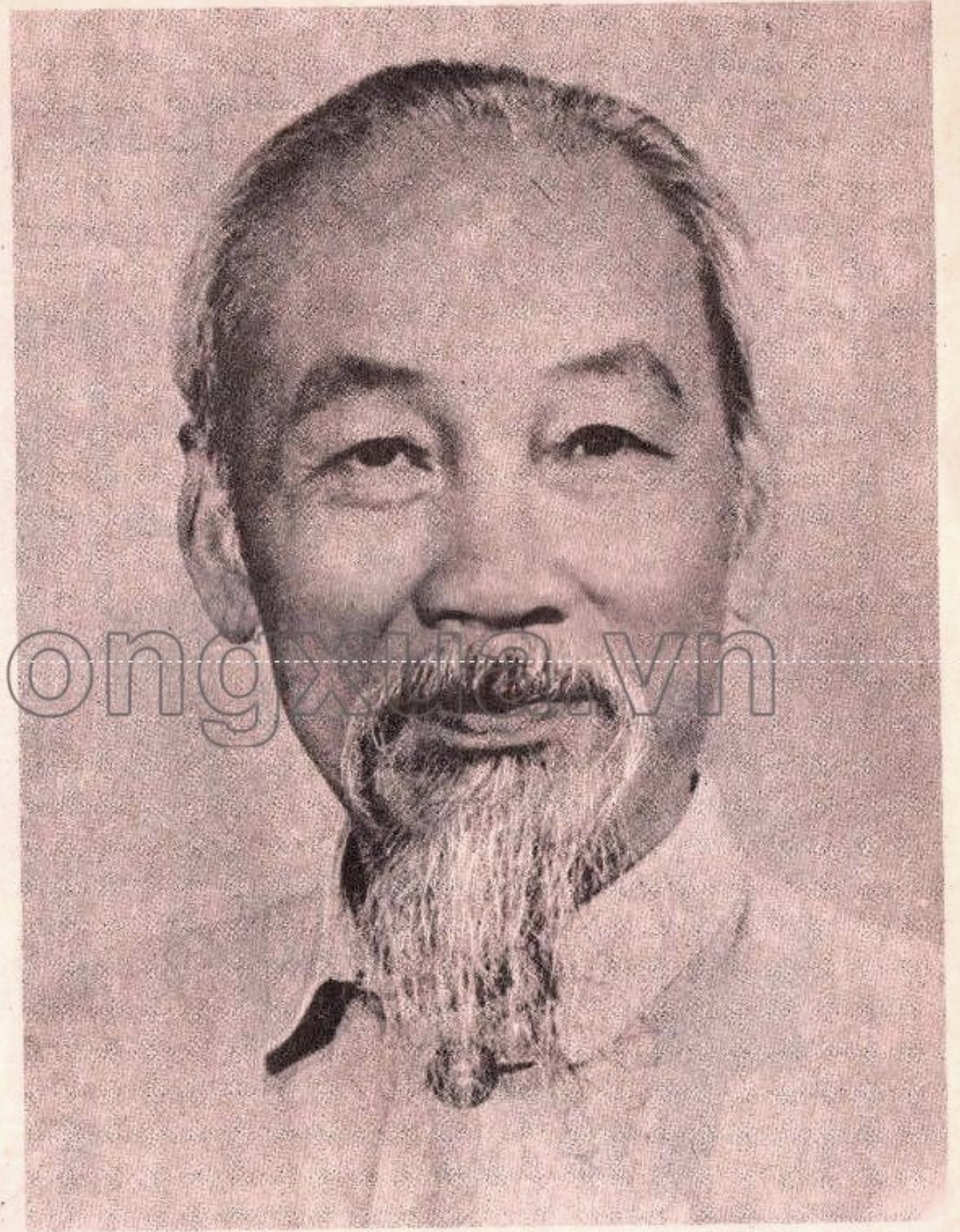
thuongmaitrueonline.vn

M19237

15412

V.V.21.48/87





BÁC HỒ

thuongmaitruc.vn



TUẦN LỄ THỨ 1

1. THƯ BÁC HỒ GỬI CHO HỌC SINH NHÂN NGÀY KHAI TRƯỜNG

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Các cháu học sinh,

Ngày hôm nay là ngày khai trường đầu tiên ở nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Bác đã tưởng tượng thấy trước mắt Bác tất cả các cảnh nhộn nhịp tưng bừng của ngày mở trường khắp nơi. Các cháu hẳn thấy đều vui vẻ, vì sau mấy tháng nghỉ học, các cháu lại được gặp thầy, gặp bạn.

Trong năm học tới đây, các cháu hãy cố gắng siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, đua bạn. Trong công cuộc kiến thiết, nước nhà trông mong chờ đợi ở các cháu rất nhiều. Non sông Việt nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt nam có được vẻ vang sánh vai các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu.

Ngày hôm nay, nhân buổi mở trường của các cháu, Bác chúc các cháu một năm đầy vui vẻ và đầy kết quả tốt đẹp.

Chào các cháu thân yêu

Tháng 9 năm 1945

HỒ CHÍ MINH

Chú thích :

- Bài này lược trích trong thư Bác Hồ gửi cho học sinh nhân ngày khai trường năm học đầu tiên, sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công.
- *Kiến thiết* : xây dựng.
- *Cường quốc* : nước giàu và mạnh.
- *Sánh vai các cường quốc năm châu* : ý nói không thua kém những nước giàu mạnh trên thế giới.

Từ ngữ : Ngày khai trường—nhộn nhịp tưng bừng—siêng năng—trông mong chờ đợi—công học tập.

Câu hỏi :

1. Bác Hồ gửi thư này cho học sinh vào dịp nào ?
2. Cảnh ngày khai trường vui như thế nào ?
3. Bác khuyên các cháu những gì ?
4. Tại sao ta phải gắng công học tập ?

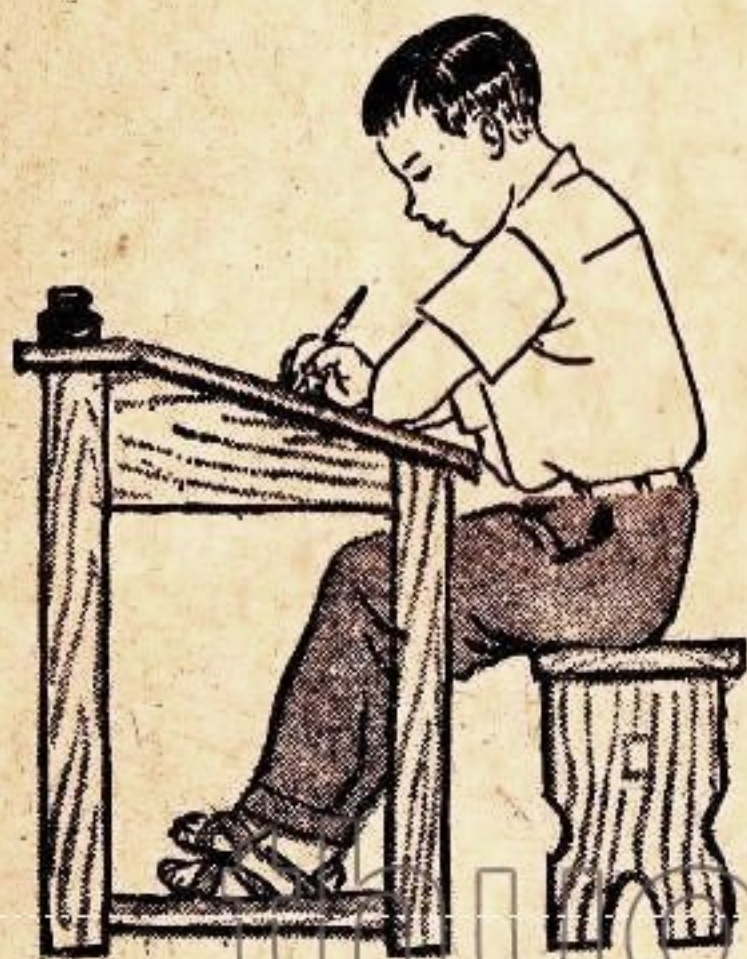
Nội dung chính : Nhân dịp khai giảng năm học đầu tiên của nước Việt nam dân chủ cộng hòa, Bác Hồ viết thư khuyên các cháu học sinh cố gắng học tập để sau này xây dựng Tổ quốc.

Học thuộc lòng : Từ « Trong năm học tới đây ... » đến « ... công học tập của các cháu ».

2. TẬP VIẾT CHỮ ĐẸP

Hôm về thăm bà ngoại, Long cứ muồn nhìn mãi mấy quyển vở của em Hồng, con dì Năm. Trời ! chữ Hồng sao mà đẹp quá ! Nét chữ vừa đều, vừa tròn. Chữ nào cũng chân phương, đúng mẫu. Từng dòng, từng

dòng đều đặn, thẳng tắp như nhảy múa nhịp nhàng trên những trang giấy sạch sẽ, thơm tho. Ai thấy cũng phải mê.



Long nghĩ bụng :

— Mình cũng có ngòi bút tốt như của Hồng. Cây bút cũng rất vừa tay. Chẳng hiểu sao chữ của mình cứ xấu như gà bới. Có lẽ mình không có hoa tay chăng?

Long đem ý nghĩ ấy nói với mẹ. Mẹ bảo :

— Ai mà chẳng có hoa tay? Nhưng tay chỉ nở hoa khi ta gắng công rèn tập hàng ngày.

Long nghe lời mẹ. Ngày nào em cũng nắn nót tập viết, tập chép bài. Ít lâu sau, chữ Long cũng đẹp không kém chữ Hồng.

Chú thích :

- *Chân phương* : vuông vắn. Ở đây : ngay thẳng và rõ nét.
- *Hoa tay* : ý nói tài khéo tay có sẵn.
- *Nắn nót* : viết cẩn thận từng nét.

Từ ngữ : Từng dòng đều đặn — xấu như gà bới — hoa tay — nắn nót — gắng công rèn tập.

Câu hỏi :

1. Chữ viết của Hồng đẹp như thế nào?
2. Nhìn chữ đẹp của Hồng, Long có ý nghĩ gì?
3. Nhờ đâu chữ Long cũng đẹp như chữ của Hồng?

Nội dung chính : Nhờ gắng công rèn luyện hàng ngày, Long đã viết được chữ đẹp.

3. TỤC NGỮ VỀ THỜI TIẾT

(Học thuộc lòng)

- Tháng chín heo may, chuẩn chuẩn bay thì bão.
- Êch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.
- Quạ tắm thì ráo, sáo tắm thì mưa.
- Chuẩn chuẩn bay thấp thì mưa,
Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm.
- Gió bắc hiu hiu, sêu kêu trời lạnh.
- Trăng quầng thì hạn, trăng tán thì mưa.
- Ráng vàng thì gió, ráng đỏ thì mưa.

Chú thích :

- *Heo may* : gió nhẹ và hơi lạnh, thổi về đầu mùa thu.
- *Gió bắc* : gió thổi theo hướng đông—bắc đem theo hơi lạnh về, thường thổi từ tháng 10 đến tháng 3.
- *Quầng, tán* : Quanh mặt trăng, nếu có ánh sáng hình vành tròn rộng và rõ rệt thì gọi là quầng; nếu không thành hình tròn và chỉ có vệt sáng mờ mờ thì gọi là tán.
- *Ráng vàng, ráng đỏ* : đám mây, có ánh sáng mặt trời buổi sáng sớm hoặc buổi chiều chiếu vào, màu vàng, thì gọi là ráng vàng, màu đỏ thì gọi là ráng đỏ.

Từ ngữ : Heo may—bão—gió bắc—trăng quầng, trăng tán—ráng vàng, ráng đỏ.

Câu hỏi :

1. Nhân dân ta có kinh nghiệm gì đoán được trời sắp có bão ?
2. Hiện tượng gì báo hiệu trời mưa ? Trời lạnh ?
3. Ngày nay, ta có cơ quan nào có thể dự báo được thời tiết ?

Nội dung chính : Kinh nghiệm dự đoán thời tiết của nhân dân ta.

4. LÀM GIỎI, HỌC CŨNG GIỎI

Em Cúc nhà rất nghèo. Cúc lại có ba em nhỏ nên công việc ở nhà càng bận rộn. Ngày nào em cũng gánh nước, hái rau cho lợn, giúp mẹ nấu ăn và chăm sóc các em. Cúc còn nuôi gà và trồng rau trên mảnh vườn xinh của mình. Ở trường, Cúc chăm chú nghe thầy giảng và



hiểu bài ngay tại lớp. Học bài nào Cúc cũng cố gắng quan sát, thực hành. Học bài « Cây lúa », Cúc xuống ruộng xem lá lúa thon dài như thế nào ? Thế nào là lúa tròn mình, lúa đông sữa. Khi đọc chuyện, Cúc tập rút ra ý chính, ghi câu văn hay để tập làm

văn cho tốt. Cúc còn tìm cách giúp đỡ các bạn cùng học tốt như mình.

Ba năm liền, Cúc là học sinh giỏi. Em thật xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ.

Chú thích :

- *Bận rộn* : làm việc rất nhiều, căng thẳng, không được rảnh.
- *Quan sát* : nhìn ngắm, xem xét tỉ mỉ.
- *Thực hành* : làm theo điều đã học.

Từ ngữ : Công việc bận rộn — giúp mẹ — nuôi gà và trồng rau — chăm chú nghe giảng — quan sát, thực hành — cháu ngoan Bác Hồ.

Câu hỏi :

1. Hàng ngày, Cúc giúp đỡ gia đình những công việc gì ?
2. Ở trường, Cúc học tập như thế nào ? Cúc còn giúp đỡ các bạn ra sao ?
3. Cúc đã đạt được kết quả gì ?

Nội dung chính : Cúc làm giỏi việc nhà, ở trường lại học giỏi, rất xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ.

5. MỘT BUỔI TRỰC NHẬT

(Chuyện đọc)

Sáng thứ hai, Minh đến lớp sớm để làm trực nhật. Chỉ sau một ngày nghỉ mà quang cảnh trong lớp khác hẳn. Hôm qua, trời mưa bão, mái dột, nền lớp bị ướt, có chỗ nước đọng thành vũng. Gió to, bụi từ mái nhà rơi xuống khắp mặt bàn ghế. Minh đứng tần ngần một phút rồi chạy vụt ra ngoài tìm Tuất, bạn cùng tổ, được phân công trực nhật với Minh hôm nay. Không thầy Tuất đâu cả. Trên bãi cỏ, cuối xóm đằng kia có một lũy

trẻ đang đá bóng, hò reo âm ỉ. Minh lăm bắm : « Thiếu sao được Tuất trong đám ấy ».

Minh quay lại, cắt sách vở vào ngăn bàn và chạy xuống kho của trường mượn được một cái cuốc. Minh hì hục tháo nước ra vườn, quét nhà, lau chùi bảng và bàn ghế. Minh làm chăm chú và khẩn trương. Đến khi các bạn kéo đến đông thì lớp học đã trở nên khô ráo, sạch sẽ.

Cuối buổi học hôm ấy, thầy giáo nhận xét trực nhật. Thầy hỏi :

— Hôm nay những em nào làm trực nhật ?

Minh vội vã đứng lên :

— Thưa thầy, em và bạn Tuất đây ạ.

Thầy lại hỏi :

— Tuất đâu ?

Từ khi thấy giáo nhắc đến trực nhật, Tuất mới sực nhớ ra nhiệm vụ của mình và ngơ ngác nhìn quanh lớp. Em thấy rõ ràng là lớp quang và sạch. Nghe thầy hỏi, tim em bỗng đập mạnh. Em liếc lẹ qua chỗ Minh và đứng lên, đầu hơi cúi xuống.

Thầy lại nói :

— Các em Minh và Tuất hãy nói cho các bạn nghe vì sao các em đã làm tốt được như vậy ?

Minh lúng túng một lúc rồi thưa :

— Thưa thầy, chúng em chỉ lo lớp bẩn, mất vệ sinh, nên đã ... cố gắng làm cho tốt.

Tuất choáng váng cả đầu óc. Em thấy mắt mình hơi ướt ; em muốn nói thật với thầy, nhưng cổ họng như nghẹn lại, không thốt được nên lời.

Thầy giáo nói với cả lớp :

— Sau trận mưa to và bão, lớp ta bị dột. Trong lúc chưa lợp lại được thì chúng ta phải chịu khó, làm như các em Minh và Tuất là rất tốt. Làm như vậy là có tinh thần bảo vệ của công và làm chủ nhà trường. Thấy vui lòng và khen ngợi hai em.

Cả lớp hoan hô vang dậy.

Ra về, Tuất cứ bàng hoàng cả người. Em muốn nói chuyện với Minh, nhưng thầy hỏi hộp quá, chẳng khác gì ngày đầu tiên đi học. Mỗi em mới nói ra được : « Minh đừng giận mình nhé, mình có lỗi không làm trực nhật với bạn ». Minh đáp :

— Thôi, bạn hiểu vậy là được rồi, lần sau đừng thiếu sót như vậy nữa. Chiều nay nhớ đến chỗ mình ôn bài nhé ! ».

Chú thích :

— *Bóng* : banh. Đá bóng tức đá banh.

— *Bàn* : dờ.

TUẦN LỄ THỨ 2

6. CẬU BÉ LÊ - NIN ĐI HỌC

Mãi đến năm lên chín tuổi, Lê-nin mới đi học. Cậu rất sáng dạ và học tập rất chăm chỉ. Trong lớp, bao giờ cậu cũng chú ý nghe lời thầy giảng. Vốn đã thông minh, lại chăm chú nghe giảng nên Lê-nin thường thuộc bài ngay tại lớp.

Hàng ngày đi học về, Lê-nin thường kể cho cha mẹ nghe những việc xảy ra ở lớp và việc học tập của mình. Trong học tập, Lê-nin luôn luôn được điểm năm. Cha mẹ cậu rất vui lòng. Mỗi khi thấy Lê-nin đi học về là cha mẹ sung sướng mỉm cười.



Lê-nin còn là một người bạn tốt. Cậu thường đến lớp sớm nửa giờ để giảng lại những đoạn bài khó cho bạn. Cả lớp đều yêu mến Lê-nin, vì cậu đứng đầu lớp, lại luôn luôn giúp đỡ các bạn cùng tiến bộ.

Chú thích :

- Lê-nin là người đã lãnh đạo cuộc Cách mạng tháng 10 Nga (năm 1917) thắng lợi và là lãnh tụ của giai cấp công nhân toàn thế giới.
- Sáng dạ : thông minh.
- Điểm năm : điểm cao nhất trong nhà trường Liên xô.

Từ ngữ : Học tập chăm chỉ — thông minh — chăm chú nghe giảng — thuộc bài tại lớp — đứng đầu lớp — giúp đỡ các bạn cùng tiến bộ.

Câu hỏi :

1. Hồi nhỏ, khi còn đi học, Lê-nin là một học sinh như thế nào?
2. Vì sao Lê-nin thường thuộc bài ngay tại lớp?
3. Tại sao cha mẹ Lê-nin rất vui lòng?
4. Vì sao cả lớp đều yêu mến Lê-nin?

Nội dung chính : Hồi nhỏ, Lê-nin rất thông minh, học giỏi, lại luôn luôn giúp đỡ các bạn cùng tiến bộ, nên cha mẹ vui lòng, bạn bè yêu mến.

7. GIÚP MẸ

(Học thuộc lòng)

Sáng con ra lớp học,
Chiều quét dọn cửa nhà,
Mẹ cứ đi làm xa,
Chớ lo nhiều nghe mẹ!

Đêm mưa nguồn, chớp bể,
Mẹ đi thăm ruộng đồng,
Giữ em nhỏ, con bóng,
Con càng thương mẹ lắm.

Việc nước, cha còn bận,
Mẹ vất vả sớm hôm,
Con muốn sao mau lớn,
Giúp mẹ nhiều việc hơn.

Chú thích :

- *Chớp bề* : chớp biên.
- *Bồng* : ẵm trên tay.
- *Vất vả* : mất nhiều công sức.

Từ ngữ : Ra lớp học — quét dọn cửa nhà — giữ em — giúp mẹ nhiều việc.

Câu hỏi :

1. Hàng ngày em bé làm những việc gì ?
2. Vì sao khi bồng em nhỏ, em lại càng thấy thương mẹ ?
3. Nghĩ đến cha mẹ, em bé ao ước điều gì ? Vì sao ?

Nội dung chính : Chúng ta phải vừa học, vừa giúp đỡ việc nhà cho cha mẹ.

thuongmaitruongxua.vn

8. THƯ GỬI BẠN

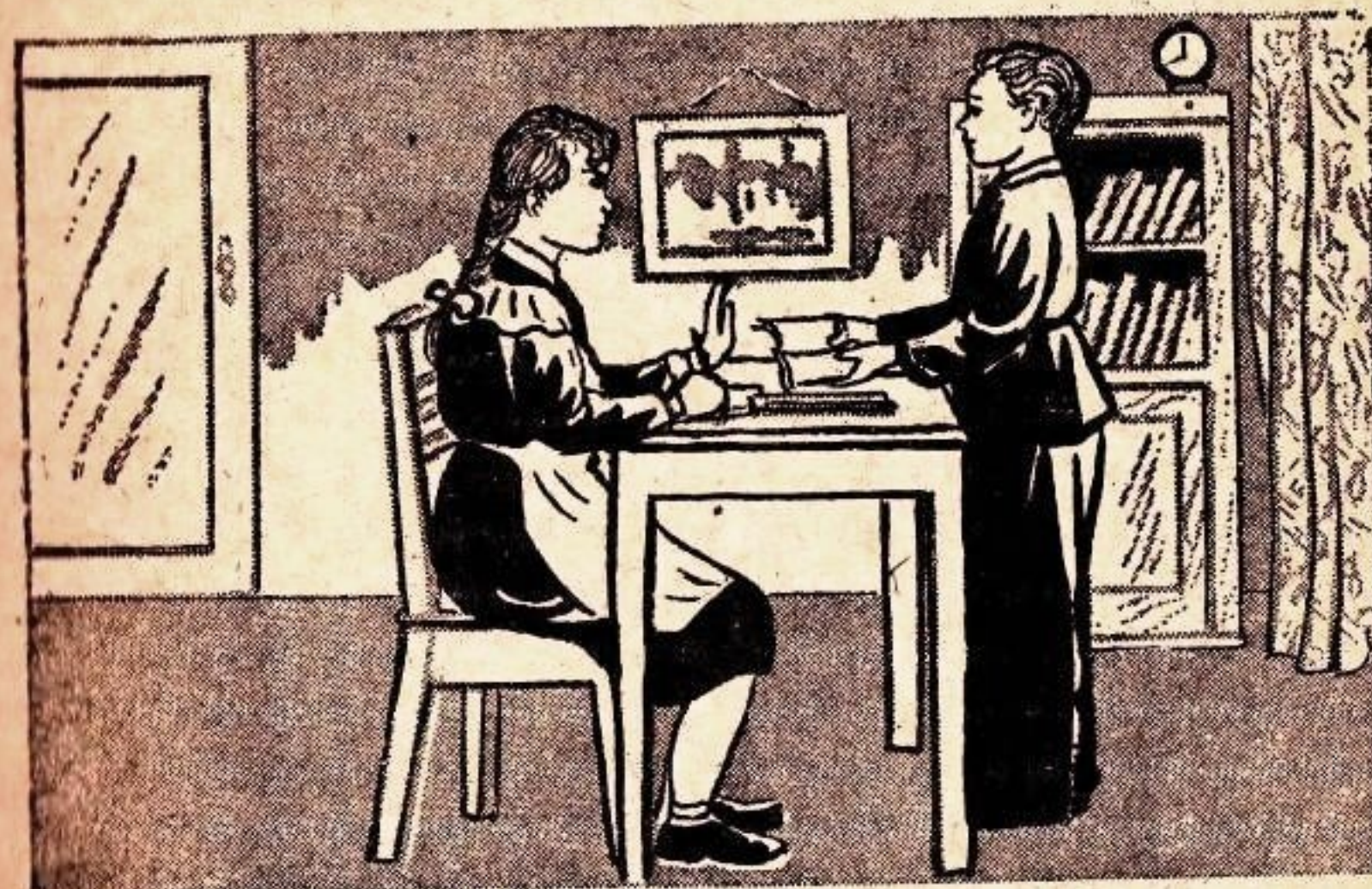
Bến tre, ngày ... tháng ... năm ...

Dung thân mến,

Hôm qua, Thúy và các bạn trong lớp được nghe cô giáo kể chuyện chị Dôi-a. Chị Dôi-a là nữ anh hùng quân đội Liên xô. Chị đã hy sinh anh dũng cho Tổ quốc.

Lúc còn đi học, chị Dôi-a và em trai là Su-ra cùng học một lớp. Chị học rất chăm chỉ, nhưng hơi kém về môn toán. Su-ra, trái lại, rất giỏi toán. Một hôm, có một bài toán khó, chị loay hoay mãi mà không làm được. Su-ra thì đã làm xong từ lâu. Đêm đã khuya, Su-ra mở bài ra và

bảo chị chép. Nhưng Dôi-a cương quyết từ chối. Và, chị đã thức đến bốn giờ sáng để tự mình làm ra bài toán.



Dung ơi, Dung có cùng Thúy thi đua noi gương yêu nước và tự lực học tập của chị Dôi-a không ? Chắc chắn là có, Dung nhỉ !

Thân ái chào Dung
THÚY

Chú thích :

- Chị Dôi-a là nữ du kích Liên xô đã chiến đấu anh dũng chống bọn phát xít Đức xâm lược. Chị bị chúng bắt và treo cổ. Chị là anh hùng quân đội Xô viết.
- *Hy sinh* : chết vì việc nghĩa.
- *Loay hoay* : làm việc một cách khó khăn, chật vật.
- *Cương quyết từ chối* : nhất định từ chối.

Từ ngữ : Nữ anh hùng quân đội — loay hoay — cương quyết từ chối — noi gương — tự lực học tập.

Câu hỏi :

1. Chị Dôi-a đã có công gì với Tổ quốc của chị ?
2. Lúc còn đi học, chị học tập thế nào ?
3. Gặp bài khó, chị đã giải quyết như thế nào ?
4. Em học tập được ở chị Dôi-a đức tính gì ?

Nội dung chính : Gương yêu nước và tự lực học tập của chị Dôi-a.

9. BÀI THƠ VỀ CÂY

(Học thuộc lòng)

Hôm nay học loài cây,
Bài cô giảng thật hay :
Rễ cây hút nhựa đất
Như ăn cơm hàng ngày.

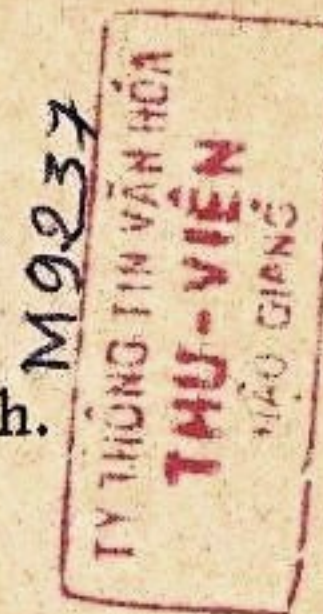
Cây không hề biết đi,
Chưa bao giờ cây nói,
Cây chỉ biết thầm thì
Khi trăng lên gió thổi.

Lá cây làm lá phổi
Cũng hít vào thở ra,
Cành cây thường vẫy gọi
Như tay người chúng ta.

Khi vui, cây nở hoa,
Khi buồn, cây héo lá,
Ai bẻ cành, vặt hoa,
Nhựa tuôn như máu ứa.

Xanh, cây làm bức tranh
Cho vườn ta thêm xinh,
Già, gỗ cây làm ghế
Chúng ta ngồi học hành.

Còn bao điều thú vị
Cây giúp đời chúng mình.
Cây ơi ! ta thầm nghĩ :
Loài cây cũng có tình.



Chú thích :

— Như ăn cơm hàng ngày : cây hút chất bổ ở đất để sống, như người ăn cơm để sống.

Thầm thì : nói rất nhỏ, ý nói khi có gió thổi, cây lá rung rinh phát ra tiếng như người nói thì thầm.

Khi vui, khi buồn : ở đây có nghĩa là : khi cây nở hoa, ta thấy vui và cảm thấy cây cũng vui, khi cây bị héo lá, ta thấy buồn và cảm thấy cây cũng buồn.

Nhựa tuôn như máu ứa : tác giả ví nhựa của cây như máu của người. Tuôn là chảy mạnh ra.

— Còn bao điều thú vị : ý nói cây còn cho ta nhiều thú vị khác như bóng mát, trái ngon v.v...

Từ ngữ : Thầm thì — hít vào thở ra — vẫy gọi — nở hoa — héo lá — nhựa tuôn.

Câu hỏi :

1. Em hãy kể các bộ phận của cây nói trong bài này.
2. Mỗi bộ phận hoạt động như thế nào ? Khi trăng lên, gió thổi, ta nghe thấy ở cây có tiếng gì ?
3. Cây có ích lợi gì cho chúng ta ?
4. Muốn cho cây mọc xanh tốt, ta phải làm gì ?

Nội dung chính : Cây cũng có đời sống của nó, cây tô điểm cho đời sống của chúng ta.

10. CÂU CHUYỆN SÁNG NAY

Ngày... tháng... năm...

Năm thân mèo,

Sáng nay một chuyện vừa xảy ra. Mình kể lại cho Năm nghe đây.

Giờ học thuộc lòng, cả lớp im phăng phắc. Thấy giáo gọi Thúy và Vinh lên đọc bài. Hai bạn đọc rất thuộc, lại hiểu bài nên cả hai đều được điểm tốt. Đến lượt thấy gọi Tư thì bạn ấy giật mình đánh thót một cái. Mình cũng thấy hồi hộp. Tư lặng đi một lúc, đọc được câu đầu rồi lại im. Thấy nhắc một câu, nhưng Tư vẫn không sao đọc được. Mình nhớ ra: cả buổi chiều hôm qua, bạn ấy đã đi đá bóng. Bỗng mình thấy dưới chân bị đập lia lịa. Tư ra hiệu cầu cứu. Nhìn mặt Tư tái đi, mình cũng thương. Nhưng nhớ lời thầy: không được nhào bảì cho bạn, mình lại ngồi im. Tư bị điểm 3. Thấy tỏ ý không bằng lòng.

Giờ chơi, Tư nhìn mình vẻ giận dỗi, trách móc. Nhưng mình nghĩ rằng mình đã làm đúng. Chắc rồi Tư cũng hiểu thôi.

Chúc bạn mạnh khỏe

LÂM

Chú thích:

- Im phăng phắc: rất im lặng, không một tiếng động.
- Chân bị đập lia lịa: chân bị đập nhiều và nhanh.
- Cầu cứu: xin người khác cứu giúp mình.

Từ ngữ: Đọc thuộc — hiểu bài — ra hiệu cầu cứu — không nhắc bài.

Câu hỏi:

1. Tại sao hai bạn Thúy và Vinh được điểm tốt?

2. Tại sao khi thầy gọi, Tư lại giật mình? Tư đã làm gì?

3. Thái độ của Lâm lúc đó thế nào? Lâm làm như vậy đúng hay sai? Tại sao?

Nội dung chính: Lâm nghe lời thầy giáo: không nhắc bài cho bạn.

11. NGƯỜI BẠN ÍT NÓI

(Chuyện kể)

Suốt đời mình, ốc sên không hề nói một câu. Ốc sên sống một mình một nhà. Khi nào đi đâu, nó lại khiêng theo cả cái nhà trên lưng. Ốc sên yếu lắm. Chẳng vậy mà ai cũng ví «yếu như sên». Do ít nói và yếu, ốc sên hay bị khinh thường. Nhưng rồi một hôm, một sự việc xảy ra khiến ai cũng phải ngạc nhiên về tài năng kỳ diệu của ốc sên.

Sở là lâu nay, tại khu vườn này có nạn rết. Mụ rết tinh quái này sống lâu và hung dữ hết chỗ nói. To mập như bác trâu, khi bị rết cắn vào bụng cũng phải ngã lăn đùng ra. Rết chỉ sợ có chú gà trống. Vô phúc gặp gà, rết chỉ có tan xương. Nhưng rết khôn lắm. Đợi lúc chập choạng tối, gà đã lên chuồng, nó mới mò ra tung hoành.

Đêm hôm ấy, ghé và bê than thở với nhau.
Bê nói:

— Mình sợ rết lắm!

Nghé lo lắng:

— Mình cũng sợ rết lắm. Trời tối như thế này thì không còn ai trị được rết nữa đâu.

Bê ao ước :

— Giá có ai trị được rết giúp anh em ta nhỉ !

Nghé nhìn xung quanh, thất vọng :

— Chẳng có ai hết cả .

Bỗng, một tiếng nói rất nhỏ cất lên như hơi gió thoảng :

— Có chớ !

Nghé và bê đều ngơ ngác hỏi :

— Ai, ai đó ?

— Tôi, tôi là ốc sên đây !

— Liệu anh làm gì được rết ?

— Được chứ ! Rồi các anh chờ coi.

Nửa đêm, rết bò ra. Nó ngoe nguẩy đôi râu và hàng trăm cái chân. Nó dừng lại đánh hơi. Nghé và bê sợ xanh mặt. Nhưng ốc sên đã có mặt đây rồi. Nó từ từ bò tới. Nghé và bê tưởng ốc sên xông vào cắn chết rết. Nhưng không, chú ta chỉ bò xung quanh rết thôi. Hết vòng nọ đến vòng kia. Cái vòng xoắn ốc cứ nhỏ dần. Rết đã nhìn thấy ốc sên. Mụ ta rùng mình, hàng trăm chân đứng lên trông tua tủa. Nghé và bê yên trí là sên sẽ bị rết cắn chết. Đúng lúc đó, ốc sên đã bò sát vào rết rồi từ từ quay ra.

Rết lỏng lộn giữa vòng vây do ốc sên vẽ bằng nước dãi của mình. Sau cùng, rết liêu lĩnh vượt qua vòng vây. Lập tức nó quần quai, rụng rời. Trăm chân của nó vừa chạm tới vết dãi của ốc sên đã rơi ra như bị vụn gãy.

Mụ rết hết đời. Ốc sên đã bò đi xa. Nghé và bê thì

đứng ngây ra mà nhìn xác rết, không còn nhớ là phải cảm ơn anh ốc sên nữa. Thật là một sự lạ kỳ !

Chú thích :

— Tài năng kỳ diệu : tài giỏi một cách lạ lùng.

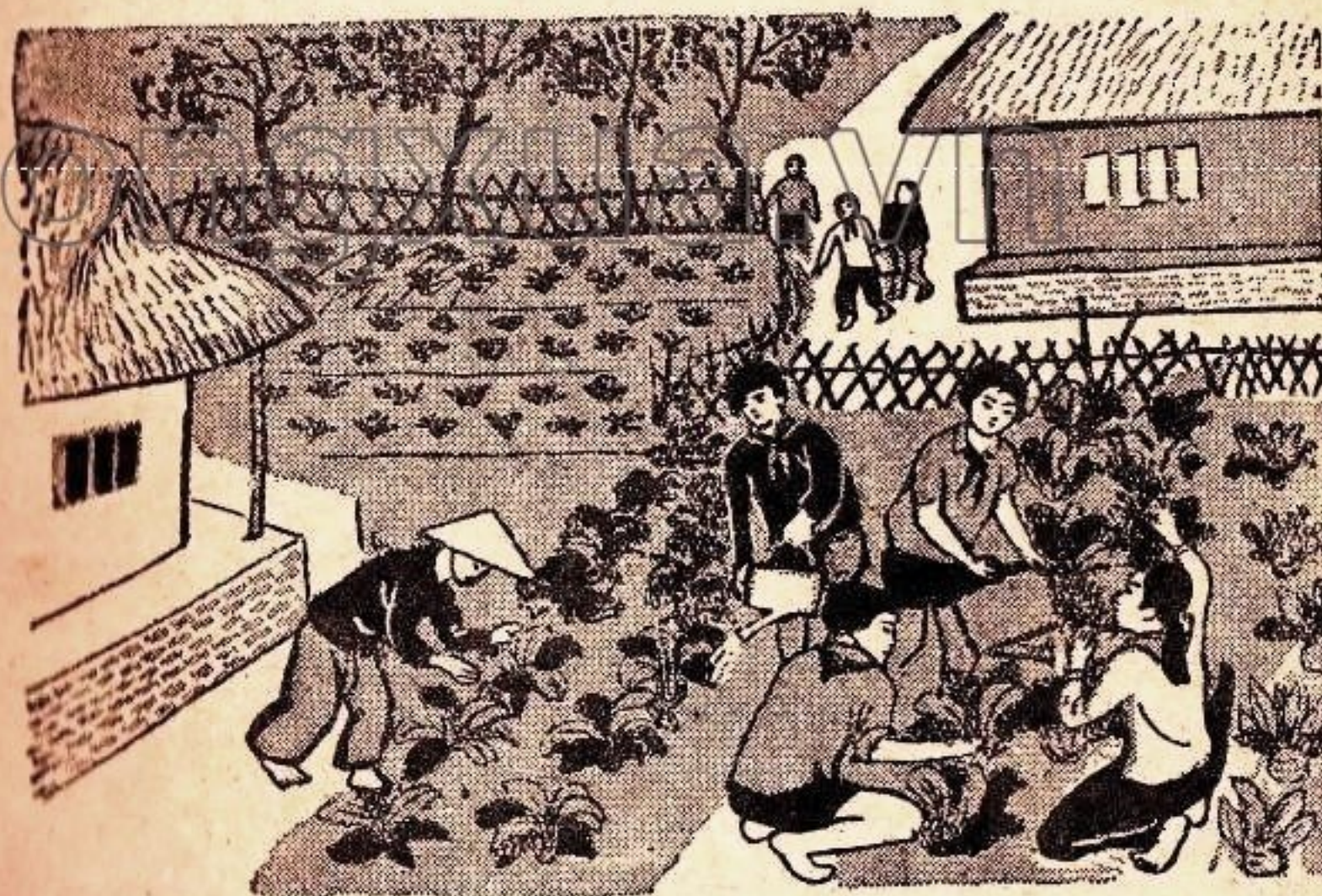
— Rết : có nơi gọi là con rít.

— Nghé : trâu con.

— Bê : bò con.

TUẦN LỄ THỨ 3

12. VƯỜN TRƯỜNG EM



Vườn trường em rộng bốn sào, nằm ngay bên cạnh trường. Xung quanh vườn, chúng em rào cánh sè, chỉ để một ngõ ra vào.

Trong vườn chia làm nhiều khu. Khu trồng cây ăn quả nhìn rất đẹp mắt : những cây cam, cây chanh, cây măng cầu, lá xanh mơn mớn. Khu trồng cây công nghệ đang ươm chè, cà phê và thu đủ tía. Bên cạnh khu này là một khoảng đất rộng chia thành nhiều luống. Luống thì trồng khoai, tía ngô ; luống thì trồng cải bẹ, cà chua.

Những hôm học bài khoa học, thầy giáo thường dẫn chúng em ra vườn để quan sát. Các buổi khác, chúng em cũng thường rẽ vào vườn. Có bạn vào trồng thêm cho lớp một loại cây mới. Có bạn vào để nhìn luống rau xanh tốt của lớp mình. Có bạn lại vào tía mây cái lá già hay vạch tìm những con sâu nấp dưới gốc rau.

Mọi người qua đây, ai cũng muốn dừng chân ngắm nhìn màu xanh non của cây còi và vẻ đẹp của khu vườn trường em.

Chú thích :

- Quả : trái.
- Cây công nghệ : cây phục vụ cho công nghiệp như bông, đay (bố), thầu dầu (thu đủ tía).
- Ươm : vùi hột xuống đất cho thành cây con, rồi bứng lên đem trồng nơi khác.
- Tía : ngắt bớt hoặc nhổ bớt đi. Tía ngô : tía bắp.

Từ ngữ : Vườn trường — rào cánh sẻ — cây ăn quả — cây công nghệ — ươm — tía — quan sát.

Câu hỏi :

1. Vườn trường em trồng những loại cây gì ?
2. Vườn trường có ích lợi gì ?
3. Các em giữ gìn chăm sóc vườn trường như thế nào ?
4. Tại sao ai qua vườn trường cũng muốn dừng chân lại ?

Nội dung chính : Quang cảnh xinh đẹp của vườn trường và sự chăm lo, săn sóc vườn trường của các em học sinh.

13. ĐÔI THỎ

(Học thuộc lòng)

Em nuôi một đôi thỏ
Bộ lông trắng như bông,
Mắt tựa viên kẹo hồng,
Đôi tai dài thẳng đứng.

Nói sao hệt sung sướng,
Sớm học, chiều hái rau,
Chuồng dọn sạch như lau,
Thỏ lớn mau trông thầy.

Thu qua rồi thu tới,
Tính mới trọn một năm,
Thỏ đẻ bốn, năm lần,
Em bán năm, bảy bận.

Tiền thỏ mua bút mực,
Tiền thỏ may áo quần,
Tiền thỏ xây nhà thỏ,
Cha mẹ rất vui mừng.

Em đèn bên đôi thỏ,
Tay nhẹ vuốt bộ lông,
Mà sao thầy trong lòng
Thương yêu không bờ bến.

Đưa cặp mắt trùu mền,
Đôi thỏ âu yếm nhìn,
Dường như muốn nói lên :
« Cảm ơn anh bạn nhỏ ! ».

Chú thích :

- *Thương yêu không bờ bến* : thương yêu vô cùng.
- *Trùu mền* : có vẻ âu yếm, quẩn quít.

Từ ngữ : Lòng trắng như bông — hái rau — dọn sạch như lau —
lớn mau — thương yêu — âu yếm.

Câu hỏi :

1. Đôi thỏ đẹp như thế nào ?
2. Em bé làm những việc gì để chăm sóc thỏ ?
3. Việc chăn nuôi đã đem lại cho em kết quả gì ?
4. Em bé và đôi thỏ gắn bó với nhau như thế nào ?

Nội dung chính : Tình cảm đậm đà và sự chăm sóc chu đáo của em bé đối với đôi thỏ đẹp và dễ nuôi của em.

14. GÓC HỌC TẬP CỦA PHƯƠNG

Góc học tập của Phương đặt ngay ở cửa sổ. Ở đây vừa sáng lại vừa thoáng. Nó gồm một cái bàn và một cái ghế nhỏ xinh xắn, vừa tầm ngồi.

Trên tường, phía trước mặt bàn học là bức ảnh Bác Hồ. Năm điều Bác dạy được viết và tô rất đẹp, màu chữ vàng nổi bật trên nền giấy xanh.

Thời khóa biểu và thời gian biểu dán trên tường ghi rõ bài học hàng ngày, giờ giấc sinh hoạt, học tập, lao động và vui chơi. Cặp sách vở treo sát tường bên trái. Bên phải căng một sợi dây dài, trên cặp hàng chục cuốn sách và báo thiếu nhi.



Trên bàn, Phương chỉ để một bình hoa nhỏ, một cuốn sách đang đọc, một cuốn sổ tay văn học, một lọ mực và một hộp bút. Cái gì ở đây cũng sạch sẽ, ngay ngắn, gọn gàng và đẹp mắt.

Chú thích :

- *Thời khóa biểu* : bản ghi các môn học và giờ học hàng ngày trong 1 tuần lễ. (do nhà trường qui định).

— Thời gian biểu : bản ghi giờ giấc sinh hoạt, học tập, lao động, vui chơi trong một ngày.

— Sách báo thiếu nhi : sách báo viết cho trẻ em.

— Lọ mực : ve mực

Từ ngữ : Góc học tập — thoáng — vừa tầm — thời khóa biểu — thời gian biểu — sạch sẽ, gọn gàng.

Câu hỏi :

1. Góc học tập của Phương có gì đặc biệt ?
2. Trên tường, phía trước mặt được trang trí như thế nào ?
3. Trên bàn học, Phương để những thứ gì ?
4. Tất cả mọi thứ đều được sắp xếp như thế nào ?

Nội dung chính : Góc học tập của Phương đơn giản, nhưng sáng sủa, sạch sẽ, gọn gàng, đẹp mắt.

15. VỀ THĂM QUÊ BÁC

(Học thuộc lòng)

Đường về quê Bác như son,
Đỏ tươi nào khác tâm hồn tôi vui.
Gió mơn, mạ ngà nghiêng cười
Bãi ngô cờ phất, sẵn đôi vẫy tay
Cây đa, quán nước, ngõ này
Tuổi thơ hân Bác thường hay ra vào ?
Mương xanh vắt một nhịp cầu
Chiều xưa Bác có ngồi câu bên bờ ?

Nhà tranh hai nếp đơn sơ
Vài cây mít lẻ, một bờ chuối to,
Mây cây cam, mây ngọn tre
Đu đưa như vắng còn nghe tiếng Người.
Cũng chim cu gáy đồ hồi
Mà sao háo hức, vui tươi lạ thường.
Đây quê hương của quê hương
Đây nguồn thương của nguồn thương nước nhà.
Một ngày con đền quê Cha
Trăm năm nhớ mãi mái nhà thân yêu.

Chú thích :

— Gáy đồ hồi : gáy đồn dập từng hồi dài.

— Háo hức : ao ước muốn được mau chóng toại nguyện.

— Quê hương của quê hương : ý nói quê Bác là nơi tập trung cao nhất những tình cảm đối với quê hương đất nước. Vì « Việt nam là Bác, Bác là Việt nam ».

Từ ngữ : Như son — ngà nghiêng cười — cây đa, quán nước — đơn sơ — háo hức — quê hương của quê hương.

Câu hỏi :

1. Đường về quê Bác đẹp như thế nào ?
2. Nhà, vườn của Bác thanh bạch như thế nào ?
Ở đây có những hình ảnh nào thân thuộc và gợi cảm như quê em ?
3. Em hiểu câu thơ « Đây quê hương của quê hương » như thế nào ?

4. Vì sao tác giả đến quê Bác có « một ngày » mà nhớ mãi suốt đời ?

Nội dung chính : Qua bài thơ, tác giả muốn nói lên tình cảm thương mến của mình đối với quê hương Bác Hồ kính yêu.

16. MỘT BUỔI TẬP THỂ DỤC



Một hồi còi vang lên giòn giã. Giờ thể dục bắt đầu. Chúng em nhanh nhẹn xếp hàng đôi trước mặt thầy giáo. Hàng ngũ chỉnh đốn xong, chúng em đứng nghiêm chào thầy.

Nắng sớm chiếu vào những khuôn mặt tươi trẻ hồng hào. Từng tiếng còi ngân lạnh lạnh liên tiếp. Những lực sĩ tí hon dàn thành hàng ngang, chuyển sang hàng dọc. Khi giờ tay, lúc uốn mình, mọi người đều thoăn thoắt, gọn gàng. Chúng em cò tập thật đúng động tác, chăm chú cử động theo tiếng còi điều khiển của thầy.

Cuối giờ, một điệu hát hùng mạnh vang lên. Tiếng hát phấn khởi, say sưa hòa nhịp với tiếng vỗ tay rầm rập. Thấy giáo khen buổi tập có kết quả. Trước khi vào lớp, tiếng hô của chúng em vang lên rần rỏi :

- Rèn luyện thân thể, đẩy mạnh học tập !
- Rèn luyện thân thể, bảo vệ Tổ quốc !

Chú thích :

- *Chỉnh đốn* : sắp xếp cho ngay ngắn, hợp lý.
- *Lực sĩ* : người rất khỏe mạnh.
- *Thoăn thoắt* : rất nhanh.

Từ ngữ : Chỉnh đốn hàng ngũ — khuôn mặt hồng hào — lực sĩ tí hon — thoăn thoắt — động tác — rèn luyện thân thể.

Câu hỏi :

1. Giờ thể dục bắt đầu, các em làm gì ?
2. Trong giờ tập thể dục, các em tập như thế nào ?
3. Kết quả buổi tập thể dục thế nào ?

Nội dung chính : Một buổi tập thể dục vui vẻ, trật tự và bổ ích.

(Chuyện kể tuần này do địa phương soạn)

17. RÙA VÀ THỎ

(Tập đọc và Học thuộc lòng)



Trời mùa thu mát mẻ. Trên bờ sông có một con rùa đang cố sức tập chạy. Một con thỏ trông thấy, mỉa mai nói với rùa :

— Đố chậm như sên. Mà mày cũng đòi tập chạy à ?

Rùa đáp :

— Anh đừng giễu tôi. Anh với tôi thử chạy thi coi ai hơn ?

Thỏ vênh tai lên tự đắc :

— Được, được ! Mày dám chạy thi với tao sao ? Tao chấp mày một nửa đường đó !

Rùa không nói gì. Nó biết mình chậm chạp, nên cố sức chạy thật nhanh. Thỏ nhìn theo mỉm cười. Nó nghĩ : ta chưa cần chạy vội, đợi rùa gần tới đích, ta phóng cũng vừa

Nó nhõn nhơ trên đường, nhìn trời, nhìn mây. Thỉnh thoảng, nó lại nhăm nháp vài ngọn cỏ non, có vẻ khoan khoái lắm.

Bỗng nó nghĩ đến cuộc thi, ngẩng đầu lên thì thấy rùa đã gần tới đích. Nó cố chạy miết nhưng không kịp nữa. Rùa đã tới đích trước nó.

Chú thích :

— Mỉa mai : nói có vẻ chế giễu, chê bai.

— Phóng : chạy thật nhanh.

Nhõn nhơ : không lo nghĩ gì đến công việc đang làm. Ở đây ý nói vừa đi vừa chơi.

— Nhăm nháp : ăn chút một.

Từ ngữ : — Cố sức — tự đắc — nhõn nhơ — cố chạy miết — tới đích trước.

Câu hỏi :

1. Thỏ mỉa mai rùa thế nào ?
2. Rùa đáp lại thế nào ?
3. Kết quả cuộc chạy thi ra sao ?
4. Tại sao rùa chạy chậm mà lại tới đích trước ?
5. Em học được gì ở rùa ?

Nội dung chính : Cuộc chạy thi giữa rùa và thỏ : Rùa khiêm tốn, cố gắng nên tới đích trước. Thỏ chủ quan, tự đắc nên thua cuộc.

Học thuộc lòng : Từ « Rùa không nói gì » đến hết bài.

18. CÂY BÚT CHÌ MỚI

Nam vừa được mẹ thưởng một cây bút chì mới.

Cây bút chì xinh xắn còn thơm mùi gỗ và nước sơn. Nó dài hơn một gang tay, tròn trĩnh như chiếc đĩa, có phần lớn hơn một chút. Bút chì này sơn màu xanh thẫm. Trên nền xanh ấy, nổi bật lên hàng chữ vàng óng ánh. Đầu bút chì có cái đai mạ kền sáng loáng bọc lấy một miếng tẩy nhỏ màu hồng nhạt. Nam quay đầu kia lên xem : ruột bút chì đen nằm giữa, chạy dài theo chiều gỗ. Nam lấy con dao nhỏ gọt nhẹ cây bút chì. Lưỡi dao sắc gọt vào gỗ ngọt xớt. Những mảnh gỗ nhỏ bật ra, để lộ một màu ruột chì đen lánh.

Từ hôm đó, cây bút chì trở nên người bạn thân của Nam. Khi gạch dòng, khi chữa bài, khi vẽ, Nam không còn phải mượn của bạn nữa. Sau buổi học, Nam cẩn thận cắt bút chì vào hộp. « Mình phải giữ cây bút chì thật lâu, thật bền ». Nam nghĩ vậy và đã làm như vậy.

Chú thích :

— *Cây bút chì* : cây viết chì.

Từ ngữ : Thơm mùi gỗ — tròn trĩnh — gọt nhẹ — đen lánh — cẩn thận — thật lâu, thật bền.

Câu hỏi :

1. Cây bút chì mới của Nam hình dáng thế nào? Nó có những đặc điểm gì?
2. Bút chì có ích lợi gì đối với Nam?
3. Nam giữ gìn bút chì đó như thế nào?

Nội dung chính : Cây bút chì mới của Nam và tình cảm của Nam đối với nó.

19. CÂU ĐỐ VỀ TRÁI CÂY

(Học thuộc lòng)

1. Da cóc mà bọc trứng gà,
Xẻ ra thơm nức, cả nhà muốn ăn.
(là quả gì?)
2. Da cóc mà bọc bột nếp,
Bột nếp mà xếp răng đen.
(là quả gì?)
3. Chân không đèn đất, cật không đèn trời,
Lơ lửng nửa vời mà đeo bị sỏi.
(là quả gì?)
4. Sông không đèn, bèn không vào,
Lơ lửng giữa trời, làm sao có nước?
(là quả gì?)
5. Tên em chẳng thiếu, chẳng thừa,
Chín vàng ngon ngọt, rất vừa lòng anh.
(là quả gì?)

Chú thích :

— *Da cóc* : da xù xì như da con cóc.

— *Đeo bị sỏi* : ở trong đựng những hạt nhỏ hình thù giống như hòn sỏi.

Từ ngữ : Da cóc — thơm nức — bột nếp — lơ lửng — chín vàng — ngon ngọt.

Câu hỏi :

1. Câu đố 1 nêu lên những đặc điểm gì? Quả gì ngoài vỏ xù xì, trong bọc trứng gà?

2. Câu đố 2 nêu đặc điểm gì giống ở câu trên và đặc điểm gì khác ? là quả gì ?
3. Tìm những đặc điểm của một thứ quả trong câu đố 3 ? là quả gì ?
4. Câu đố 4 đố quả gì mà ruột có chứa nước ?
5. Câu 5 có đặc điểm gì cần chú ý ở hai tiếng « thừa », « thiếu » ? là quả gì ?

Nhận xét : Qua một số câu đố về trái cây, chúng ta nhận xét về trí tưởng tượng, lối chơi chữ tài tình của nhân dân ta.

20. NGƯỜI HỌC SINH NGOAN

Bà con thôn xóm và các bạn đều khen Mai là một học sinh ngoan.

Mai có vóc người khỏe mạnh. Đôi mắt đen láy nổi bật trên khuôn mặt tròn trĩnh. Mái tóc đen nhánh dài ngang vai lúc nào cũng óng mượt, gọn gàng. Đôi bàn tay của Mai luôn sạch sẽ, móng tay cắt ngắn. Quần áo em mặc không hề dính mực hay dính đất, dính cát. Đã hai năm, chưa bao giờ Mai bị thầy giáo khiển trách vì không thuộc bài. Các bài em làm luôn đạt điểm tốt.

Ngày nào cũng vậy, sáng dậy Mai quét nhà, cho gà ăn, rửa mặt cho em. Nhà Mai nuôi ba con bò. Ngoài các buổi học, em chăm sóc bò rất chu đáo. Bò được ăn no và tắm sạch, con nào cũng béo mượt lông. Mai còn trồng được đám rau nên quanh năm nhà có rau ăn. Những hôm đi chăn bò, em hót phân trâu bò rơi vãi ven đường để bón cho rau.

Nhờ chăm học, chăm làm, ngoan ngoãn, năm nào Mai cũng được nhận phần thưởng. Em thật xứng đáng là cháu ngoan của Bác Hồ.

Chú thích :

- *Đen láy* : đen lắm.
- *Đen nhánh* : đen và láng bóng

Từ ngữ : Tròn trĩnh — óng mượt — gọn gàng — chăm học, chăm làm — ngoan ngoãn — xứng đáng.

Câu hỏi :

1. Tại sao Mai khỏe mạnh ? Hình dáng và cách ăn mặc của Mai thế nào ?
2. Mai học tập thế nào ?
3. Ngoài các buổi học, Mai còn làm những việc gì giúp gia đình ?
4. Em học tập ở bạn Mai những điểm gì ?

Nội dung chính : Bạn Mai là một học sinh gương mẫu, xứng đáng là cháu ngoan của Bác Hồ.

21. KỂ CHUYỆN BẠN CHÂU

(Chuyện kể)

1. Bác đồng hồ
Vui tính quá !
Reo giòn giã

Cùng bạn Châu :
Ngày bắt đầu
Công việc mới.

2. Chú gà gọi
Mặt trời lên,
Ngồi bên đèn
Châu ôn tập.

5. Bầy chim cứ
Như reo vui,
Khi mặt trời
Lên rực rỡ.



3. Mặt trời mọc
Dệt tơ vàng,
Trên cành bàng
Bầy chim hót.

6. Ở ngoài ngõ
Lá vàng bay,
Chổi trên tay,
Châu quét dọn.

4. Học bài thuộc,
Xong bài làm,
Châu dắt em
Sang bà gởi.

7. Nhà đã gọn
Sạch, đẹp rồi,
Châu bắc nồi
Nấu cơm sáng.

8. Rồi cùng bạn
Ngồi ôn bài.
Nắng ban mai
Nghe càng buổi.

14. Châu giỏi toán,
Giỏi cả văn.
Bồi học chăm,
Bài làm tốt.

9. Bỗng ai gọi:
«Bạn Châu ơi
Qua đây chơi
Chuyên huyền... chuyển.
Nào mau lên
Cổ chuyển mới».

15. Nên Châu được
Cô giáo khen
Và nêu tên
Học trò giỏi.

10. Nghe tiếng gọi,
Châu ngập ngừng,
Nên hay dừng,
Chơi hay học?

16. Bạn nhờ, hỏi,
Châu tận tình,
Giúp bạn mình
Thật đến chồn.

11. Bác báo thức
Đứng trên bàn,
Lời vang vang
Như nhả nhủ:

17. Bạn đau ốm,
Châu ân cần
Như người thân
Tình thương mến.

12. «Học phải cố,
Chớ ham chơi.
Đến giờ rồi,
Mau đi học!»

18. Mấy bạn lớn
Hay ghẹo trêu,
Gọi: êu... êu
Con «Châu hồng».

13. Châu đến lớp
Thật đúng giờ,
Chẳng thờ ơ
Khi cô giảng.

19. Tay dọa tông,
Chân đá liến,
Đánh mây phen,
Châu không sợ.

20. Bạn cùng ngõ
Bảo Châu rằng:
— Không gì bằng
Thừa cô giáo.

21. Châu liền nói:
Làm phiền cô.
Ngay bây giờ,
Ta họp đội.

22. Và buổi tối,
Đội họp nhau,
Mùa hoa cau
Thơm hương mật.

23. Trước tình thật
Của bạn Châu,
Họ bảo nhau
Đền xin lỗi,

24. Hứa bỏ thói
Ăn hiếp nhau
Và bầu Châu
Làm đội trưởng.

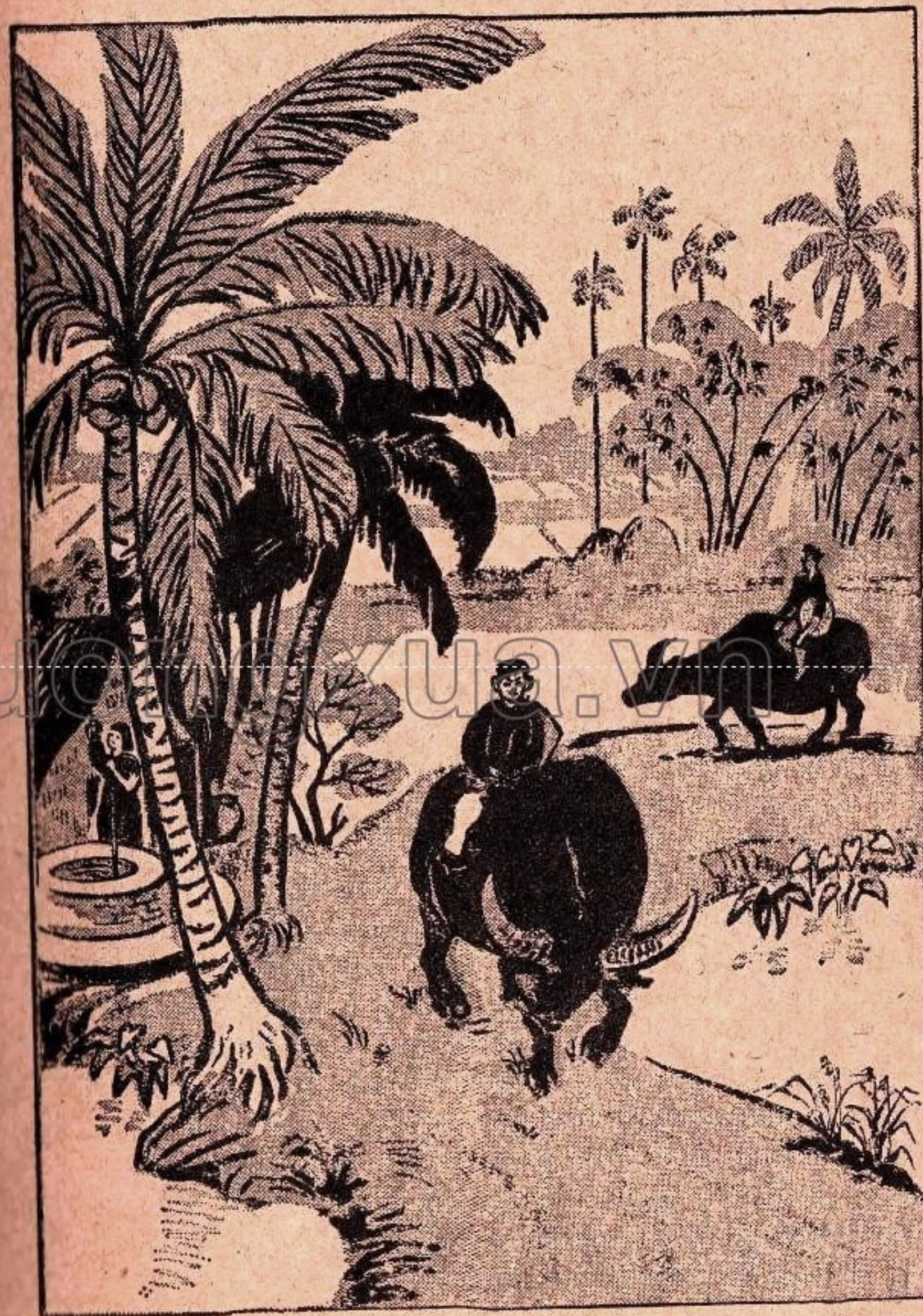
25. Một phần thưởng
Tặng cho Châu:
Em dẫn đầu
Tình đoàn kết.

26. Học nhất lớp,
Trọng người già,
Thương mẹ cha,
Yêu em nhỏ.

27. Đêm trăng tỏ
Sáng hiên nhà;
Bác đồng hồ
Tích tắc... nói:

28. — Bạn Châu giỏi,
Bạn Châu ngoan,
Công việc làm
Đúng giờ giấc.

29. Bác báo thức
Chúc bạn Châu
Luôn dẫn đầu
Là trò giỏi.



22. BÁC ÁI TẶNG GIA SẢN XUẤT



Đợt thi đua sản xuất của huyện Bác ái diễn ra đúng vào ngày mùa. Năm nay, tính theo đầu người, công việc gấp rưỡi năm ngoái.

Việc phát dọn, trồng tria nối tiếp nhau dồn dập. Làm ngày không hết, bà con tranh thủ làm dưới ánh trăng. Trăng tỏa sáng cho người chặt cây, dọn cỏ, cày ruộng, tria lúa. Những đêm không trăng, bà con đốt đuốc đi làm. Nhìn từ xa, ánh đuốc như những ngôi sao đỏ tỏa lên nền trời một vùng hồng rất rộng. Tiếng rựa chặt vào thân cây, tiếng cuốc bẫm vào lòng đất hòa lẫn với tiếng hò giọng hát của bà con, tạo nên nhịp điệu khẩn trương và vui tươi của bài ca lao động.

Sau một thời gian ngắn, bộ mặt núi rừng Bác ái đã thay đổi. Những nương rẫy nối tiếp nhau chạy dài theo triền núi nom thật mát mắt.

Chú thích :

— *Bác ái* : Tên một huyện thuộc tỉnh Thuận hải, Nam Trung bộ.

— *Ngày mùa* : ngày cày cấy hay gặt hái công việc dồn dập.

— *Nom mát mắt* : nhìn thấy thích thú, dễ chịu.

Từ ngữ : Ngày mùa — phát dọn — trồng tria — nương rẫy.

Câu hỏi :

1. Công việc ngày mùa của bà con nông dân bận rộn như thế nào ? Dẫn chứng.
2. Tìm những nét miêu tả sự lao động khẩn trương và vui vẻ của bà con.
3. Sự lao động đó đã đem lại kết quả gì ?

Nội dung chính : Không khí sản xuất của bà con Bác ái thật sôi nổi, khẩn trương.

23. GIỌT MỜ HÔI

*Ca dao kháng chiến
(Học thuộc lòng)*

Mồ hôi mà đổ xuống đồng,
Lúa mọc trùng trùng sáng cả đôi nương.
Mồ hôi mà đổ xuống vườn,
Dâu xanh lá tốt vằn vương tơ tằm.
Mồ hôi mà đổ xuống đầm,
Cá lội phía dưới, rau nằm phía trên.
Mồ hôi xuống, cây mọc lên,
Ăn no đánh thắng, dân yên, nước giàu.
Mồ hôi đổ xuống hoa màu,
Chặn tay thằng Mỹ, giữ đầu thằng Tây.
Ai ơi ra sức cây cà,
Thêm giờ lao động, bớt ngày lao đao.

Chú thích :

— *Lúa mọc trùng trùng*: lúa mọc nhiều và đều khắp nơi.

Từ ngữ : Mồ hôi đổ xuống — lúa mọc trùng trùng — dâu xanh —
ăn no đánh thắng.

Câu hỏi :

1. Mồ hôi đổ xuống ý nói gì?
2. Sức lao động cần cù của nông dân đem lại những kết quả cụ thể gì?

Nội dung chính : Tác giả ca ngợi sức lao động cần cù của nông dân.
Sức lao động ấy đã đem lại của cải, lương thực để đánh thắng giặc.

24. CÁNH ĐỒNG TÂN PHÚ

Cánh đồng này còn rộng hơn cánh đồng phía trước.
Các ập bám vòng quanh cánh đồng.

Trên cánh đồng, người nhỏ cỏ lác đặc trong vài
đám ruộng. Ở đôi đám khác, bà con bắt đầu cày. Phần
lớn đang chờ mưa để làm mùa tháng năm sắp tới.
Đồng bào ở đây làm ruộng theo lời mới, cày một năm
hai, ba mùa. Họ không cho đất nghỉ để có đủ lúa gạo
ăn quanh năm.

Con «kênh kháng chiến» vạch một vạch xanh từ
đầu đến cuối cánh đồng như một vạch ngang nối liền
các ập. Trong cuộc kháng chiến lần trước, đồng bào ở
đây vô cùng gian khổ. Bác Nguyễn Văn Tiệp đã nằm
xuống tại đây. Nhưng ngày nay, trên hai bờ kênh,
trâm bầu và bình bát xanh tốt hơn bao giờ hết.

Chú thích :

- Xã Tân phú, thuộc huyện Cai Lậy tỉnh Tiền Giang, nơi xảy ra
trận Ấp Bắc nổi tiếng.
- *Lác đặc*: thưa thớt.
- *Trâm bầu*: loại cây thường mọc ở bờ kênh, lá hơi giống lá
ôi, quả tựa quả khế nhưng chỉ có bốn khía, giữa có hạt dẹt
làm thuốc xổ sán lải.
- *Bình bát*: có nơi gọi là lục bát, quả chín ruột đỏ, ăn hơi giống
mãng cầu, hạt giống hệt hạt măng cầu.

Từ ngữ : Cánh đồng — làm mùa — không cho đất nghỉ — kênh —
xanh tốt.

Câu hỏi :

1. Cánh đồng xã Tân phú có những đặc điểm gì?
2. Tác giả tả cánh đồng vào thời gian nào? dẫn chứng?

3. Đồng bào ở đây đã có tiến bộ gì trong việc làm mùa?
4. Con kênh được miêu tả bằng nét nào? Nó có đặc điểm gì về mặt lịch sử?

Nội dung chính: Cảnh rộng lớn và đẹp đẽ của cánh đồng xã Tân phú ngày nay.

25. CÂY ĐÊM

(Học thuộc lòng)



Nhớ sao những buổi cây đêm,
 Tiếng cười nho nhỏ, ánh đèn lung linh.
 Hỡi em tay cây nhanh nhanh,
 Có anh cầm súng đứng canh xóm ngoài.
 «Ca-nông» em nhớ lắng tai,
 Bền tre bắn xuống, Mỏ cày bắn qua.

Mẹ ơi tóc bạc tuổi già,
 Cây đêm mẹ vẫn xông pha chẳng sờn.
 Ngón tay bật máu mảnh bom,
 Cây bao nhiêu mạ, cấy hờn bấy nhiêu.
 Chúng tưởng đâu giội nhiều bom đạn,
 Ta bỏ làng, bỏ xóm ta đi.
 Thức đêm ta cây quản gì,
 Sáng ra lúa đã xanh rì đồng ta!

Chú thích:

- Đề thực hiện kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược, trước đây Mỹ — ngày ngày càn quét, bắn phá để triệt đường làm ăn của đồng bào ta. Nhưng bà con vẫn bám đất, bám ruộng sản xuất. Không cấy được ngày thì bà con lại cấy đêm.
- *Lung linh*: (long lanh) rung rinh và phản chiếu ánh sáng.
- *Cây nhanh nhanh*: ý nói cấy mau thoăn thoắt.
- *Ca-nông*: súng đại bác.
- *Xông pha*: đi vào nơi khó khăn, nguy hiểm không quản ngại gì.

Từ ngữ: — Buổi cấy đêm — tiếng cười nho nhỏ — tay cấy nhanh nhanh — xông pha chẳng sờn — lúa xanh rì.

Câu hỏi:

1. Buổi cấy đêm được miêu tả sinh động như thế nào? Từ nào nêu lên nét tươi trẻ của buổi cấy?
2. Những ai tham gia buổi cấy? Họ phải vượt qua những khó khăn gì? kết quả?
3. Thắng lợi của những buổi cấy đêm đưa đến kết quả gì?

Nội dung chính: Tác giả ca ngợi tinh thần lao động dũng cảm của đồng bào ta qua những buổi cấy đêm. Họ bám đất sản xuất, bắt chặp bom đạn kẻ thù.

26. SỐNG CHẾT CÙNG RUỘNG RẦY BUÔN LÀNG

Bọn giặc về làng Nước bông. Chúng định cướp lại ruộng đất công mà Bok Hồ đã đem lại cho dân làng. Lòng người Ba-na sục sôi căm giận. Đồng bào đem sừng trâu ra cắm giữa ruộng. Chiếc sừng trâu ngụ ý: mạng sẽ đổi mạng, nếu chúng xâm phạm đến quyền sở hữu thiêng liêng của đồng bào.

Giặc đồn làng để mong chinh phục. Dân làng đáp lại: « Một gang tay cũng không đi ». Cùng với làng Nước bông, các làng khác cũng cắm chông, rào làng, rập đường. Từ giữa năm 1959, đồng bào đã vùng lên vũ trang chống càn quét trong tiếng hát hào hùng:

« Không thể sống với bầy ó trắng,
Cải thuế, cải xấu đê nặng
Như trăm ngàn hòn đá lớn trên lưng.
Phải đứng dậy rào làng,
Cắm mang cung khắp rừng, khắp rú.
Khổ thì trả khổ,
Đấu phải trả đấu ».

Chú thích:

- Nước bông: là một làng thuộc huyện Vĩnh thanh, miền Tây tỉnh Nghĩa bình.
- Bok: tiếng dùng để gọi người lớn tuổi như cụ, ông, bác.
- Ba-na: tên một dân tộc Tây nguyên.
- Quyền sở hữu: quyền được tự ý hưởng và sử dụng theo pháp luật.
- Chinh phục: bắt người ta phải theo ý muốn của mình.

- Võ trang: trang bị vũ khí.
- Mang cung: loại bẫy phóng lao.

Từ ngữ: Cướp lại — sừng trâu cắm ruộng — chinh phục — một gang tay không đi — rào làng.

Câu hỏi:

1. Đồng bào Ba-na ở Nước bông đã làm gì để giữ vững ruộng rẫy?
2. Để chống lại âm mưu dồn dân của giặc, đồng bào làm gì?
3. Bài hát của đồng bào nói lên điều gì?

Nội dung chính: Đồng bào Ba-na đã kiên quyết đấu tranh chống âm mưu cướp ruộng, dồn dân của Mỹ — ngụy.

(Chuyện kể tuần này do địa phương soạn)

TUẦN LỄ THỨ 6

27. QUYẾT GIỮ MÙA VÀNG

Trên cánh đồng xã Điện ngọc, lúa tám thơm hồi hồi chín tới. Sóng lúa nhấp nhô chào Nghiêu bằng những chùm bông sây hạt vàng nặng trĩu. Mùi hương lúa chín làm anh ngây ngất. Anh tự dặn lòng: « Một giọt máu đỏ của mình sẽ đổi một hạt lúa no tròn cho đồng bào. Không, không một loại xe Mỹ nào được giày xéo lên cánh đồng này! »

Xe P. 18 của Mỹ bò vào! Một chiếc... hai chiếc... mười hai chiếc...! Bãi cát Điện ngọc rung lên. Khói

cát mịn mù vầy lầy bấy thú kỳ dị. Nghiêu giương khẩu A.T. lên... bóp cò! Con thú sắt Mỹ khổng lồ bốc cháy ngùn ngụt. Lũ quỷ trong xe rông lên. Thằng nào lọt ra ngoài, tiểu liên, thủ pháo của Ba và Vân quét tiết.



Tổ Nghiêu lao vào làng. Đồng bào ôm chầm lấy anh mà hôn. Còn anh, sau khi đã dập lại tình cảm của đồng bào, anh lại ôm khẩu súng mà hôn như hôn chính quả tim mình.

Chú thích:

- Điện ngọc: tên một xã thuộc huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng nam — Đà Nẵng.
- Hôi hời chín tới: chín nhanh.
- Sây hạt: bông lúa đầy hạt.

Từ ngữ: Mùa vàng — sóng lúa — sây hạt — no tròn.

Câu hỏi:

1. Cánh đồng lúa xã Điện ngọc hứa hẹn một vụ thu hoạch thế nào? dẫn chứng?
2. Trước cánh đồng lúa vàng đẹp, Nghiêu và các chiến sĩ có ý nghĩ gì?
3. Quyết tâm diệt giặc, bảo vệ quê hương của Nghiêu và các chiến sĩ du kích đã đưa đến thắng lợi vẻ vang gì?

Nội dung chính: Nghiêu và các chiến sĩ du kích Điện ngọc quyết tiêu diệt xe Mỹ, bảo vệ mùa lúa quê hương.

28. KINH NGHIỆM SẢN XUẤT

Tục ngữ

(Học thuộc lòng)

- Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.
- Ăn kỹ no lâu, cày sâu tốt lúa.
- Trăng rằm đã tỏ lại tròn,
Khoai lang đất cát đã ngon lại bùi.
- Thứ nhất cày ải, thứ nhì vãi phân.
- Nhât nước, nhì phân, ba cần, bốn giồng.
- Đất đập nhỏ, luồng đánh to,
Xung quanh rắc đậu, trồng ngô xen vào.
- Khoai ruộng lạ, mạ ruộng quen.
- Bao giờ đơm đóm bay ra,
Hoa gạo rụng xuống thì tra hạt vừng.
- Được mùa lúa, úa mùa cau.

Chú thích :

- *Ăn kỹ* : ý nói ăn đầy đủ.
- *Cày ải* : cày xong rồi phơi đất cho xốp để thêm nhiều chất màu.
- *Ngô* : bắp.
- *Khoai ruộng lạ* : khoai lang ưa nhiều chất mùn nên trồng ở đất mới thì củ to hơn. Nếu ruộng chuyên trồng khoai thì cần thay giống khoai mới hoặc bón nhiều phân. Những ruộng đất pha cát thì đất xốp thoáng, nên khoai củ to.
- *Tra hạt vùng* : gieo hạt mè xuống đất. Hoa gạo rụng vào khoảng tháng ba âm lịch, lúc ấy hết mùa mưa, không sợ mè hỏng.
- *Được mùa lúa, úa mùa cau* : lúc cau có quả con là lúc đang cần nước cấy (tháng 5, 6 âm lịch). Nếu mưa to đủ nước cấy thì cau bị rụng nhiều quả con.

Từ ngữ : Cày sâu — vãi phân — đánh luống — tra hạt — được mùa.

Câu hỏi :

1. Trong các câu tục ngữ trên, những câu nào nói về kinh nghiệm trồng lúa ? Những câu nào nói về kinh nghiệm trồng khoai ?
2. Em hãy tìm vần trong các câu tục ngữ này ?
3. Tại sao đọc những câu tục ngữ trên, ta thấy thuận miệng và dễ thuộc ?

Chú ý : Các câu hỏi trên chỉ dùng sau khi đã giảng cho các em hiểu ý nghĩa của các câu tục ngữ.

Nội dung chính : Các câu tục ngữ trên nêu những kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp của nhân dân ta.

29. TÂY NGUYÊN ĐỔI MỚI

Chúng tôi men theo triền dốc, đi xuyên qua một khóm rừng già um tùm. Làng Đơ len hiện ra sau những

rẫy lúa xanh tươi. Những bụi lúa nở tròn, rung rinh theo gió. Mặt trời sắp lặn. Ánh nắng chiều vương trên những thân ngô cao, bắp tròn mập mạp. Ngang qua đây, thấy lúa xanh ngô tốt, ai cũng trăm trổ khen ngợi.



Tôi hỏi chị cán bộ xã : « Rẫy này ai phát mà lúa tốt dữ vậy chị ? ». Chị vui vẻ đáp : « Rẫy làng mình đó. Mấy năm trước, bà con còn làm ăn riêng lẻ. Bây giờ có Mặt trận lãnh đạo, bà con đã biết đoàn kết, tương trợ lẫn nhau. Rẫy này do cả tổ làm chung, phát kỹ nên lúa mới tốt như vậy đó ».

Chú thích :

Bài này viết trong thời kỳ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt nam lãnh đạo nhân dân sản xuất và chiến đấu chống Mỹ, cứu nước.

- *Rừng già* : Rừng có nhiều cây cối mọc lâu năm.
- *Trăm trổ* : tỏ ý khen ngợi, cảm phục.
- *Tương trợ* : giúp đỡ nhau.

Từ ngữ : Triển dục — rùng già — rẫy — lúa xanh tươi — phát kỹ.

Câu hỏi :

1. Rẫy lúa, ngô của đồng bào Tây nguyên đẹp như thế nào ?
Dẫn chứng.
2. Nhờ đâu mà bà con đạt được kết quả lao động tốt như vậy ?

Nội dung chính : Có Mặt trận lãnh đạo, đồng bào Tây nguyên biết sản xuất tập thể nên lúa, ngô rất xanh tốt.

30. CÓ PHẢI DÒNG MƯƠNG NGỦ

(Học thuộc lòng)



Mương xanh phẳng lặng
Nằm im giữa đồng,
Dòng mương đã ngủ
Giữa chiều mùa đông.

Đừng nghĩ mương ngủ,
Lắng nghe, lắng nghe
Từng dòng máng nhỏ
Reo vui bồn bể.

Mương rộng là mẹ,
Máng nhỏ là con.
Mương chia đều nước
Cho máng chảy đôn . . .

Mương máng khắp đồng,
Sớm hạ, chiều đông,
Chăm chỉ làm việc,
Bạn ơi biết không ?

Chú thích :

— Mương xanh : con mương lòng chứa nước, màu nước xanh.

Từ ngữ : Mương — dòng mương — máng — chia đều nước — chăm chỉ làm việc.

Câu hỏi :

1. Tìm những câu thơ tả vẻ đẹp của con mương?
2. Tại sao ta biết mương không ngủ mà đang chăm chỉ làm việc?
3. Mương máng có ích lợi gì cho bà con nông dân?

Nội dung chính : Nhìn dòng mương phẳng lặng, ta tưởng như nó ngủ. Thực ra, mương đang chăm chỉ đem nước vào ruộng.

31. CÂY THỐT NỐT Ở CAM-PU-CHIA

Cây thốt nốt là hình ảnh duyên dáng, gắn liền với làng mạc Cam-pu-chia hiền hòa.

Cây thốt nốt gần giống cây dừa nhưng thân tròn, trơn và cao hơn. Lá trên ngọn nhìn xa tựa như tàu lá cọ. Cây giăng hàng trên các bờ vườn, bờ ruộng, bờ rạch, bờ sông. Cây chen chúc giữa các xóm ngõ, đồng cỏ, chùa chiền.

Cây thốt nốt gắn bó với đời sống người nông dân Khơ-me như cây tre đối với người nông dân Việt nam. Lá thốt nốt dùng lợp nhà, chằm nón... Cây thốt nốt dùng làm nhà, làm cầu hoặc xẻ ván, khoét thuyền... Từ những vật dùng hàng ngày cho đến sợi thừng, dây chao đều lấy từ cây thốt nốt. Đặc biệt là đường. Đường thốt nốt vừa thơm, vừa béo, vừa ngọt đậm lại vừa nhiều.

Thốt nốt thật là giống cây đặc biệt của đất nước Chùa Tháp giàu đẹp và anh hùng.

Chú thích :

- Cọ : loài cây cùng họ với dừa, lá dùng làm nón, làm áo tơi, lợp nhà...
- Đường thốt nốt nấu bằng nước đường lấy từ những buồng hoa của cây thốt nốt.
- Đất nước Chùa Tháp : đất nước Cam-pu-chia, nơi có nhiều Chùa Tháp đẹp nổi tiếng.

Từ ngữ : Hình ảnh duyên dáng — gắn bó — đường thốt nốt — đất nước Chùa Tháp.

Câu hỏi :

1. Cây thốt nốt gắn liền với làng mạc Cam-pu-chia như thế nào?
2. Vì sao cây thốt nốt lại gắn bó mật thiết với đời sống người nông dân Khơ-me?
3. Đường thốt nốt có đặc tính gì?
4. Tại sao nói : thốt nốt là giống cây đặc biệt của đất nước Chùa Tháp?

Nội dung chính : Cây thốt nốt là hình ảnh thân thuộc gắn bó với đất nước và con người Cam-pu-chia như cây tre đối với đất nước và con người Việt nam.

32. CHUYỆN BẢY EM CHĂN TRÂU

(Chuyện kể)

Bảy em chăn trâu
Ở tỉnh Bà Rịa
Vô cùng thâm thía
Tội ác quân thù.

Một sớm sương mù
Đưa trâu ăn cỏ,
Thầy bên miếu đồ
Trong một lùm cây,
Một chị, trên tay
Máu ra lai láng.
Cặp mắt chị sáng,
Nét mặt chị hiền,
Các em biết liền
Đó là cán bộ.

Sợ chị bị lộ,
Các em tới khuyên :
— Chị phải tìm liền
Một nơi để núp.
Giặc đang lùng sục,
Càng phải lánh mau.

Cồ nén cơn đau,
Thiệt tha chị nói :
— Giặc như bầy sói
Sục sạo khắp vườn,
Bản chị bị thương
Máu ra nhiều quá !

Chị đã mệt lả,
Còn phải vượt xa.
Cánh đồng trông ra
Sao mà quá trông.

Các em cảm động,
Giờ tỉnh sao đây.
Một em nói ngay :
— Tôi đã có cách !

Bảy em một mạch
Chạy lượm sông dừa,
Chấp dày chấp thưa
Làm thành cái cáng.

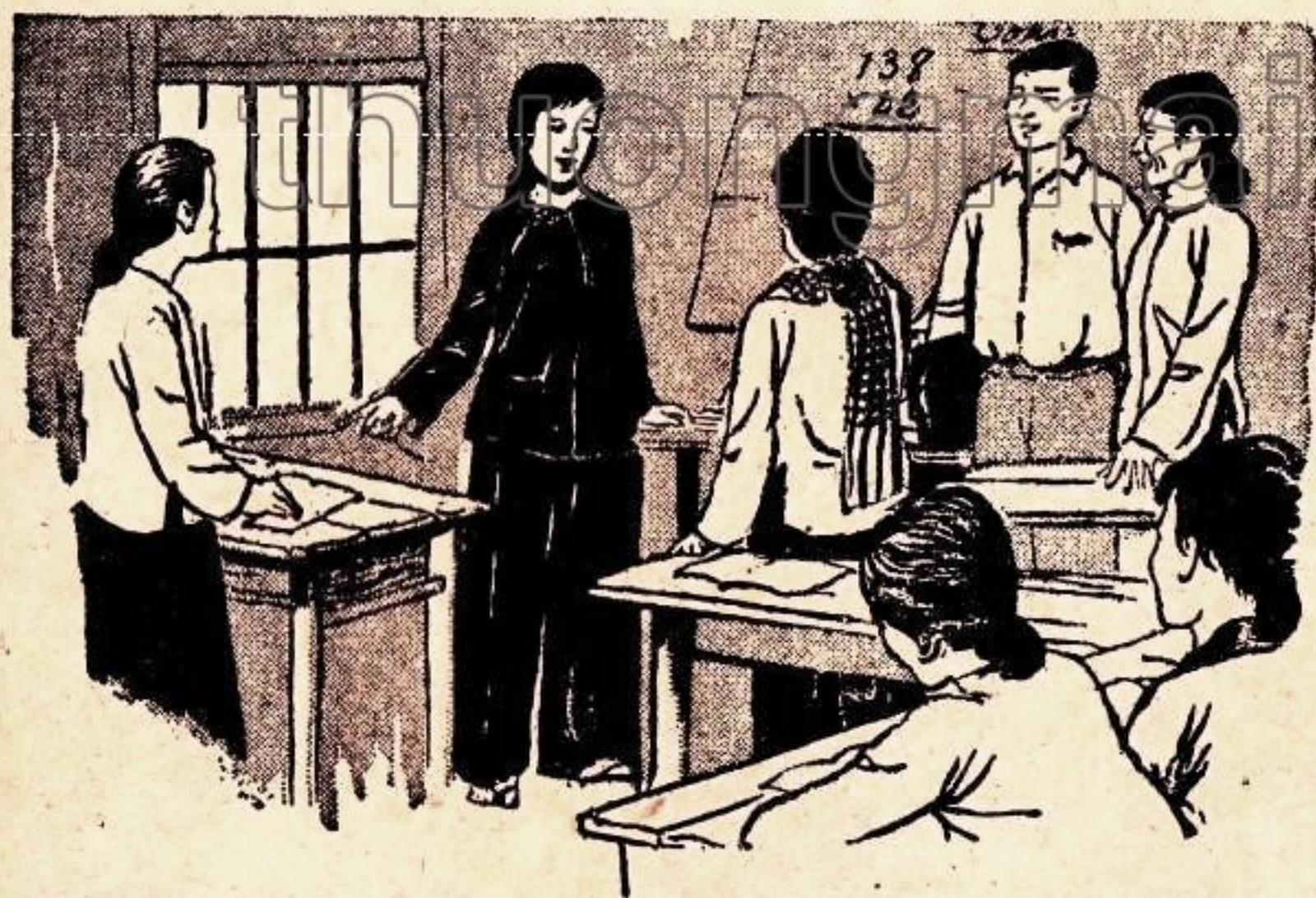
Thay phiên bảy bạn
Khiêng chị bị thương.
Cái cang đường đường
Tiền qua đồng trống.
Bảy con trâu mộng
Đi kín bốn bên,
Tất cả tiền lên

Thoát qua mắt địch.
Các em đùa nghịch,
Cười nói tự nhiên...

Giặc Mỹ nổi điên :
— Vi-xi biên mật !

TUẦN LỄ THỨ 7

33. TRONG MỘT LỚP HỌC BÌNH DÂN



Chị giáo viên vui vẻ giới thiệu những học viên ưu tú của lớp với khách tham quan.

Đây ! Chị Út có ba con. Chồng chị là du kích. Hễ anh đi học thì chị giữ con. Chị đi học thì giao con lại cho anh. Hai vợ chồng rất chăm học. Cả học kỳ, không ai bỏ một buổi học nào. Kia là bác Chín. Năm nay bác đã năm mươi tuổi nhưng khi nghe mở lớp, bác là người ghi tên đầu tiên. Bác nói : « Có học mới đọc được tin tức, sách báo, mới hiểu biết tình hình chứ ! ». Bên cạnh bác là chị Ba Minh, chú Hai Lý..., những tấm gương sáng về tinh thần học tập.

Những mái tóc điểm bạc kể bên những mái đầu còn xanh. Tất cả đang say sưa, miệt mài đánh vần, tập viết. Dưới ánh đèn dầu, tiếng đọc bài vang lên âm áp cả xóm thôn.

Chú thích :

— Khách tham quan : khách đến thăm.

— Học viên ưu tú : học viên giỏi, đạt nhiều thành tích xuất sắc.

Từ ngữ : Lớp học bình dân — học viên ưu tú — miệt mài học tập.

Câu hỏi :

1. Học viên của lớp bình dân xã là những ai?
2. Bà con đi học với ý nghĩ đơn giản và tốt đẹp như thế nào?
3. Tinh thần học tập của mọi người như thế nào?

Nội dung chính : Tinh thần hăng say học tập của bà con nông dân vùng giải phóng.

34. CÂU ĐỐ VỀ CON VẬT VÀ ĐỒ VẬT

(Học thuộc lòng)

1. Hai gươm, tám giáo,
Mặc áo da bò,
Thập thò cửa lỗ.

(là con gì?)

2. Không chân, không tay,
Không mắt, không mũi,
Lủi thủi mà đi.

(là con gì?)

3. Đầu trọc lông lóc,
Tóc mọc vào trong,
Hai dây thông lòng,
Bật lên thì sáng.

(là cái gì?)

4. Đầu tròn tròn trọc,
Đuôi dài lê thê,
Khắp chợ cùng quê
Đâu đâu cũng có.

(là cái gì?)

Chú thích:

— Thập thò: Nhô ra, thụt vào, có vẻ rụt rè, sợ sệt.

— Tròn trọc trọc: rất tròn và thô.

— Dài lê thê: rất dài và có vẻ không gọn gàng.

Từ ngữ: Áo da bò — lủi thủi — trọc lông lóc — tròn trọc trọc.

Câu hỏi:

1. Trong hai câu đố đầu, câu nào dùng lối so sánh? Câu nào dùng lối miêu tả?
2. Trong câu 3, đồ vật được miêu tả như một con người. Hãy dẫn chứng.
3. Trong câu 4, đồ vật được miêu tả như một con vật bằng những từ nào?
4. Các câu đố trong bài có những từ nào vần với từ nào?

Chú ý: Các câu hỏi trên chỉ dùng sau khi đã giảng và gợi ý cho các em giải đáp được cả 4 câu đố.

Nhận xét: Trí tưởng tượng và óc quan sát của nhân dân ta rất phong phú.

35. BỨC THƯ CỦA MỘT NÔNG DÂN LIÊN XÔ

Anh,

Anh hãy đến thăm nông trường chúng tôi vào một ngày xuân nào đó, khi hoa lê nở trắng trên cành. Đỉnh núi A-la-tau tuyết phủ long lanh dưới ánh mặt trời. Trên sườn núi, cỏ non xanh rờn. Những ngọn suối từ trên núi ào ào đổ xuống. Các khe lạch đón lấy dòng nước xanh dẫn vào vườn ruộng.

Sung sướng biết bao! Tất cả cảnh đẹp đó, tất cả của báu đó là của những người nông dân Xô viết chúng tôi, là do Đảng cộng sản kính yêu đem lại cho chúng tôi. Trước đây, bọn địa chủ bóc lột chúng tôi; chúng tôi bị đói rách, khổ cực. Ngày nay, chúng tôi được no ấm, vui tươi. Lao động tập thể mỗi năm đem lại cho chúng tôi

hơn mười triệu rúp hoa lợi. Chúng tôi làm nhà mới, trường học cho con em, nhà giữ trẻ, nhà máy điện, nhà cất rượu nho, mua máy móc, dụng cụ...

Chú thích :

- *A-la-tau* : tên một ngọn núi ở Trung Á, thuộc Liên xô.
- *Tuyết* : nước gặp lạnh đọng lại thành bông rơi và phủ trên mặt đất. Ở xứ lạnh mới có tuyết.
- *Rúp* : tiền Liên xô.

Từ ngữ : Nông trường — nông dân Xô viết — lao động tập thể — hoa lợi.

Câu hỏi :

1. Cảnh nông trường ở Liên xô vào mùa xuân tươi đẹp như thế nào?
2. Trước kia, cũng trong cảnh đẹp đó, người nông dân Liên xô sống khổ cực thế nào?
3. Ngày nay, cuộc sống lao động tập thể đã đem lại những lợi ích thiết thực gì cho họ?

Nội dung chính : Cảnh đẹp ở nông trường Liên xô về mùa xuân và đời sống ấm no tươi đẹp của những người nông dân Xô viết.

36. TÌNH THƯƠNG YÊU, ĐOÀN KẾT

Tục ngữ

(Học thuộc lòng)

1. Thương thì củ ấu cũng tròn;
Ghét thì bồ hòn cũng méo.

2. Thương nhau cau sáu bữa ba;
Ghét nhau cau sáu bữa ra làm mười.
3. Bầu ơi, thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.
4. Khôn ngoan đòi đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.
5. Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước thì thương nhau cùng.

Chú thích :

- *Giá gương* : chân gỗ dùng để đỡ gương.
- *Củ ấu* : ấu là loài cây ở nước, có hoa trắng. Củ ấu màu đen, có sừng, có cạnh, chứa bột trắng, ăn được.
- *Bồ hòn* : loài cây có quả tròn, vị đắng, xát vào nước có bọt, có thể dùng để giặt quần áo.

Từ ngữ : Củ ấu cũng tròn — cau sáu bữa ba — chung một giàn — gà cùng một mẹ — thương nhau.

Câu hỏi :

1. Những câu nào nói lên ý : yêu nên tốt, ghét nên xấu? Tác giả nói lên ý đó bằng những hình ảnh nào?
2. Trong câu thứ 3 *bầu* và *bí* chỉ những ai? Hình ảnh bầu bí chung một giàn nói lên điều gì?
3. Trong câu thứ 4 và 5, những người cùng một nòi giống được nêu lên bằng hình ảnh nào? Còn hình ảnh nào nêu lên sự che chở, đùm bọc, giữa những người cùng một Tộc quốc?
4. Các câu nào khuyên dạy ta phải biết thương yêu, đoàn kết nhau giữa những người cùng quê hương, nòi giống, cùng Tộc quốc?

Nội dung chính : Người cùng một giống nòi, một Tộc quốc phải biết thương yêu, đoàn kết với nhau.

Trâu trả lời vào tai cọp:

— Người tuy nhỏ, nhưng người có trí khôn, anh ạ!

Cọp nghe nói đến «trí khôn», không hiểu, tò mò hỏi:

— Trí khôn là cái gì? Nó như thế nào?

Trâu không biết làm sao cho cọp hiểu được, đành trả lời qua quýt:

— Trí khôn là trí khôn, chứ còn là cái gì nữa! Muốn biết rõ thì hỏi người ấy!

Cọp thông thả bước lại chỗ anh nông dân, ôn tồn nói:

— Trí khôn của anh đâu, cho tôi xem một tí có được không?

Anh nông dân suy nghĩ một lúc rồi nói:

— Trí khôn tôi để ở nhà. Để tôi về lấy cho anh xem. Anh có cần dùng, tôi sẽ cho anh một ít.

Cọp nghe nói mừng lắm.

Anh nông dân đứng dậy, giả đi về nhà. Được mấy bước, như sực nhớ ra điều gì, anh ta quay lại nói:

— Nhưng khi tôi đi vắng, lỡ anh ăn mất trâu của tôi thì sao? Hay là anh chịu khó để tôi trói tạm anh vào gốc cây này cho tôi được yên tâm.

Cọp muốn xem trí khôn quá nên ưng thuận. Anh nông dân bèn lấy dây thừng trói cọp thật chặt, rồi dắt ra xung quanh, vừa châm lửa đốt vừa nói:

— Đây, trí khôn của ta đây!



Cọp cháy cả lông, găm thét, giãy giụa.

Trâu thấy vậy thích quá, bò lăn ra cười. Không may, hàm trên va vào đá, gãy mất cả răng.

Mãi sau, dây thừng cháy đứt, cọp thoát khỏi, ba chân bốn cẳng cút thẳng vào rừng, không dám ngoảnh nhìn lại.

Từ đó cọp sinh ra con nào trên mình cũng có những vằn đen dài, dấu tích những vết cháy, còn trâu thì chẳng con nào có hàm răng trên cả.

39. XÃ EM ĐÒI MỚI

Từ ngày giải phóng, bộ mặt xã em đã đổi mới.

Bà con nông dân phần khởi tăng gia sản xuất. Ngô, lúa, lợn, gà, trái cây, thứ gì cũng tăng gấp đôi. Hiện nay, chợ xã đông gấp hai, ba lần trước đây. Người mua, người bán không thiếu một thứ gì. Bền chợ có bốn chiếc thuyền máy thường xuyên chờ hàng và hành khách ra vào buôn bán.

Xã đã mở sáu lớp cấp một. Hàng ngày có trên hai trăm học sinh tới học. Ngoài ra, xã còn có hàng mấy chục lớp học bình dân và bổ túc. Mỗi ấp lại có một trạm y tế. Toàn xã có một nhà hộ sinh. Các đội văn công, chiếu bóng của tỉnh, của huyện thường về phục vụ. Xã lại có một đội ca múa thiếu nhi. Phòng thông tin xã mới dựng lên, có nhiều tranh ảnh, báo chí. Chiều chiều, đồng bào quây quần tại đây để đọc sách báo, tin tức.

Chú thích:

- *Bộ mặt*: ở đây ý nói cảnh tượng sinh hoạt.
- *Văn công*: ở đây chỉ đội nghệ thuật ca múa, nhạc, sân khấu.
- *Thuyền*: ghe.

Từ ngữ: Phần khởi tăng gia sản xuất — trạm y tế — đội văn công — phòng thông tin.

Câu hỏi:

1. Từ ngày giải phóng, xã em đã thay đổi như thế nào?
2. Kể một số công trình văn hóa xã hội mới được xây dựng ở xã.

Nội dung chính: Sau ngày giải phóng, bộ mặt của xã đã đổi mới. Cuộc sống nhộn nhịp vui tươi.

40. TRỜI ĐÀNH CHỊU THUA

(Học thuộc lòng)

Ngày xưa hạn hán, cầu trời,
 Ngày nay hạn hán thì người trị ngay.
 Trị đêm rồi lại trị ngày,
 Cho tên giặc hạn biết tay của người.
 Vừa làm vừa thách cả trời:
 Có muốn tắm mát thì mời xuống đây...
 Nước kia ở dưới đất này,
 Đào sâu, vét kỹ, nước đầy mương ao.
 Thách trời cứ hạn nữa vào!
 Đong ta đủ nước, hoa màu vẫn xanh.
 Chiều chiều nghe tiếng phát thanh:
 Người chăm thủy lợi, trời đành chịu thua!

Chú thích:

- *Hạn hán*: nắng, hanh nhiều, đất khô, không có nước cày cấy.
- *Thủy lợi*: công việc khơi ngòi đào mương, đắp đập để đưa nước vào ruộng và để thoát nước khi ngập, úng.

Từ ngữ: Hạn hán — trị ngay — đào sâu — vét kỹ — chăm thủy lợi.

Câu hỏi :

1. Đối với nạn hạn hán, thái độ của người nông dân ngày nay khác xưa thế nào ?
2. Ngày nay nông dân ta đã làm gì để chống hạn bảo vệ mùa màng ?
3. Nhờ lao động tập thể, nông dân ta đã chiến thắng thiên tai như thế nào ?

Nội dung chính : Tinh thần quyết chiến thắng hạn hán, bảo vệ mùa màng của bà con nông dân.

41. ĐÓN HẠT VÀNG MƯƠI



Cánh đồng lúa trước làng trải dài như một bức thảm. Mặt trời càng lên cao, đồng lúa càng vàng rực như

màu lụa mới. Từng đoàn người nón trắng nhấp nhô, đang thoăn thoắt đưa tay liềm xén ngang từng bụi lúa. Trên trời xanh, đàn cò trắng lượn như ngэм cánh đồng lúa chín.

Trên đường, từng gánh lúa nặng trĩu kít nời đuôi nhau chạy về thôn xóm. Máy cò gái gánh lúa trên đường, cất cao giọng hò

«Trải bao dãi gió dầm mưa,
Đền nay mới có vụ mùa tốt tươi.
Đồng quê vang tiếng hát cười,
Dang tay đón hạt vàng mười về thôn.»

Tiếp theo giọng hò, tiếng cười vang lên giòn giã. Trong làng cũng nhộn nhịp khác thường. Sân phơi vang lên tiếng cào lúa, tiếng sàng, sảy. Từng đồng lúa vàng sáng rực lên dưới ánh nắng hồng. Năm nay được mùa nên ai nấy đều phấn khởi.

Chú thích :

- Kít kít : tiếng quang giống cò vào đòn gánh khi gánh nặng.
- Hạt vàng mười : ý nói hạt lúa rất quý, ví như hạt vàng mười, thứ vàng tốt nhất.

Từ ngữ : Vàng rực — nặng trĩu — cào, sảy — nhộn nhịp khác thường.

Câu hỏi :

1. Em hãy nêu lên những hình ảnh tươi đẹp của cánh đồng trong mùa lúa chín.?
2. Niềm phấn khởi của bà con nông dân trong mùa thu hoạch lúa được miêu tả bằng những nét nào ?
3. Vì sao ta nói hạt lúa là hạt vàng mười ?

Nội dung chính : Cảnh vui tươi nhộn nhịp ở nông thôn trong ngày thu hoạch một mùa lúa thắng lợi.

42. GIÓ MỚI QUÊ TA

(Học thuộc lòng)

Quê ta tiếng súng im rồi,
Hòa bình nghe gió khắp nơi thổi về.
Nắng vàng sáng rực bờ tre,
Chim reo thẳng lợi, gà nghe gáy mừng.
Mẹ già mắt lệ rung rung,
Trăm năm nay mới thấy xuân trở về.
Bóng thù đã sạch đường quê,
Việt nam ta lại cùng về với nhau.
Người đi trước dắt người sau,
Cùng nhau xóa hết thương đau bao ngày.
... Cùng nhau góp của, góp công.
Dựng xây thôn xóm, ruộng đồng quê ta.
Anh em, chồng vợ, mẹ cha
Lại về sum họp một nhà chung vui.

Chú thích:

- Trăm năm nay mới thấy xuân trở về: ý nói: từ khi thực dân Pháp cướp nước ta đến lúc tên lính Mỹ cuối cùng rút khỏi nước ta, dân tộc ta phải chiến đấu hơn trăm năm. Đến nay Tổ quốc ta mới hoàn toàn độc lập; dân ta mới hoàn toàn tự do.
- Xây đắp tương lai: xây dựng lại đất nước và cuộc sống tươi đẹp sau này.

Từ ngữ: Hòa bình — thẳng lợi — xóa hết thương đau — một nhà chung vui.

Câu hỏi:

1. Hòa bình được lập lại, mọi người mừng vui như thế nào? Hình ảnh nào nói lên niềm vui lớn đó?
2. Khi kẻ thù của dân tộc đã rút khỏi nước ta, những người Việt nam phải sống với nhau như thế nào? vì sao phải như vậy?
3. Chúng ta phải làm gì để giữ vững hòa bình?

Nội dung chính: Hòa bình đã được lập lại trên đất nước ta. Đây là một thắng lợi lớn của toàn dân tộc. Chúng ta cần phải giữ vững hòa bình, xây dựng đất nước, quê hương.

43. MÀU XANH QUÊ TÔI

Khi còn ở bên kia sông, tôi vẫn thường hỏi thăm những người bạn đồng hương: «Dừa quê ta thề nào?» Có người nói: «Điều tàn hết anh ơi! Anh về mà coi». Nhưng có người lại nói: «Chẳng ăn thua gì! Nó có bỏ bom đèn đời cháu cũng không hết được!».

Bây giờ thì tôi đã về đến nơi rồi.

Tôi đi giữa màu xanh bắt tận của xứ dừa. Màu xanh đậm đà, đầm ấm như cuộn tôi vào lòng. Màu xanh giăng trải ra trước mắt tôi làm tôi bàng hoàng, ngây ngất. Đôi mắt tôi chẳng đủ để tôi nhìn. Tôi mở rộng lòng ra mà đón lấy. Bất kỳ ở đâu, đứng bên này nhìn sang bên kia, tôi vẫn thấy một màu xanh. Mía và lúa xanh nhạt, dừa xanh đậm. Nhưng giữa vệt xanh của dừa còn có những lốm xanh của chuối. Tất cả những mảng, những khối

xanh kia ôm quện lấy nhau. Sức sống như từ dưới đất trào lên, chen lẫn nhau để mọc lên xanh hơn nữa.

Chú thích :

— **Đồng hương :** cùng quê.

— **Bất tận :** không bao giờ hết.

Từ ngữ : Màu xanh bất tận — xú dừa — xanh nhạt — xanh đậm.

Câu hỏi :

1. Bom đạn Mỹ đã tàn phá quê hương ta như thế nào?
2. Mặc dầu bom đạn địch tàn phá, quê hương ta vẫn tươi đẹp thế nào?
3. Màu xanh quê hương được miêu tả bằng những từ nào?

Nội dung chính : Mặc dầu giặc Mỹ ném bom tàn phá, quê hương ta vẫn luôn luôn xanh tươi, tràn đầy sức sống.

(Chuyện kể tuần này do địa phương soạn)

TUẦN LỄ THỨ 9

44. CÂU ĐỐ MỚI

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Có người tuổi nhỏ anh hùng
Quân thù phải gọi bằng « ông » nề vì...
Chết cho Cách mạng quân gi.
Trung kiên, bất khuất, gan lì tướng quân.

2. Chị dù đang tuổi tròn trăng,
Sa vào tay giặc sắt gang chẳng dờ,
Hiên ngang thà chết không khai,
Lê-ki-ma vẫn hoa gài tóc xanh.

3. Một lòng quyết chí hy sinh
Lỗ châu mai địch, lây mình lập ngay.
Kẻ thù chưa kịp trở xoay,
Quân ta xóc tới thẳng tay diệt đồn.

4. Một đời chín phút cuối cùng
Làm nên lịch sử, anh hùng xiết bao.
« Sông như Anh » đáng tự hào,
Gương người thợ điện nêu cao trong ngoài...

Chú thích :

— Anh Lý Tự Trọng khi bị giam trong nhà lao vẫn luôn luôn nêu cao ý chí đấu tranh kiên trung, bất khuất nên bọn cai ngục rất kính nể, thường gọi anh là « ông nhỏ ».

— **Trung kiên :** trung thành và bền bỉ.

— **Tuổi tròn trăng :** tuổi mười lăm, mười sáu.

— **Lê-ki-ma :** một giống cây ăn quả, trồng rất nhiều ở Nam bộ.

— **Lỗ châu mai :** lỗ ở tường lỗ cốt để ghé súng vào mà bắn ra ngoài.

Từ ngữ : Tuổi nhỏ anh hùng — trung kiên — hiên ngang — hy sinh — đáng tự hào.

Câu hỏi :

1. Em được biết người anh hùng tuổi nhỏ nào đã khiến kẻ thù kính nể và gọi anh là « ông nhỏ »?
2. Người nữ anh hùng thiếu niên nào khi bị đem xử bắn vẫn cài hoa lê-ki-ma trên mái tóc?

3. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, miền Nam ta có anh hùng nào cũng lấy thân mình lấp lỗ châu mai như anh hùng Phan Đình Giót hồi kháng chiến chống Pháp?

4. Người liệt sĩ nào làm nghề thợ điện và là nhân vật chính trong quyển sách « Sống như Anh »?

Nội dung chính : Câu đố về những anh hùng liệt sĩ mà các em thường được nghe kể chuyện.

45. TRÊN ĐẤT VIỆT NAM

Bom đạn của giặc Mỹ đã trút xuống đất nước này bao nhiêu rồi, cỏ cây Việt nam vẫn tiếp tục vươn lên, tràn trề nhựa sống. Trên miệng các hố bom, cỏ đã phủ từng mảng xanh rờn. Trên các cánh rừng, các làng xóm..., từ những thân cây bị mảnh thép mảnh gang chém cụt hoặc chẻ tước ra xơ xác, những mầm non hút nhựa sống từ trong lòng đất vọt lên, đã chọc thủng những mảnh vỏ khô, đâm ra tua tủa đêm ngày. Trên cao, những làn mây xám ẩm ướt, giá lạnh đã nối tiếp nhau trôi đi, để lộ ra những mảng sáng trong trẻo. Và mặt trời như một con mắt huy hoàng, trẻ trung, hiện ra chói lọi, ấm áp. Từng đàn chim, từ những miền xa xôi riu rít kéo nhau trở về như mở hội trên những ngọn rừng. Chúng sà xuống những cánh đồng còn lỗ chỗ hố bom, nhưng lúa đã lên xanh, xanh ngợp đến tận chân trời.

Chú thích :

— Huy hoàng : rực rỡ, chói lọi.

— Sà : liệng xuống thấp.

— Lỗ chỗ : có nhiều lỗ.

Từ ngữ : Tràn trề nhựa sống — mầm non — chọc thủng — đâm ra tua tủa — huy hoàng — mở hội.

Câu hỏi :

1. Sức sống của cỏ cây Việt nam mãnh liệt như thế nào? Những từ nào nêu bật sức sống ấy?
2. Sau những ngày ẩm ướt, giá lạnh, bầu trời Việt nam đẹp như thế nào? Chim chóc hoạt động ra sao?
3. Ở đây, hình ảnh nào nói lên sức sống mãnh liệt của con người Việt nam?
4. Qua bài văn, em học được điểm gì về cách miêu tả của tác giả?

Nội dung chính : Sức sống mãnh liệt trên đất Việt nam đã xóa những dấu vết tàn phá của giặc Mỹ để trở lại cuộc sống tươi đẹp.

46. SẢN XUẤT QUANH NĂM

(Học thuộc lòng)

Tháng giêng dọn rẫy cuộc nà,
Tría bắp, trồng đậu, trồng cà, trồng rau.
Tháng hai khoai sắn xanh màu,
Dưa non sây trái, bí bầu trở hoa,
Tháng ba phát rẫy rừng già,
Khoai bùi, bắp ngọt, canh cà, đậu tương.

Tháng tư đột rẫy dọn nương,
 Bắp chen lúa sớm trên sườn non cao.
 Tháng năm trỉa lúa mùa sau,
 Thịt rừng, mật núi, canh rau ngọt ngào.
 Chín, mười, chim gọi xôn xao,
 Bắp dâng trái nặng, lúa trào hạt vàng.
 Mùa cốm mới, vui rộn ràng,
 Heo bảy chắt ngô, gà đàn đẩy sân.
 Một, chạp chuẩn bị đón xuân,
 Chỉ tiêu quyết vượt hai lần năm qua.

Chú thích :

- Nà : bãi cát bồi ở ven sông.
- Thịt rừng, mật núi : ở đây chỉ thịt thú rừng, mật ong.
- Chín, mười : tháng chín và tháng mười nói tắt cũng như một, chạp là tháng mười một và tháng chạp.
- Chỉ tiêu : mức phải đạt tới đã được định trong kế hoạch sản xuất.

Từ ngữ : Cuộc nà — phát rẫy rừng già — trỉa lúa — mùa cốm mới — chỉ tiêu quyết vượt.

Câu hỏi :

1. Tháng giêng và tháng hai, bà con nông dân ta làm những việc gì ?
2. Tháng ba, tháng tư và tháng năm thì làm gì ?
3. Chi tiết nào cho biết tháng chín tháng mười là những tháng thu hoạch lớn nhất trong năm ?
4. Đồng bào ta đón xuân mới với quyết tâm gì ?

Nội dung chính : Bà con nông dân ta quanh năm lao động cần cù, sản xuất ra nhiều lúa gạo, hoa màu, chăn nuôi nhiều gia súc, góp phần nâng cao đời sống cho nhân dân.

47. CON CHIM GÁY



Chim gáy về theo mùa gặt. Con chim gáy hiền lành, béo nục. Đôi mắt nâu trầm ngâm, ngo ngác nhìn xa. Cái bụng thì mìn mướt. Cổ yếm quàng tạp-dề công nhân đầy những hạt cườm đen biếc. Chàng nào giọng gáy càng hay, càng dài thì quanh cổ càng đeo nhiều vòng cườm.

Khi ngoài đồng đã đông người gặt thì chim gáy về, bay vẩn quanh, vòng trên ngọn tre. Sáng sớm, từng đàn sà xuống những thửa ruộng vừa gặt quang. Chim gáy lượn thóc rụng. Chim gáy cặm cụi tha thân sau người đi mót lúa.

Tôi rất thích con chim gáy. Chim gáy phúc hậu, mỡ màng, con chim no ăm của mùa gặt hái tháng mười. Rồi tháng mười qua. Sớm sớm chỉ còn nghe tiếng cục cù cu... dịu dàng từ vườn xa vọng lại. Tiếng « cục cu » giục anh thợ cày, tiếng « cục cu » nhắc học trò đi học đúng giờ.

Chú thích :

- *Chim gáy* : chim cu.
- *Tạp-dề* : một loại áo quàng裳 trước người để khi làm việc khỏi bẩn áo trong.
- *Béo nục* : rất béo, thịt nhiều và chắc.
- *Vòng cườm* : dây hạt bằng thủy tinh, các em nhỏ thường đeo vào cổ hay cổ tay. Ở đây chỉ vòng diềm đen quanh cổ chim gáy.

Từ ngữ : Chim gáy — mắt nâu — cổ yếm — bay vờn quanh — « cú cu ».

Câu hỏi :

1. Chim gáy thường bay về đồng làng vào mùa nào ?
2. Chim gáy có những đặc điểm gì ?
3. Tiếng « cú cu » của chim gáy gợi cho các em những ý nghĩ gì ?

Nội dung chính : Tác giả miêu tả con chim gáy, một loại chim quen thuộc của nông thôn thường về vào vụ gặt.

48. CON TRÂU CỦA TRỜI

(Cổ tích miền núi, chuyện kể)

Ngày xưa, Trời có một con trâu cái. Trời thấy nuôi trâu thì không có lợi mà để trâu dùng vào việc cày bừa thì Trời lại không biết làm ruộng. Trời bèn nghĩ ra một cách là cho loài người mượn trâu. Trong khi ấy, bác nông dân biết làm ruộng nhưng lại không có trâu. Bác đánh bạo leo dốc lên hỏi thuê trâu của Trời. Trời bảo :

— Ta cho anh thuê trâu, nhưng anh phải trả hoa màu cho ta.

Không còn cách gì khác, bác nông dân đành nhận lời vậy và dắt trâu về. Từ đó, hàng ngày, bác ra sức cày

trâu cày bừa. Mồ hôi của người và vật đổ xuống, thấm cả luống cày, mà đến mùa, Trời lại dâng nước lên cướp hoa màu đem đi hết. Không chịu được cách lấy tô trâu của Trời, bác nông dân đã nhiều lần xin Trời nói tay cho, nhưng lần nào Trời cũng nói :

— Còn thuê trâu của ta, ta còn lấy hoa màu. Bao giờ trả trâu cho ta thì mới hết nợ.

Càng làm ăn vất vả, bác nông dân càng đói rét. Một hôm, sau khi bàn bạc cẩn thận với mọi người, bác quyết đem trâu đi trả Trời. Đường lên Trời vừa dốc vừa nhiều bùn, bác và trâu đi khó nhọc lắm mới đến nơi.

Vừa đến cửa nhà Trời, bác lên tiếng gọi : « Từ nay tôi chẳng công nợ vay mượn gì của Trời. Trời đừng đến lấy thóc lúa của tôi nữa ».

Trời cười đáp :

— Để trâu đây cho ta. Anh chẳng thuê đã có người khác. Thôi về đi !

Bác nông dân nghĩ đến bao nhiêu thóc lúa của mình làm ra trong mấy năm bị Trời cướp không cả. Bác thấy cần phải lấy con trâu của Trời để bù vào chỗ Trời đã cướp không của mình.

Bác nắm lấy đuôi trâu giật lùi xuống dốc. Cứ như thế, bác dắt trâu về tới nhà mà Trời không biết.

Chiều hôm đó, không thấy trâu đâu, Trời vội vàng chạy đi tìm. Đến nhà bác nông dân, Trời thấy con trâu đang ăn cỏ ở trước cửa. Trời hỏi :

— Anh đã dắt con trâu này của ta phải không ?

Bác nông dân đáp :

— Tôi đem trả trâu nhà Trời. Trời đã nhận rồi. Con trâu này tôi chịu khó cày cấy dành dụm mãi mới mua được đây.

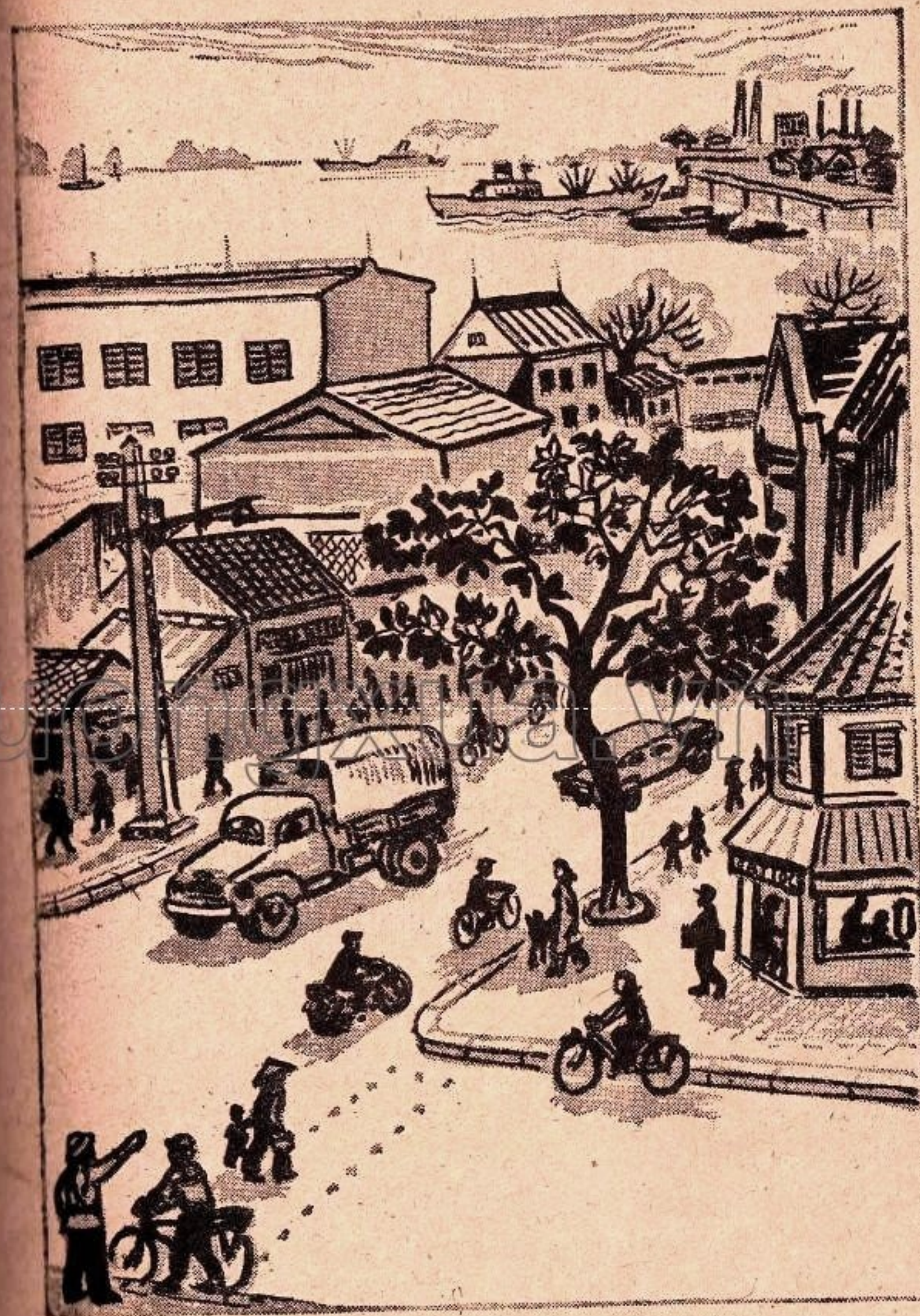


Trời không tin cứ nằng nặc đòi. Sốt ruột, bác nông dân liền dắt Trời lên dốc. Vừa đi, bác vừa chỉ xuống bùn :

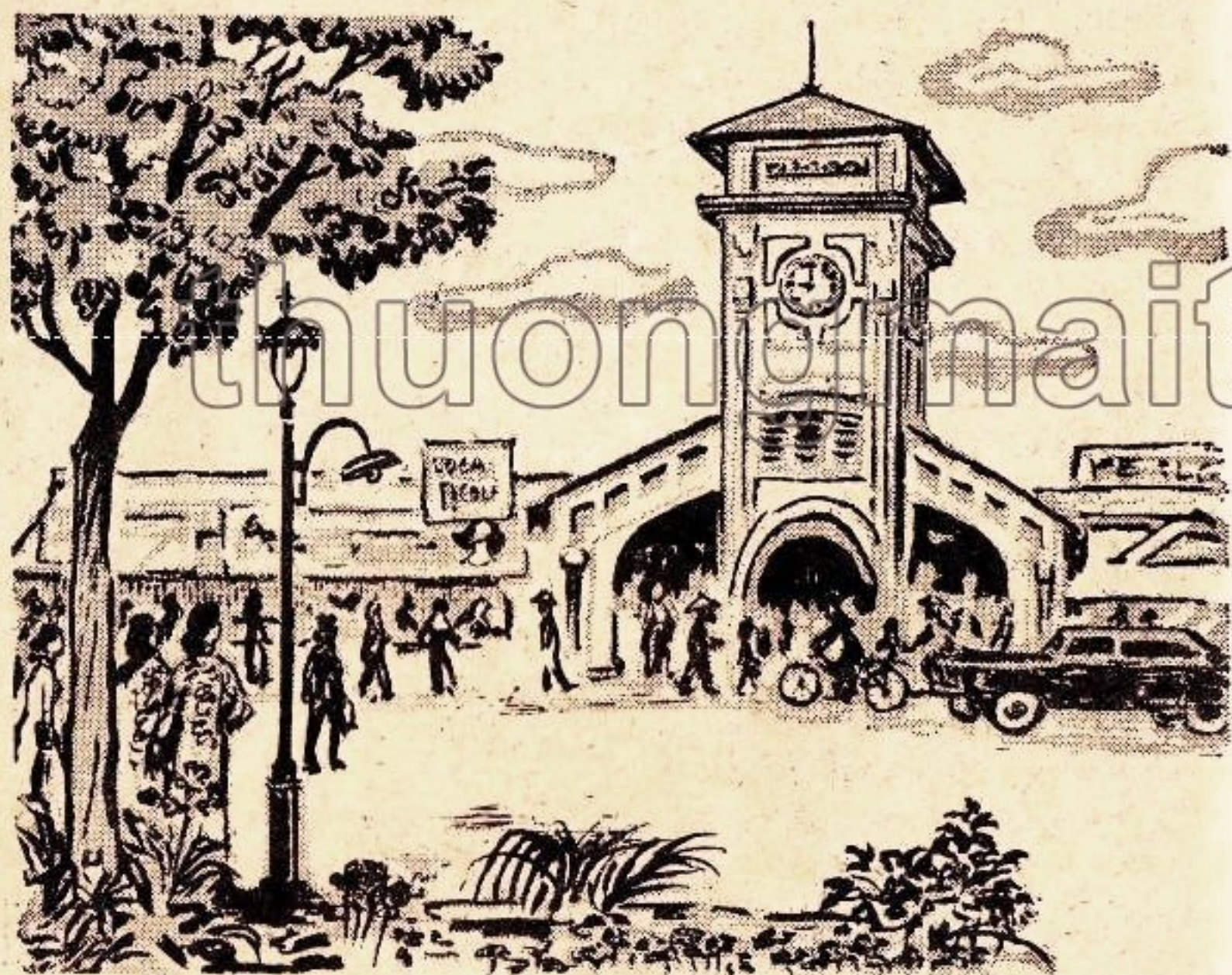
— Đây Trời xem, chỉ có vết chân trâu đi ngược lên nhà Trời, làm gì có dấu chân trâu đi xuống mà Trời bảo tôi dắt trâu của Trời.

Không biết nói thế nào, Trời đành hậm hực quay về.

Từ đó, không ai phải mướn trâu của Trời nữa và cái cảnh Trời dâng nước cướp hoa màu thay cho tô trâu ở các nơi miền núi cũng không còn nữa.



49. SÀI GÒN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Sài gòn của chúng ta rất tráng lệ, rất đáng yêu. Nhưng trước đây, dưới chế độ thực dân Mỹ, Sài gòn vẫn còn đầy dẫy những mái nhà lụp xụp, những ngõ

hẻm tối tăm của nhân dân lao động. Giữa các phố phường nguy nga là những sở mật thám, những nhà tù.

Hàng hóa Mỹ tràn ngập thị trường. Các ngành sản xuất công nghiệp và thủ công bị phá sản. Thợ thuyền thất nghiệp ngày càng đông. Lối sống trụy lạc, cao bồi lan tràn khắp đầu hè, xó chợ. Cảnh vây ráp, khủng bố của bọn cảnh sát, ma tà diễn ra hàng ngày. Cuộc sống ở đây thật là ngột thở.

Nhân dân Sài gòn không ngừng đấu tranh, kiên cường và bất khuất. Trong dịp Tết Mậu thân (1968), lực lượng cách mạng Sài gòn đã cùng Quân giải phóng giáng những đòn sấm sét vào các cơ quan đầu não của Mỹ — ngụ ở đây. Từ ngày thành phố được giải phóng, nhân dân Sài gòn lại ra sức khắc phục những hậu quả nặng nề của chủ nghĩa thực dân Mỹ, quyết tâm xây dựng thành phố ngày càng tươi đẹp. Sài gòn thật xứng đáng với tên: thành phố Hồ Chí Minh.

Chú thích :

- Tết Mậu thân (1968), nhân dân Sài gòn đã phối hợp với Quân giải phóng tấn công khách sạn Ca-ra-ven, Mê-tơ-rô-pôn, rạp Kinh đô, đánh vào các cơ quan đầu não như : Tổng nha cảnh sát nguy, trụ sở phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ MAAG, sứ quán Mỹ, dinh Độc lập, đài phát thanh... Ngày 30-4-1975, Sài gòn được giải phóng hoàn toàn.
- *Tráng lệ* : đẹp đẽ, lộng lẫy.
- *Thực dân* : bọn người ở các nước đế quốc sang xâm chiếm bóc lột các nước thuộc địa.
- *Lụp xụp* : thấp và tối.
- *Sở mật thám* : cơ quan chuyên đi dò xét cách mạng và các hoạt động chống lại sự cai trị của bọn thực dân.

- *Thị trường* : chỉ chung những nơi buôn bán, trao đổi hàng hóa.
- *Phá sản* : thua lỗ mất hết cả tài sản.
- *Trụy lạc* : sa ngã hư hỏng.
- *Khủng bố* : dùng bạo lực làm cho người ta khiếp sợ.
- *Hậu quả* : kết quả về sau. Ở đây ý nói những tệ nạn, những tác hại to lớn do Mỹ — ngụy để lại.

Từ ngữ : Mái nhà lụp xụp — ngô hẻm tối tăm — phá sản — thợ thuyền thất nghiệp — cuộc sống ngột thở — không ngừng đấu tranh — đôn sấm sét.

Câu hỏi :

1. Sài gòn dưới chế độ thực dân có những cảnh trái ngược nào ?
2. Vì sao ở đây thợ thuyền thất nghiệp ngày càng đông ?
3. Cuộc sống của nhân dân ở đây thế nào ? Vì sao ?
4. Tại sao Sài gòn rất xứng đáng được mang tên thành phố Hồ Chí Minh ?

Nội dung chính : Dưới chế độ thực dân Mỹ, Sài gòn to đẹp và trù phú của nước ta bị giam hãm trong cuộc sống tối tăm, đói trụy và ngột thở. Nhưng người Sài gòn không ngừng đấu tranh, kiên cường, bất khuất và ngày nay quyết tâm xây dựng thành phố, làm cho Sài gòn xứng đáng với tên thành phố Hồ Chí Minh.

50. CHÀO HUẾ ANH HÙNG

(Học thuộc lòng)

A Huế đây rồi, đây Huế đây
Sông Hương xanh biếc đỏ cờ bay
Băng băng « máy đầy » con thuyền nhẹ
Vành nón nghiêng nghiêng tay vẫy tay.

Nhộn nhịp Đông ba về hội hè
Hàng chen áo mới phở chen xe
Sao vàng rực rỡ xoè năm cánh
Dẫn bóng người dâng, nâng bước đi.

Quốc học xa trông nhớ Bác Hồ
Nhớ Người cấp sách thuở còn thơ
Hôm nay hình Bác trên thành Huế
Bác vẫy tay cười tóc bạc phơ.

Chào Huế anh hùng, Huế mền thương
Bông sen trắng muốt nhẹ nhàng hương
Nào ai cất giọng câu hò mới
Tiếng « dạ » nghe sao ngọt lịm đường.

Chú thích :

— Bài này trích trong bài thơ « Chào Huế anh hùng » của Xuân Thủy viết sau ngày Huế giải phóng.

— *Máy đầy* : ở đây vừa có nghĩa đen chỉ con thuyền chạy bằng máy, vừa có ý chơi chữ, vì « máy đầy » rất gần âm với « mái đầy », tên một điệu hò dân gian rất phổ biến của xứ Huế.

— *Quốc học* : tên một trường phổ thông ở Huế có từ thời Pháp thuộc. Hồi nhỏ, Bác Hồ có theo học ở trường này.

Từ ngữ : Sông Hương xanh biếc — vành nón nghiêng nghiêng — phở chen xe — trắng muốt — ngọt lịm đường.

Câu hỏi :

1. Hình ảnh tiêu biểu nào của Huế đã khiến tác giả reo lên ở câu thơ đầu ?
2. Phở chợ Đông ba đông vui như thế nào ? Những từ nào miêu tả cảnh đông vui ấy ?

3. Ở đây có hình ảnh nào gợi lên kỷ niệm xa xưa trong lòng tác giả?

4. Tình cảm của tác giả được nói lên ở những câu thơ nào? Qua những màu sắc, hương vị, âm thanh nào?

Nội dung chính: Bài thơ nói lên niềm vui dạt dào của tác giả khi nhìn lại thành phố Huế thân yêu sau ngày giải phóng.

51. THỊ XÃ ĐÔNG HÀ

Ai qua đường số 9 cũng phải dừng chân tại thị xã Đông hà.

Thị xã không rộng, dân số không đông. Đây không phải là một trung tâm công nghiệp hay một thị trường tiêu thụ. Vậy mà Đông hà vẫn bừng lên một sức sống mãnh liệt. Đền đây, ta thấy rất nhiều khách sạn, nhà trọ và nhà kho chứa hàng. Hàng từ Nam ra, hàng từ Bắc vào. Hàng trong tỉnh xen với hàng qua lại các nước láng giềng. Xe cũng rất nhiều: xe chở hàng, xe chở khách. Xe về rồi xe đi, Đông hà thức suốt đêm với đường số 9, như con tim không ngừng đập với mạch máu không nghỉ lưu thông.

Thị xã Đông hà đúng là một cửa hàng vận chuyển lớn trên đất Quảng trị kiên cường. Với vị trí đặc biệt của mình, thị xã Đông hà đang trở thành một đầu mối thắt chặt tình hữu nghị vững bền giữa nước ta và nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào anh em.

Chú thích:

- Thị xã Đông hà nằm trên đường quốc lộ số 1, cách cầu Hiền lương 24km về phía nam và cách thị xã Quảng trị 12km về phía bắc, nơi bắt đầu của đường số 9 chạy sang Lào.
- *Trung tâm công nghiệp*: nơi tập trung các ngành sản xuất hàng hóa.
- *Thị trường tiêu thụ*: nơi bán hàng hóa cho người tiêu dùng.
- *Khách sạn*: nhà trọ lớn, có tổ chức quí mô.
- *Lưu thông*: chảy suốt, đi suốt, không bị vướng.

Từ ngữ: Trung tâm công nghiệp — sức sống mãnh liệt — con tim không ngừng đập — cửa hàng vận chuyển.

Câu hỏi:

1. Thị xã Đông hà có những đặc điểm gì?
2. Cái gì đã tạo nên sức sống mãnh liệt của thị xã?
3. Tác giả ví thị xã Đông hà với cái gì? có đúng không? vì sao?
4. Hiện nay Đông hà giữ một vị trí quan trọng như thế nào?

Nội dung chính: Thị xã Đông hà tuy nhỏ nhưng giữ vị trí quan trọng vì nó là một trung tâm chuyển hàng giữa hai miền Nam Bắc, và đang trở thành một đầu mối thắt chặt tình hữu nghị giữa nước ta và nước Lào anh em.

52. GIÀN GIÁO NGƯỢC

(Học thuộc lòng)

Không phải là thợ xây
Nên giàn giáo của anh dựng ngược

Bắt đầu từ mặt đất
Giàn giáo cao dần theo những độ sâu

Không chỉ là đất đỏ, đất nâu
Anh còn gặp đá vàng, đá bạc
Thợ xây đẽo tay bay, tay gạch
Anh, thợ hào tay cuốc xẻng thôi
Mùa mưa sấm nổ vang trời
Tiếng mìn anh bõn mùa chuyển đất

Tôi yêu những tuyến hào thẳng tắp
Giàn giáo cao dần theo những độ sâu
Xem bạc vàng rừng núi cất ở đâu
Là những giàn giáo ngược.

Chú thích :

- *Giàn giáo* : Khung bằng tre hay bằng sắt để công nhân đứng xây tường.
- *Thợ hào* : thợ đào hầm sâu xuống đất để tìm quặng mỏ.
- *Tuyến hào* : đường hào.
- *Mìn* : ở đây chỉ khối thuốc nổ để phá đá, đất khi đào hầm.

Từ ngữ : Giàn giáo — đá vàng, đá bạc — thợ hào — chuyển đất — tuyến hào thẳng tắp.

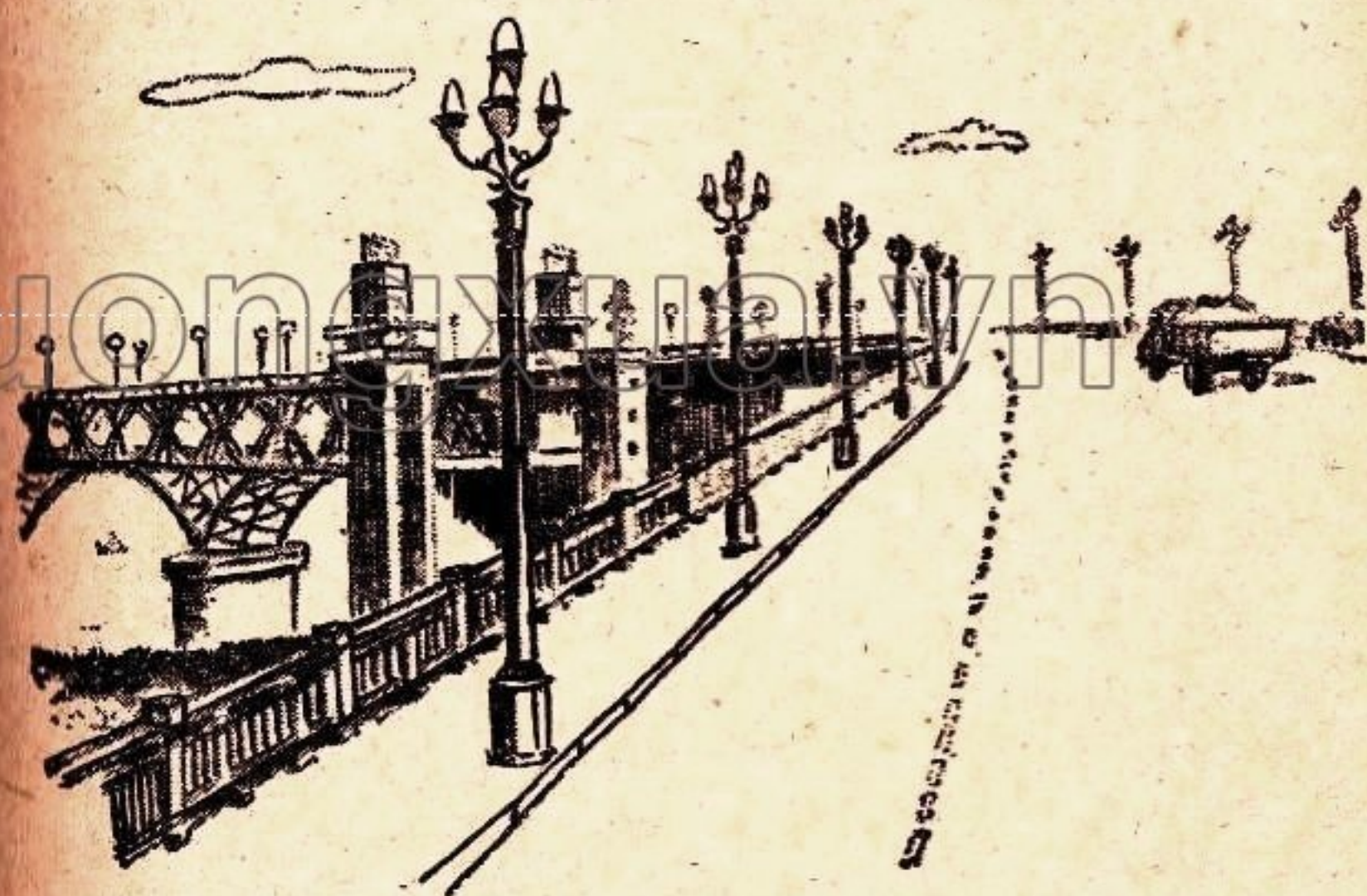
Câu hỏi :

1. Tại sao tác giả gọi giàn giáo của anh công nhân địa chất là giàn giáo ngược ?
2. Các anh công nhân địa chất làm gì ? Và làm bằng những công cụ nào ?
3. Tình cảm của tác giả đối với anh công nhân địa chất như thế nào ? Tình cảm ấy thể hiện ở những từ nào, câu nào ?

Nội dung chính : Qua hình ảnh giàn giáo ngược, tác giả ca ngợi việc làm bình thường nhưng có ý nghĩa của các anh công nhân địa chất.

53. CẢNH CẦU TRƯỜNG GIANG

Nổi bật trên nền trời Vũ Hán, cầu Trường giang như một chiếc gạch nối khổng lồ nối liền Vũ xương với Hán dương.



Cầu dài gần hai cây số, kể cả hai đường dẫn cong thoai thoải nối cầu chính với hai bờ. Cầu chính có hai tầng. Tầng trên là đường ô-tô ; tầng dưới dành cho xe lửa. Mỗi tầng đều rộng mười tám mét. Cùng một lúc, sáu chiếc ô-tô có thể chạy song song qua cầu.

Mỗi bên đầu cầu chính có một cái lầu sáu tầng. Đứng trên tầng thứ sáu, khách tham quan có thể thu gọn trong tầm mắt toàn cảnh Vũ xương, Hán dương và Hán khẩu. Nhà cửa chẳng chịt. Mạng lưới giao thông như mắc cửi. Những ống khói của các xí nghiệp vươn cao, nhả ra những cột khói đen kịt. Đó đây, dương liễu xanh rờn.

Cảnh sắc ở đây hùng vĩ và mới lạ, nhưng vẫn giữ vẻ cổ kính như hai câu thơ xưa :

*Hán dương sông tạnh cây bầy,
Bãi xa Anh vũ xanh đầy cỏ non.*

Chú thích :

- Cầu Trường giang được xây dựng vào năm 1956 và hoàn thành vào tháng 10 năm 1957.
- Vũ xương, Hán dương, Hán khẩu : tên những miền đất nằm ở hai bên bờ sông Trường giang (Dương tử) ở Trung quốc.
- Xí nghiệp : nơi nhà nước hay tư nhân bỏ vốn ra kinh doanh sinh lợi như nhà máy, hầm mỏ, công xưởng.
- Cỏ kính : lâu năm và đáng làm mẫu mực.
- Hai câu thơ xưa trích từ bài thơ dịch của Tản Đà dịch bài thơ « Hoàng hạc lâu » nổi tiếng của Thôi Hiệu (đời Đường). Hiện nay lầu Hoàng hạc vẫn còn di tích ở đầu cầu phía nam.

Từ ngữ : Chiếc gạch nổi không lồ — thu gọn trong tầm mắt — mạng lưới giao thông — xí nghiệp — vẻ cổ kính.

Câu hỏi :

1. Cầu Trường giang được miêu tả bao quát bằng hình ảnh so sánh nào ?
2. Cầu có những đặc điểm gì ?
3. Cảnh ở đây vui và đẹp như thế nào ?

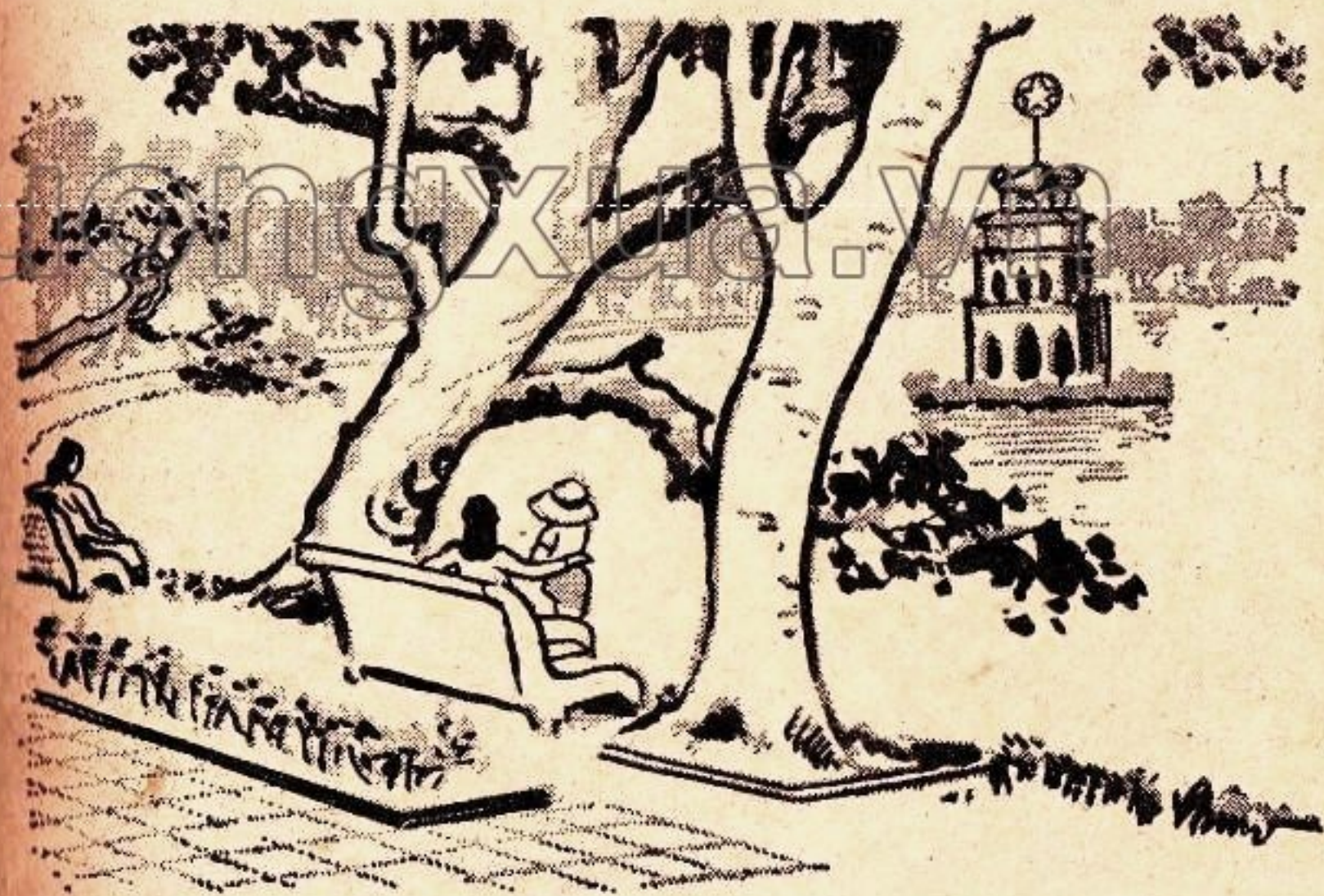
Nội dung chính : Cầu Trường giang to đẹp, lại được xây dựng trên đất Vũ hán vui tươi nên cảnh cầu càng đẹp.

(Chuyện kể tuần này do địa phương soạn)

54. YÊU HÀ NỘI

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Câu thơ xưa đã vọng lại rồi đây,
Nghe tha thiết mỗi đường đi nước bước ...
« Từ thuở mang gươm đi mở nước,
Ngàn năm thương nhớ đất Thăng long ».
Tôi chưa lần nào ra thăm quê Cha
Nhưng câu thơ xưa đã thành máu chan hòa,
Yêu Hà nội như yêu mẹ hiền nắng mưa tần tảo.



Tôi biết sông Hồng có thuyền sóng đỏ dài trên áo,
Biết hồ Gươm như một lăng hoa,
Biết đền đài rồng lượn nguy nga,
Nghe tiếng hát đập dìu trên phố.

Và những hàng cây bốn mùa hoa nở,
Nghiêng mình soi bóng những công viên.
Những lâu đài, nhà máy dựng lên,
Trời Hà nội trên đầu tôi, tôi gặp ...

Chú thích :

— Bài thơ xưa có 4 câu :

*Ai về xứ Bắc, ta theo với,
Thăm lại non sông giống Lạc Hồng.
Từ thuở mang gươm đi mở nước,
Ngàn năm thương nhớ đất Thăng long.*

— *Quê Cha* : ý nói quê hương tổ tiên.

— *Tân tảo* : nói người đàn bà chăm chỉ làm lụng, thu vén việc nhà. Ở đây ý nói miền Bắc sản xuất, tiết kiệm làm nhiệm vụ hậu phương lớn.

— *Sông Hồng có thêu sóng đỏ dài trên áo ; Hồ Gươm như một lẵng hoa* : dựa theo ý của nhà thơ Hy Lạp (sang thăm miền Bắc năm 1956) trong các câu :

*Tôi không bao giờ quên được sông Hồng
Thêu sóng đỏ lên áo dài Hà nội ...*

và

*Tôi không bao giờ quên được hồ Gươm,
Lẵng hoa đẹp giữa lòng thành phố.*

— *Lẵng* : thứ giỏ nhỏ có quai xách.

— *Nguy nga* : to cao và đẹp rực rỡ.

— *Công viên* : vườn hoa công cộng.

Từ ngữ : Thăng long — quê Cha — mẹ hiền — đèn đài — công viên — nhà máy.

Câu hỏi :

1. Nhắc lại câu thơ xưa, tác giả muốn nói lên tình cảm gì đối với thủ đô Hà nội ?

2. Hà nội có những cảnh đẹp nào ? Cảnh nào có sẵn từ trước ? Cảnh nào mới được xây dựng ?
3. Tình cảm thẩm thiết của tác giả đối với Hà nội rõ nhất ở câu thơ nào ?

Nội dung chính : Tình cảm thẩm thiết của tác giả đối với Hà nội, nơi xưa kia là kinh đô của tổ tiên ta và nay là thủ đô của nước ta.

55. CỜ MẶT TRẬN TUNG BAY TRÊN THÀNH PHỐ HUẾ

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy đều khắp hồi Tết Mậu thân (1968), Huế như một bông hoa đỏ thắm nổi bật lên trên bản đồ Tổ quốc. Cả nước vui mừng, kẻ thù khiếp đảm nhìn Huế chuyển mình.

Bộc phá nổ tung những lớp rào kẽm gai, phá toang cửa thành. Quân cách mạng như nước vỡ bờ tràn vào thành phố. Giặc không kịp trở tay, chết như rạ. Đèn sáng mống một tháng hai, sỏ tàn quân giặc cõ bám cột cờ cũng hoàn toàn bị quét sạch. Lá cờ Mặt trận được kéo lên cao vút, lộng lẫy tung bay trên bầu trời Huế. Đống rào và chiến sĩ ta nhìn cờ, hò reo sung sướng. Trên các nóc lầu cao, hàng ngàn lá cờ Mặt trận cũng được kéo lên.

Thành phố Huế anh hùng tung bừng sống trong buổi sáng mùa xuân lịch sử rợp bóng cờ sao.

Chú thích :

— *Tổng tiến công* : tiến công khắp nơi và cùng một lúc với mọi lực lượng của cách mạng.

— *Khiếp đảm* : hết sức sợ hãi.

— *Bộc phá* : loại trái nỏ có sức công phá mạnh, dùng để đánh lô cốt, hầm hố, công sự.

— *Tàn quân* : Quân còn sống sót sau khi bị thua trận.

Từ ngữ : Bông hoa đỏ thắm — cửa thành — cột cờ — lọng lấy tung bay — lầu cao — rợp bóng cờ sao.

Câu hỏi :

1. Tác giả dùng hình ảnh gì để nêu bật chiến thắng của quân dân thành phố Huế trong dịp Tết Mậu thân ?
2. Trận đánh diễn ra ở đây mạnh mẽ và nhanh chóng như thế nào ?
3. Từ ngữ nào nêu lên hình ảnh đẹp đẽ của lá cờ Mặt trận trên thành phố ?
4. Thấy lá cờ Mặt trận tung bay trên thành phố, đồng bào, chiến sĩ ta đã biểu lộ tình cảm như thế nào ?

Nội dung chính : Trong dịp tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân Mậu thân, cờ Mặt trận tung bay trên thành phố Huế đã làm cho quân dân Huế và cả nước nức lòng.

56. CÔNG NHÂN

(Học thuộc lòng)

Thành ai đắp, lầu ai xây ?

Tàu kia ai đóng, than đây ai sàng ?

Bao nhiêu của cải, kho tàng,

Ai đào bạc, ai luyện vàng mà nên ?

Công nhân sức mạnh, nghề quen,

Làm ra của cải cho thiên hạ nhờ.

Mà mình quần rách, áo xơ,
Tiền công thì bớt mà giờ thì thêm.

Lại còn đánh chửi tấn phiến,
Cúp lương tháng trước, phạt tiền hôm qua.

Càng nghĩ lại càng xót xa,
Vì ta mất nước nên ta phải hèn ;

Để cho Pháp, Nhật lộng quyền,
Thắng tay bóc lột thợ thuyền nước ta.

Thợ thuyền ta phải đứng ra,
Trước ta cứu nước, sau ta cứu mình . . .

Chú thích :

— Bài thơ này do Bác Hồ làm vào tháng 10-1941.

— *Kho tàng* : nơi chứa tiền bạc, của cải nói chung.

— *Thiên hạ* : người trong xã hội.

— *Tấn phiến* : làm phiền nhiễu.

— *Cúp* : cắt bớt.

— *Lộng quyền* : vượt quá quyền của mình. Ở đây ý nói : muốn làm gì thì làm.

Từ ngữ : Công nhân — làm ra của cải — quần rách, áo xơ — cúp lương — thắng tay bóc lột — cứu nước, cứu mình.

Câu hỏi :

1. Em hãy trả lời cho chữ *ai* trong bốn câu thơ đầu ?
2. Đời sống của công nhân dưới ách Pháp — Nhật cực khổ như thế nào ? Vì sao người làm ra của cải cho xã hội lại sống khổ cực và tủi nhục ?
3. Muốn thoát khỏi cuộc đời cực khổ, tủi nhục, người công nhân phải làm gì ?
4. Bài thơ này thuộc thể thơ nào ? Vì sao em có thể biết được như vậy ?

Nội dung chính : Dưới ách Pháp Nhật, công nhân, người làm ra của cải cho xã hội lại sống nghèo khổ, tủi nhục, cần phải đứng lên đánh đổ chúng để cứu nước, cứu mình.

57. BÀ MẸ SÀI GÒN



Trận đánh sắp nổ ra. Đội tự vệ đường phố đã đưa người già và trẻ em ra khỏi tầm súng. Trong khu phố này còn một bà mẹ. Một chiến sĩ vừa ngạc nhiên vừa xúc động hỏi :

— Má, sao má còn ở đây ?

— Má không muốn đi ! . . . Hai mươi năm rồi, má đợi các con.

Giọng mẹ vang xa. Ta tưởng bà mẹ sẽ khóc nức nở rồi sau những phút xúc động, mẹ sẽ nắm tay các con, vuốt ve từng đứa. Nhưng không, mẹ đã nén tiếng khóc. Mẹ nhìn các anh bộ đội Giải phóng trong giây phút rồi tìm ngay đứa con chỉ huy. Mẹ nắm tay anh, dẫn anh đèn từng góc phố, từng bờ tường. Mẹ cho biết chỗ nào có thể đặt súng bắn vào quân địch. Mẹ bỗng trở thành người chỉ huy bài binh bố trận. Anh em chiến sĩ đều gọi mẹ là bà mẹ chính ủy.

Chú thích :

- *Tự vệ* : Lực lượng vũ trang của ta ở thành phố, cơ quan, xí nghiệp.
- *Xúc động* : cảm động trước một cảnh thương tâm.
- *Nén* : giấu kín, kìm lại, không cho bộc lộ ra ngoài.
- *Bài binh bố trận* : sắp đặt các lực lượng chiến đấu cho trận đánh.
- *Chính ủy* : Ủy viên chính trị (nói tắt), người phụ trách công tác chính trị trong quân đội từ đơn vị trung đoàn trở lên.

Từ ngữ : Bà mẹ — đợi các con — giọng vang xa — nén tiếng khóc — bài binh bố trận — chính ủy.

Câu hỏi :

1. Tại sao anh chiến sĩ lại ngạc nhiên và xúc động ?
2. Qua lời bà mẹ, em thấy tình cảm của mẹ đối với cách mạng như thế nào ? Dẫn chứng.
3. Mẹ đã làm gì để đánh giặc cùng các anh bộ đội ?
4. Trong bài này có những câu nào viết ngắn gọn, ta cần học tập ?

Nội dung chính : Tấm lòng sắt son yêu nước của những bà mẹ Sài Gòn bộc lộ trong dịp Quân giải phóng tiến công vào thành phố.

58. BA HẠT ĐÀO TIỀN

(Chuyện kể)

Ngày xưa, có ba anh em nhà kia tên là anh Cả, anh Hai và anh Ba. Cha mẹ mất sớm, ba anh em bàn với nhau ra đi để tìm cách sinh nhai. Ba anh em đều ngã tư đầu làng rồi chia tay, mỗi người một hướng và hẹn nhau ba năm sau sẽ trở về, xem ai kiếm được nhiều tiền.

Anh Cả đi về phía tay phải. Anh đi liền mấy ngày đường và đến một thành phố. Qua một thời gian làm lụng có tiền, anh liền mở một quán rượu. Rượu của anh nấu rất ngon nên nhiều người mua. Nhưng thầy đất hàng, anh càng nấu kém đi và pha nước lã vào. Vì buôn bán gian lận nên khách hàng ít dần. Tuy vậy, anh cũng dành dụm được một số tiền.

Anh Hai đi về phía tay trái, đi mãi, đi mãi và sau tìm được một quán hàng. Anh ở làm cho người chủ. Vốn tính không thật thà, anh ăn bớt ăn xén nên cũng dành dụm được một số tiền để chờ ngày trở về.

Anh Ba cứ thẳng đường đi mãi. Anh băng qua một khu rừng hoa nở trắng xóa. Vượt qua mấy thung lũng, anh gặp một dòng suối trong. Bên dòng suối có một căn nhà nhỏ nhìn ra đồng cỏ rộng; rất nhiều bóng cừu dê lồm đồm trên thảm cỏ xanh. Anh vào căn nhà xin nghỉ. Chủ nhà là một ông lão râu dài, trên đầu lơ thơ vài sợi tóc, nét mặt hiền hậu. Ông lão hỏi anh: «Cháu đi đâu đây?»

Anh Ba đem chuyện nói cho ông lão biết và ngỏ ý xin việc làm. Ông lão mừng rỡ nói: «Vậy thì cháu ở

đây với ông, ông cháu ta sẽ chăn cừu. Nhưng ở đây không sung sướng lắm đâu. Cháu có chịu đựng được khó nhọc không?».

Anh Ba giờ nắm tay nói: «Ông ạ, cháu tuy còn nhỏ nhưng cánh tay rắn chắc này có thể làm được tất cả mọi việc. Cháu không sợ lao động vất vả, trái lại cháu rất thích lao động».

Ông lão cười khà khà và vỗ vai anh Ba.

Anh Ba chăn cừu rất chăm chỉ, vì vậy, đàn cừu mau lớn và đẻ thêm nhiều.

Thăm thoát đã ba năm. Anh Ba nghĩ tới ngày hẹn với hai anh nên xin phép ông lão ra về.

Trước khi về, ông lão đem ra một túi tiền vàng và ba hạt đào.

Ông nói: «Cháu ơi! Cháu thật là một thanh niên giàu nghị lực, can đảm và tháo vát. Cháu rất đáng được thưởng. Bây giờ ông có hai món quà: một bên là túi tiền vàng và một bên là ba hạt đào. Tùy ý cháu chọn, muốn lấy phần nào cũng được».

Anh Ba suy nghĩ hồi lâu, vốn tính không tham tiền nên cuối cùng anh lấy ba hạt đào.

Anh từ biệt ông lão ra về.

Anh em gặp nhau vui mừng kể chuyện của mình. Hai người anh mở túi tiền ra khoe. Khi hỏi đến Ba thì anh chỉ có vền vền ba hạt đào. Hai người anh tức quá, mắng người em ngu ngốc và đuổi đi vì sợ người em ăn bám mình.

Ba thản nhiên ra đi. Đã nửa ngày đường, chưa có

gì lót dạ, anh ngồi nghỉ ở gốc cây. Sau sờ túi sức nhớ tới hạt đào, anh bèn lấy ra một hạt cắn ăn cho đỡ đói. Vừa cắn vỡ hạt đào, anh ngạc nhiên thấy hiện ra trước mắt một mâm cỗ đầy món ăn thơm phức. Anh ăn uống no nê và lại đi. Được một quãng đường, anh lại cắn thử hạt đào thứ hai xem có điều gì bí mật. Hạt đào vừa vỡ thì một chiếc xe song mã hiện ra và đàn cừu anh chăn khi xưa bỗng nhiên ùn ùn kéo đến. Anh ngồi lên xe trở về làng. Đàn cừu chạy theo sau. Ốc tò mò không làm anh giữ nổi hạt đào thứ ba. Anh lấy ra cắn luôn. Một tiếng nổ vang và một nàng tiên hiện ra đứng bên đường. Nàng tiên tươi cười như hoa và xin về làm vợ anh.

Hai vợ chồng ngồi trên xe song mã trở về làng. Ngày hôm sau có một đám cưới linh đình. Dân làng kéo đến mừng vợ chồng anh, thật là vui vẻ.

TUẦN LỄ THỨ 12

59. BẾN SÀI GÒN

Con sông Sài gòn uốn mình qua thành phố Hồ Chí Minh với lòng nước rất sâu. Quanh năm không cần nạo vét, tàu lớn vẫn đi lại dễ dàng. Hai bên bờ sông, mười sáu bến tàu nối nhau liên tiếp. Cùng một lúc, năm mươi chiếc tàu lớn có thể đậu bến. Trong khi đó, hàng chục chiếc khác vẫn đi lại tha hồ. Dọc theo các bến tàu, mọc lên từng dãy nhà kho chứa hàng đồ sộ.

Cảnh ở đây thật là nhộn nhịp. Dưới sông, trên bến tấp nập, ồn ào. Tiếng máy tàu ì ầm. Tiếng ca-nô, thuyền

máy xinh xịch. Tiếng động cơ xe tải rú ầm ầm. Công nhân khuôn vác ới ới gọi nhau. Hàng bốc lên bờ, hàng đưa xuống tàu thoăn thoắt như trăm nghìn con thoi chuyển động.

Từ ngày làm chủ bến tàu, anh chị em công nhân và nhân dân lao động ở đây đang ra sức xây dựng bến ngày thêm đẹp để vui tươi.

Chú thích :

- *Tha hồ* : được như ý muốn, mặc sức.
- *Đồ sộ* : to lớn, bề thế.
- *Nhộn nhịp* : đông đúc và ồn ào.
- *Tấp nập* : đông vui, nhộn nhịp.
- *Ca-nô* : thuyền nhỏ chạy bằng máy.
- *Động cơ* : máy dùng để sản ra công.
- *Thoăn thoắt* : nói động tác nhanh và nhẹ nhàng.

Từ ngữ : Bến tàu — đậu bến — đi lại tha hồ — kho chứa hàng — tấp nập — xây dựng bến cảng.

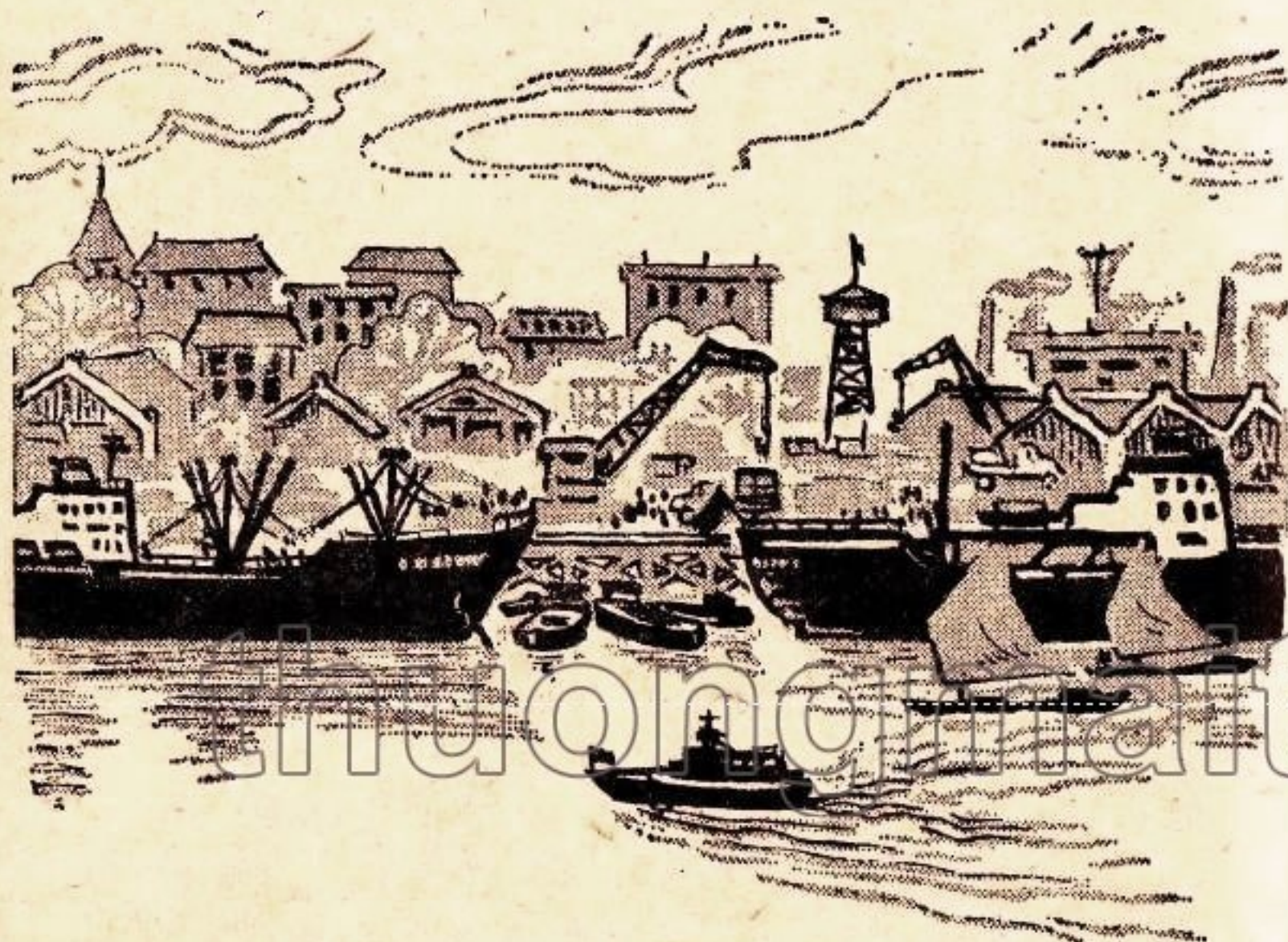
Câu hỏi :

1. Bến Sài gòn có những thuận lợi gì về mặt địa hình ?
2. Bến Sài gòn to lớn như thế nào ?
3. Cảnh bến tàu nhộn nhịp ra sao ? Em hãy tìm những từ tượng thanh trong đoạn này.
4. Từ ngày được giải phóng, bến cảng Sài gòn có gì thay đổi ?

Nội dung chính : Sài gòn là một hải cảng lớn và đông đúc nhất của nước ta.

60. ĐÊM TRÊN THÀNH PHỐ CẢNG

(Học thuộc lòng)



Ban đêm em đi một mình
Tưởng như đi giữa công trường thi công hối hả:
Sáng xanh trời, ánh lửa hàn lấp lóa,
Loang trên sông, tiếng giục còi tàu.
Thuyền đá cảng phồng những cánh bướm cao,
Bánh sắt siết mặt cầu và thành thành máy búa.
Lửa thui thuyền bập bùng bãi sù,
Đường phở thơm lừng mùi nhựa lá thông.
Trên các đại lộ đông,
Người, xe đi như thác chảy.

Giờ tan ca, rào rào bàn chân bước vội,
Bạn chờ nhau, xe đạp tựa bên cầu.
Loáng ánh trắng vàng trên sóng lao xao,
Gỗ, thép, xi-măng đi vào theo tiếng hò vượt đò.

Chú thích:

- *Thành phố cảng*: thành phố có bến tàu cho tàu bè ra vào. Thí dụ: Đà Nẵng, Hải phòng, Sài Gòn. Ở đây chỉ thành phố Hải phòng.
- *Công trường*: nơi công nhân tập hợp để làm một công trình xây dựng nào đó.
- *Thi công*: thực hiện công trình xây dựng theo cách thức đã định.
- *Lửa thui thuyền* để ván thuyền khít lại, nước không rỉ vào trong thuyền được.
- *Sù*: một loại cây ở rừng nước mặn cũng như vẹt, bần, đước, v.v...
- *Giờ tan ca*: giờ xong việc của một kíp công nhân trong xí nghiệp hoạt động liên tục.

Từ ngữ: Công trường — thi công hối hả — ánh lửa hàn — thành thành máy búa — đại lộ — đi như thác chảy.

Câu hỏi:

1. Tác giả ví hoạt động của thành phố như một công trường đang thi công hối hả có đúng không? Vì sao?
2. Em hãy lần lượt nêu lên những hình ảnh, âm thanh, hương vị được miêu tả trong bài?
3. Qua các hình ảnh, âm thanh đó, ta thấy hoạt động của thành phố thế nào?
4. Các em học tập được những gì về cách sử dụng các giác quan khi tả?

Nội dung chính: Tác giả ca ngợi nhịp điệu sản xuất khẩn trương, nhộn nhịp của công nhân và nhân dân thành phố cảng Hải phòng.

61. HAI BÓ HOA



Bước vào phòng cô giáo, các em học sinh đã thấy một bó hoa hồng đặt trên bàn. Cô giáo niềm nở mời các em ngồi. Em Mai ôm bó hoa thọc được đũa tía trong tay, lúng túng mãi mới nói được mấy lời :

— Thưa cô . . . Hôm nay là Ngày Quốc tế các nhà giáo, chúng em thay mặt lớp đến chúc mừng cô.

Cô giáo nhận bó hoa và cảm ơn các em. Cô ngồi xuống bên cạnh các em, kéo Mai lại gần và vuốt mái tóc mềm như tơ của Mai.

Em Minh ngồi bên cạnh Mai, nhìn bó hoa hồng trên bàn rồi hỏi :

— Thưa cô, hồi nãy bạn nào đến tặng cô bó hoa hồng kia hở cô ?

— Không, hoa của cô đó. Sáng nay cô mua hoa để định đi thăm thầy giáo của cô đó chứ. Hàng năm, cứ đến Ngày Quốc tế các nhà giáo, cô thường viết thư chúc sức khỏe các thầy giáo cũ. Chờ nữa, cô sẽ đến thăm thầy giáo đã dạy cô từ hồi lớp một.

Các em học sinh không ai bảo ai, đều nói :

— Cô cho chúng em đi với !

Các em nhìn cô giáo và vui sướng thấy cô gật đầu.

Ngoài sân, nắng mùa đông đã hửng lên. Cô giáo cầm bó hoa đỏ thắm trên tay, các em học sinh đi theo sau, ríu rít như một bầy chim non.

Chú thích :

— *Niềm nở* : vui vẻ, cởi mở, tỏ vẻ mến khách.

— *Lúng túng* : bối rối, mất bình tĩnh, nên không biết làm gì, nói gì cho đúng.

— *Ngày Quốc tế các nhà giáo* : Ngày quốc tế Hiến chương các nhà giáo, ngày 20 tháng 11 hàng năm.

Từ ngữ : Ngày Quốc tế các nhà giáo — chúc mừng — đi thăm — bó hoa — viết thư.

Câu hỏi :

1. Ngày Quốc tế các nhà giáo, các em học sinh làm gì ?
2. Các em mang theo vật gì để tặng cô giáo ?
3. Cô giáo sẽ làm gì để tỏ lòng nhớ ơn thầy giáo cũ của cô ?
4. Tại sao khi được cùng cô đi thăm thầy giáo cũ, các em lại vui sướng ?

Nội dung chính : Trong ngày Quốc tế các nhà giáo, các em học sinh mang hoa đến chúc mừng cô giáo.

62. CHÁU LÀM THỢ MỎ

(Học thuộc lòng)

Ngắm trong lòng đất
Vào mãi hầm sâu
Ơi chú thợ mỏ
Chú đi về đâu ?

Cháu chỉ mong sao
Được nhìn thấy chú
Đang cuốc đang đào
Đường hầm than mỏ.

Không nhìn thấy trời,
Ở sâu dưới đất,
Chú có mỏi mắt,
Chú có mỏi người,
Mà sao cháu thấy
Các chú vẫn cười ?

Mai lớn lên rồi
Cháu cũng làm thợ,
Trên đầu : đèn soi
Cháu đi vào mỏ.

Chú thích :

— Thợ mỏ : công nhân đào than đá dưới hầm mỏ.

Từ ngữ : Thợ mỏ — cuốc, đào — đường hầm — không nhìn thấy trời
— đèn soi.

Câu hỏi :

1. Các chú thợ mỏ làm việc ở đâu ?
2. Các chú phải làm việc trong điều kiện khó khăn, nặng nhọc như thế nào ? Tại sao các chú vẫn cười ?

3. Em có mơ ước lớn lên sẽ làm thợ mỏ như người bạn trong bài này không ? Vì sao ?

Nội dung chính : Dù biết các chú thợ mỏ phải làm việc trong điều kiện khó khăn vất vả, em bé vẫn mơ ước lớn lên sẽ làm thợ mỏ.

63. CÂY VÀ HOA BÊN LĂNG BÁC

Trên quảng trường Ba đình lịch sử, lăng Bác uy nghi mà gần gũi. Cây và hoa khắp miền đất nước về đây đang rạo rực đâm chồi, phô sắc và tỏa ngát hương thơm.

Hương chính lăng, cạnh hàng dẫu nước thẳng tắp, những đóa hoa ban đã nở lửa đầu. Ngay thềm lăng, mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một hàng quân danh dự, đứng trang nghiêm, canh giữ nơi yên nghỉ của Bác kính yêu. Những cây chò nâu của đất Tố từ Vinh phú về sông đôi suốt dọc đường Hùng Vương, trầm tĩnh nhắc lại những chiến công thời dựng nước.

Sau lăng, những cảnh đào Tô Hiệu của Sơn la khỏe khoắn vượt lên, reo vui với nhành sứ đỏ của đồng bằng Nam bộ. Và mai tứ quý, mai vàng miền Nam, song mai Đông mỹ của thủ đô Hà nội điểm xuyết những nụ tươi. Trên bậc tam cấp, hoa dạ hương chưa đơm bông, nhưng hoa nhài trắng mịn, hoa mộc, hoa ngâu kết chùm đang tỏa hương ngào ngạt. Mùi hương thanh bạch, nồng nàn.

Cây và hoa của non sông gấm vóc đang dâng niềm tôn kính thiêng liêng theo đoàn người vào viếng Bác.

Chú thích :

- *Quảng trường* : khu đất bằng phẳng, rộng rãi để họp mít-tinh, diễn binh...
- *Uy nghi* : có vẻ nghiêm trang, oai vệ.
- *Rạo rức* : cảm thấy bức rứt trong người. Ở đây ý nói cây và hoa muốn mau nảy cành, nở hoa.
- *Dầu nước* : tên một loại cây.
- *Cây vạn tuế* : Loại cây thân ngắn, hình cột, trên đầu cột có nhiều lá dài hình lông chim, thường trồng làm cảnh.
- *Trầm tĩnh* : lặng lẽ, bình tĩnh.
- *Mai tứ quý* : loại mai nở hoa suốt bốn mùa.
- *Điềm xuyết* : tô vẽ cho cảnh thêm đẹp.
- *Hoa dạ hương* : Loại hoa nhỏ, hình ống, ban đêm tỏa hương rất thơm.
- *Thanh bạch* : trong sạch.

Từ ngữ : Lãng — quảng trường — tỏa ngát hương thơm — canh giữ nơi yên nghỉ — thanh bạch, nồng nàn — niềm tôn kính thiêng liêng.

Câu hỏi :

1. Lãng Bác ở đâu và có những đặc điểm gì ?
2. Trước lăng trồng những loại cây gì ? Ở đây có hình ảnh nào em chú ý nhất ? Vì sao ?
3. Sau lăng có những loại hoa nào ? Chúng có những đặc điểm gì ?
4. Cây và hoa trồng bên lăng Bác có ý nghĩa như thế nào ?

Nội dung chính : Cây và hoa bên lăng Bác tô điểm cho cảnh lăng thêm uy nghi, đẹp đẽ và thể hiện niềm tôn kính thiêng liêng của cả nước đối với Bác Hồ kính yêu.

64. GIẤC MƠ ĐẸP

(Chuyện đọc)

Em đang mơ màng thì chú Lộc bước vào. Chú Lộc là kỹ sư xây dựng. Thấy em còn ngái ngủ, chú đèn bên giường khẽ lay em :

— Dậy đi Sơn ! Đêm nay là đêm giao thừa của 2 thế kỷ, thế kỷ 20 và 21. Chú cháu ta thử đi dạo một vòng quanh quả đất xem có những gì mới lạ đang xảy ra.

Em nghĩ thầm : Nhanh thật ! Mình mới chớp mắt có một lát mà một phần tư thế kỷ đã trôi qua. Ngoài kia chắc có nhiều điều mới lạ đây. Em liền mặc quần áo đi theo chú Lộc.

Cảnh phố phường Thủ đô đêm nay quả thật là tung bừng, nhộn nhịp. Những tòa nhà đồ sộ, nguy nga, tràn đầy ánh sáng chạy dọc theo những con đường thênh thang, sạch bóng. Lạ thật ! Những đường ngõ quen thuộc, những dãy phố nhỏ hẹp năm xưa đã biến đi đâu mất ?

Thầy em ngạc nhiên, chú Lộc cười tủm tỉm :

— Cháu như người trên cung trăng mới rơi xuống đất ấy ! Hai mươi lăm năm qua, đất nước ta đã năm lần đổi thịt thay da. Dân số nước ta đã tăng gấp đôi. Nhà cửa, đường phố phải to đẹp như thế này mới phù hợp với cuộc sống mới chứ ! Cháu có biết những tòa nhà đồ sộ kia được xây dựng bằng gì không ? Bằng lá cây đây cháu ạ. Lá cây sau khi đã lấy hết chắt bỏ để nuôi người và gia súc thì đem tổng hợp thành vật liệu xây

dựng. Thứ vật liệu này vừa bền, vừa nhẹ, lại nhiều vô kể. Chúng ta tha hồ mà xây cất vì lá cây thì rừng nước ta là kho vô tận.

Em đang chăm chú nghe chú Lộc nói thì một chiếc máy bay dài lê thê từ xa bay đến. Em reo lên :

— Kia chú ! Máy bay gì mà dài và không có cánh thế kia ?

— Không phải máy bay đâu cháu ạ ! Cháu nhìn kỹ xem ! Đó là xe điện treo dây. Xe điện treo chạy trên dây cáp, nhường đường dưới đất cho các loại xe khác. Xe điện treo đi nhanh, rẽ tiến và rất thoải mái — Chú Lộc vui vẻ trả lời.

Em lại hỏi tiếp :

— Thế thì nhà máy điện ở đâu hở chú ?

Chú Lộc chỉ tay lên một mái nhà trước mặt :

— Cháu có thấy gì trên mái nhà kia không ? Chính những tấm ngói xinh xinh kia đã biến mỗi mái nhà thành một nhà máy điện « mặt trời » đây. Năm mươi vạn mái nhà trong thành phố đã sản ra một lượng điện bằng một trăm nhà máy điện Yên phụ cách đây ba mươi năm. Hiện nay, chín mươi phần trăm điện dùng trong thành phố đều lấy từ ánh nắng mặt trời. Vì vậy mà Thủ đô ta là thành phố đầu tiên được mang tên « Thành phố mặt trời ».

Em còn đang say sưa với điện « mặt trời » thì chú Lộc dẫn em đến Ủy ban quản trị thành phố. Cô Nga, em chú Lộc đang làm việc ở đây. Vừa thấy bóng chú Lộc, cô Nga đã reo lên :

— Anh Lộc ! Kia, cả cháu Sơn nữa ! Hai chú cháu đi chơi giao thừa thích nhỉ ! Em đang bận, không thể đi chơi được. Tiếc quá !

Cô Nga bận thật. Em thấy cô đang chăm chú trước một chiếc bàn kỳ lạ, có những hàng nút bấm xanh, đỏ, vàng . . . Thấy em nhìn với vẻ lạ lùng, cô liền chỉ tay vào một chiếc tủ trắng ở góc phòng và nói :

— Cháu biết không ? Việc phục vụ trong thành phố trên hai triệu dân vào những giờ này thật vô cùng phức tạp. Thế nhưng, nhờ có những « bộ óc điện tử » này mà mọi việc đều trôi chảy. Chắc cháu đã đi qua nhiều ngã tư đèn đỏ. Cháu thấy không ? Đêm nay, trên khắp đường phố Thủ đô « ngựa xe như nước, áo quần như nêm ». Thế mà việc đi lại vẫn luôn luôn thông suốt. Đường không hề bị tắc nghẽn, tai nạn xe cộ cũng không hề xảy ra, mặc dù xe chạy rất nhanh, người qua lại như mắc cửi.

Việc cung cấp vật phẩm tiêu dùng cũng rất nhanh chóng. Nếu cháu cần một quả trứng, một đôi giày, một quyển sách hay bất kỳ một thứ gì, cháu chỉ cần đưa ký hiệu và địa chỉ qua máy tính điện tử thì sau một phần nghìn giây đã có lệnh đưa thứ ấy đến cho cháu.

Nghe cô Nga nói, em thích quá ! Em muốn mua một quả trứng thử xem. Nhưng em chưa kịp hỏi cô Nga chỗ bán hàng thì chú Lộc đã trở lại kéo tay em đến chỗ chú Quang. Chú Lộc và em vừa bước vào cổng thì thấy chú Quang ra đón. Chú Lộc nói :

— Anh Quang ạ ! Tết này vui quá ! Đồng bào ta đón xuân với niềm phấn khởi dạt dào.

Về mặt chú Quang bỗng tươi hẳn lên. Chú nói :

— Nhận xét của anh rất đúng ! Một khi lương thực và thực phẩm dồi dào thì muôn hoa đều đua nở, mà đẹp nhất là hoa nở trong lòng người. Chắc anh đã biết, hai mươi lăm năm qua, sô dân nước ta đã lên tới tám chục triệu người. Thề mà chúng tôi vẫn bảo đảm cho mỗi đầu người mỗi năm hai trăm ki-lô-gam lương thực và mười ki-lô-gam thịt, cá, trứng. Các thực phẩm khác như đường, sữa, mắm, đậu . . . đều tăng từ hai đến năm lần. Hiện nay, lương thực ta sản xuất không những đủ ăn và dự trữ được nhiều năm mà còn thừa để bán ra nước ngoài mỗi năm hàng chục triệu tấn.

Nghe đến đây, chú Lộc bỗng buột miệng kêu lên :

— Trời ! Thành tích của các anh quả thật là kỳ diệu !

Một tràng pháo nổ làm em thức giấc. Chú em vẫn còn ngồi đọc sách. Quyển lịch năm 1976 vẫn nguyên chỗ cũ. Thì ra, tất cả chỉ là một giấc mơ. Thầy em tỉnh hẳn, chú em liền hỏi :

— Cháu mơ thấy gì mà cứ ú ớ mãi thế ?

Em bèn kể lại giấc mơ. Bỗng chú em phá lên cười vui vẻ :

— Giấc mơ của cháu đẹp lắm ! Và nó cũng không lay gì làm xa sự thực. Nhưng muốn cho tương lai ấy chóng được thực hiện thì ngay bây giờ chú cháu ta phải ra sức làm việc và học tập. Có phải không hờ cháu ?

Chú thích :

— *Thế kỷ* : khoảng thời gian 100 năm.

- *Tổng hợp* : hóa hợp nhiều chất thành một hợp chất.
- *Dây cáp* : dây làm bằng nhiều sợi kim loại bện lại với nhau.
- *Phức tạp* : lẫn lộn nhiều thứ, rắc rối, khó giải quyết.
- *Bộ óc điện tử* : ý nói sự tính toán tài tình của máy tính điện tử.
- *Ngựa xe như nước, áo quần như nêm* : ý nói xe cộ và người rất đông đúc.
- *Ký hiệu* : ở đây chỉ số ghi của một thứ hàng.
- *Địa chỉ* : chỗ ở ghi trên giấy tờ.
- *Lương thực* : thức ăn ngũ cốc như gạo, mì, ngô...
- *Thực phẩm* : thức ăn nói chung như thịt, cá, trứng, rau...
- *Kỳ diệu* : lạ và khéo. Ở đây ý nói rất đáng ngạc nhiên và khâm phục.
- *Năng lượng* : lượng sản ra công như nhiệt, điện hoặc cơ.
- *Thần kỳ* : kỳ lạ.



TUẦN LỄ THỨ 13

65. TỔ QUỐC CHÚNG TA

Tổ quốc Việt nam yêu quý của chúng ta rất giàu và đẹp. Núi rừng miền Bắc, miền Trung trùng trùng điệp điệp, có đủ loại gỗ quý : lim, gụ, trắc, sến, vàng tâm. Trên những cao nguyên bát ngát, cỏ non mơn mớn, từng đàn trâu bò ung dung gặm cỏ. Đồng bằng miền Nam, miền Bắc thẳng cánh cò bay. Mỗi mùa lúa chín, cánh đồng rực lên như một biển vàng gợn sóng. Vùng mỏ Hồng quang bao la, những vỉa than đen nhánh. Dòng sông, bờ biển vang dội tiếng hát của đồng bào chài lưới, chèo chèo chờ về những thuyền đầy ắp cá.

Tổ quốc chúng ta, miền Bắc cũng như miền Nam, thật giàu và đẹp. Chúng ta thiết tha yêu mến Tổ quốc. Đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đã hoàn toàn thất bại trong âm mưu chia cắt đất nước tươi đẹp của chúng ta. Miền Nam đã được giải phóng. Tổ quốc chúng ta đã thống nhất. Chúng ta, triệu người như một, quyết xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh.

Chú thích :

— Trùng trùng điệp điệp : lặp đi lặp lại, hết lớp này sang lớp khác liên tiếp nhau.

- *Cao nguyên* : vùng đất rộng và bằng phẳng có độ cao hơn mặt biển trên 200 mét.
- *Vía than* : lớp than chạy dài nằm sâu trong lòng đất.
- *Giải phóng* : làm cho thoát khỏi ách áp bức.
- *Thống nhất* : hợp lại thành một khối.

Từ ngữ : Trùng trùng điệp điệp — cao nguyên bát ngát — thẳng cánh cò bay — vía than đen nhánh — đầy ắp cá.

Câu hỏi :

1. Tổ quốc ta giàu về những sản vật gì ?
2. Tìm những hình ảnh đẹp được nêu lên trong bài ?
3. Chúng ta phải làm gì để Tổ quốc yêu quý chúng ta giàu mạnh ?

Nội dung chính : Tổ quốc yêu quý của chúng ta rất giàu và đẹp. Chúng ta quyết xây dựng đất nước tươi đẹp của chúng ta ngày càng giàu mạnh.

66. EM YÊU TỔ QUỐC VIỆT NAM

(Học thuộc lòng)

Tổ quốc em đẹp lắm,
 Cong cong hình lưỡi liềm.
 Trên : núi cao trùng điệp,
 Dưới : biển sóng mông mênh.

Những cánh đồng phì nhiêu
 Nằm phơi mình ở giữa,
 Những con sông xanh, hồng
 Uồn quanh trăm dải lụa.



Tổ quốc em giàu lắm,
 Đồng ruộng : vừa thóc thơm,
 Biển bạc : đặc cá tôm,
 Rừng vàng : đầy quặng, gỗ.

Ôi Việt nam ! Việt nam !
 Tổ quốc bao thân mến,
 Yêu từng khóm tre làng,
 Từng con đò vào bến.

(Còn nữa)

Chú thích :

- *Tồ quốc* : đất nước do ông cha ta xây dựng nên.
- *Phì nhiêu* : màu mỡ, đất tốt.
- *Biển bạc* : ý nói biển có rất nhiều hải sản quý như cá, ngọc trai v.v...
- *Rừng vàng* : ý nói rừng nhiều lâm khoáng sản quý như các loại gỗ quý, các loại mỏ v.v...
- *Anh hùng* : ở đây chỉ những người có tài đức vượt hẳn mọi người, làm nên được những sự nghiệp lớn cho dân tộc.

Từ ngữ : Cong cong hình lưỡi liềm — uốn quanh trăm dải lụa — biển bạc — rừng vàng — anh hùng.

Câu hỏi :

1. Tồ quốc ta có hình dáng như thế nào?
2. Tìm những từ ngữ nói lên sự giàu có và đẹp đẽ của đất nước ta?
3. Ngoài sự giàu đẹp ra, còn có những hình ảnh thân thuộc nào khiến ta thêm yêu Tồ quốc?

Nội dung chính : Tồ quốc em đẹp và giàu. Em yêu Tồ quốc em.

67. RỪNG VÀNG

Việt nam, đất nước biếc xanh vì khoác trên mình nhiều rừng cây tươi tốt.

Rừng ta có nhiều gỗ quý. Gỗ mun màu đen như sừng. Gỗ bạch đàn màu trắng như ngà. Gỗ vàng tâm màu vàng như lụa. Rừng ta còn có gỗ lát nổi vân như mây, gỗ gụ mịn lì như đá mài, gỗ lim cứng như sắt, gỗ trầm thoang thoang mùi hương.

Trong rừng, hàng chục loại tre nứa to nhỏ khác nhau, dùng vào trăm công nghìn việc. Nhiều cây có sợi như gai, đay, có dầu như trầu, sò, có nhựa như cao su, thông. Nhiều cây làm thuốc như quế, sa nhân. Rừng còn cung cấp những thức ăn ngon lành như nấm hương, mộc nhĩ..., nhiều loại thú và chim quý.

Kể sao hết được những tài nguyên phong phú của rừng. Không những thế, rừng còn ngăn dòng nước lũ, không cho tràn về đồng bằng gây nên lụt lội.

Chú thích :

— *Khoác* : choàng lên, mặc vào.

— *Cung cấp* : ở đây ý nói đem lại.

— *Sa nhân* : một loại cây có hạt dùng làm thuốc.

— *Mộc nhĩ* : thứ nấm giống hình cái vành tai, màu nâu đen, mọc từ gỗ ra, ta thường gọi là nấm tai mèo.

— *Tài nguyên* : nguồn lợi thiên nhiên. Tài nguyên phong phú : nguồn lợi thiên nhiên dồi dào.

Từ ngữ : Rừng vàng — gỗ quý — trăm công nghìn việc — tài nguyên phong phú.

Câu hỏi :

1. Rừng nước ta có những loại gỗ quý nào?
2. Ngoài gỗ quý ra, rừng nước ta còn những thứ lâm sản khác nào?
3. Ngoài những tài nguyên phong phú, rừng còn có tác dụng gì?
4. Từ « rừng vàng » nêu lên được ý gì?

Nội dung chính : Rừng nước ta rất giàu lâm sản quý lại có tác dụng ngăn lũ lụt.

68. EM YÊU TỔ QUỐC VIỆT NAM

(Học thuộc lòng)

(Bài tiếp theo)

Càng yêu thêm sông núi
Sinh ra những anh hùng,
Xưa : Quang Trung, Lê Lợi ;
Nay : Bác Hồ, Bác Tôn.

Trên mỗi một ngã đường,
Em như nghe tiếng hát :
« Bao nhiêu giặc xâm lăng
Đền đây đều ngã gục.
Trước : Bạch đằng, Đồng đa,
Giờ : Điện biên, Ấp bắc »
Em càng thù giặc Mỹ
Ngăn nước em làm đôi,
Em ước thành Phù Đổng
Trừ sạch bọn giết người.

Như Bác Hồ bảo rồi,
« Nước Việt nam là một ! »
Các bạn mền yêu ơi
Nước mình đã thông nhất ...
Em không nói ai biết
Nhưng em sướng vô cùng :
— Em là công dân nhỏ
Nước Việt nam anh hùng.

Chú thích :

— *Xâm lăng* : chiếm đoạt nước người bằng vũ lực.

— *Phù Đổng* : tức Thánh Gióng.

— *Công dân* : người dân của một nước có chủ quyền.

Từ ngữ : Giặc xâm lăng — ngã gục — trừ sạch bọn giết người —
Nước Việt nam là một — công dân nhỏ.

Câu hỏi :

1. Những câu thơ nào nói lên truyền thống anh hùng và truyền thống diệt ngoại xâm của dân tộc ta ?
2. Truyền thống đó đã gây cho em mơ ước gì ?
3. Mơ ước đó đã được thực hiện như thế nào ?
4. Điều gì đã làm em bé sướng vô cùng ?

Nội dung chính : Tổ quốc em anh dũng, chiến thắng mọi giặc xâm lăng. Em tin tưởng ở Tổ quốc em và tự hào về Tổ quốc em.

69. BIỂN BẠC



Thiên nhiên dành cho nước ta một dải bờ biển nên thơ và giàu có. Ngoài những cảnh đẹp, những nơi nghỉ mát nổi tiếng, biển còn cho ta nhiều loại hải sản quý giá.

Cá là nguồn lợi lớn nhất. Cá biển rất ngon. Cá thu hấp với cà chua vừa bùi vừa ngọt. Cá chim mỏng mình nhưng thịt trắng như thịt gà. Cá mòi nhiều xương nhưng béo vào bậc nhất. Ngoài những thứ cá nổi tiếng, biển còn có nhiều tôm, cua, sò, ốc. Có những con tôm he to bằng quả chuối, tôm hùm to bằng bắp chân. Loại sò huyết vừa bổ vừa ngon. Ốc xà cừ ruột ăn giòn thơm, vỏ lấp lánh muôn sắc cầu vồng dùng làm hàng mỹ nghệ. Tôm he có thể bán cho nước bạn lấy sắt thép.

Biển nước ta còn là kho muối vô tận. Trên những cánh đồng muối mênh mông, từng ô muối như bàn cờ nối tiếp nhau với những đồng muối trắng tinh phơi mình dưới nắng.

Buổi chiều, đứng trên bãi biển nhìn đoàn thuyền đánh cá, những con tàu phấp phới cờ sao, ta càng thêm yêu đất nước ta giàu đẹp.

Chú thích :

- *Nên thơ* : ý nói rất đẹp, rất gợi cảm.
- *Hải sản* : những sản vật dưới biển.
- *Cầu vồng* : (mống) hình cong nhiều màu hiện ra khi ánh sáng mặt trời chiếu qua một đám mưa.
- *Vô tận* : nhiều không bao giờ hết.
- *Hàng mỹ nghệ* : hàng thủ công làm rất đẹp, rất khéo tay.

Từ ngữ : Cảnh đẹp — hải sản quý giá — nguồn lợi lớn — vô tận — yêu đất nước.

Câu hỏi :

1. Biển nước ta có những gì đẹp và quý giá ?
2. Cá biển của ta có giá trị như thế nào ?
3. Ngoài cá ra, biển nước ta còn có những nguồn lợi nào nữa ?
4. Vì sao nhìn biển, ta càng thêm yêu đất nước ?

Nội dung chính : Biển nước ta có nhiều cảnh đẹp và nhiều hải sản quý giá.

(Chuyện kể tuần này do địa phương soạn)

TUẦN LỄ THỨ 14

70. THÀNH PHỐ SÔNG HƯƠNG NÚI NGỰ

(Tập đọc và Học thuộc lòng)



Nói đến Huế, ta nghĩ ngay đến cảnh đẹp của sông Hương núi Ngự. Sông Hương chảy lưng lờ giữa thành

phò Huế càng làm tăng thêm vẻ diễm lệ của đất kinh thành cũ. Cầu Tràng tiền vắt qua sông, nối liền hai khu của thành phố. Bên tả ngạn có cung điện cũ ; bên hữu ngạn là phò xá mới. Những chiếc đò nhẹ trôi giữa dòng sông. Tiếng hò cất lên trong đêm, khi trăng khi bóng, lắng sâu vào lòng người.

Sông Hương không rộng, không dài nhưng đẹp ; núi Ngự không cao, không to mà xinh xắn. Trên núi có rừng thông, suốt ngày gió thổi vi vu. Những ngày hè, thường có nhiều người lên đây hóng mát. Họ ngả mình trên thảm cỏ xanh, đọc sách hoặc ngồi chuyện trò tâm sự dưới gốc cây.

(Còn nữa)

Chú thích :

- *Diễm lệ* : rất xinh đẹp.
- *Kinh thành* : nơi đóng đô của vua chúa.
- *Tả ngạn* : bờ bên trái của một con sông, khi ta đi từ nguồn xuống biển.
- *Cung điện* : chỗ vua ở và làm việc.
- *Tâm sự* : Ở đây : nói chuyện thân mật với nhau.

Từ ngữ : Chảy lững lờ — vẻ diễm lệ — cung điện — phò xá — khi trăng khi bóng.

Câu hỏi :

1. Cảnh trên sông Hương đẹp như thế nào ? Ở đây có cái gì gợi cảm sâu sắc trong lòng ta ?
2. Núi Ngự có những đặc điểm gì ?

Nội dung chính : (xem ở cuối bài tiếp theo).

Học thuộc lòng : Từ đầu đến « ... lắng sâu vào lòng người ».

71. THÀNH PHỐ SÔNG HƯƠNG NÚI NGỰ

(Bài tiếp theo)

Huế đã đẹp vì phong cảnh thiên nhiên, Huế còn đẹp vì những cung điện nguy nga, lộng lẫy, với những cột to chạm rồng tỉ mỉ, những mái ngói óng ánh men vàng. Bọn vua chúa nhà Nguyễn xưa đã vắt sức lao động của nhân dân ta để xây đắp nên. Tháng Tám năm 1945, tên vua cuối cùng đã phải đầu hàng Cách mạng. Lần đầu tiên, lá cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên cột cờ, xua tan cái thời trăm năm nô lệ.

Ngày nay, thành phố sông Hương núi Ngự đã trải nhiều năm tháng dưới gót sắt giặc Mỹ xâm lăng và bẻ lư tay sai. Nhưng quân dân Huế luôn luôn anh dũng kiên cường, đã vùng lên giáng cho kẻ thù những đòn sấm sét.

Thành phố Huế anh hùng đã làm nhân dân cả nước nức lòng và kẻ thù khiếp sợ.

Chú thích :

- *Nguy nga lộng lẫy* : to và đẹp lắm.
- *Thời nô lệ* : thời người Việt nam ta mất hết quyền tự do.
- *Dưới gót sắt* : ý nói bị đàn áp, giày xéo.
- *Kiên cường* : bền bỉ và mạnh mẽ.

Từ ngữ : Cung điện nguy nga — óng ánh men vàng — anh dũng — kiên cường — phấp phới.

Câu hỏi :

1. Cảnh đẹp ở Huế còn thể hiện ở chỗ nào ?
2. Cảnh đẹp này do đâu mà có ?
3. Dưới ách Mỹ và tay sai, quân dân Huế đã đấu tranh anh dũng như thế nào ?

Nội dung chính : Thành phố Huế có núi Ngự, sông Hương, có đền đài cung điện, có nhân dân anh dũng làm cho nó trở nên một thành phố đẹp và nổi tiếng của nước ta.

72. ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

(Học thuộc lòng)

Việt nam đất nước ta ơi,
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn.
Cánh cò bay lả rập rờn,
Mây mờ che đỉnh Trường sơn sớm chiều.
Quê hương biết mấy thân yêu,
Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau.
Mặt người vất vả in sâu,
Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn.
Đất nghèo nuôi những anh hùng,
Chìm trong máu chảy lại vùng đứng lên.
Đạp quân thù xuống đất đen,
Súng gươm còn đỏ vẫn hiền như xưa.

Chú thích :

- Đoạn thơ trên có hai ý chính :
- + Đất nước ta tươi đẹp.

+ Dân tộc ta dưới chế độ cũ đã chịu đựng nhiều gian khổ ; dân tộc ta rất cần cù lao động, yêu hòa bình và sẵn có tinh thần bất khuất, anh dũng đấu tranh đánh đuổi kẻ thù xâm lược.

— *Rập rờn* : ở đây ý nói chợp cánh lên xuống đều đều.

— *Vất vả* : nặng nhọc, mất nhiều sức.

— *Chìm trong máu chảy* : ý nói bị bọn thống trị khủng bố tàn sát hết sức dã man.

Từ ngữ : Mênh mông biển lúa — cánh cò bay lả — thương đau — áo nâu nhuộm bùn — vùng đứng lên — hiền.

Câu hỏi :

1. Hình ảnh thân thuộc nào làm cho đất nước ta đẹp hơn đâu hết ?
2. Trước đây, dân tộc ta đã từng đau khổ như thế nào ?
3. Những từ nào, câu nào cho biết : dân tộc ta rất yêu hòa bình, nhưng cũng rất anh dũng bất khuất trước kẻ thù xâm lược ?

Nội dung chính : Đất nước ta tươi đẹp, dân tộc ta hiền lành đã chịu nhiều đau thương, nhưng rất anh dũng và bất khuất trước kẻ thù.

73. VƯỜN CAU XỨ QUẢNG

Quảng nam—Đà Nẵng là một trong những tỉnh có nhiều cau nhất của khúc ruột miền Trung.

Nơi đây, không một nhà nào ở nông thôn lại không có cau. Cau trồng trước nhà, sau vườn, dọc hai bên công. Cau trồng thành hàng thẳng tắp, ngọn vươn cao, vượt hẳn các thứ cây trong vườn. Cau góp thêm màu xanh

cho xóm làng đẹp đẽ, duyên dáng. Nhiều người đi xa, khi về thăm quê hương, chân chưa đến làng, mắt mới chỉ thấy những chùm cau quê mình đã nghẹn ngào xúc động.



Ở đây, những ngày hè tốt trời, các cô gái trẻ và các cụ già thường dậy từ tờ mờ sáng để bửa cau phơi cho được nắng. Nhiều vùng ở Tiên Phước, Quê sơn, Duy Xuyên, cau trồng thành rừng. Hạt cau già dùng trong công nghiệp và y dược. Mo cau dùng làm gàu múc nước, làm quạt mo, gói cơm, gói quần áo. Tàu cau dùng đun bếp, làm chổi. Thân cây cau già dùng làm máng nước, làm nhà và làm bàn chông rất sắc.

Cũng như tre nứa, cây cau thân thiết gắn bó với đất nước và con người Việt nam chúng ta từ bao đời nay.

Chú thích :

— Công nghiệp : các ngành sản xuất ra đồ dùng hoặc máy móc.

— Y dược : nghề chữa bệnh và chế thuốc trị bệnh.

Từ ngữ : Thẳng tắp — ngọn vươn cao — đẹp đẽ duyên dáng — trồng thành rừng — thân thiết gắn bó.

Câu hỏi :

1. Những chi tiết nào cho biết Quảng nam rất nhiều cau ?
2. Hình ảnh nào của cau đã tô điểm cho xóm làng thêm đẹp, thêm vui ?
3. Vì sao cây cau cũng thân thiết gắn bó với đất nước và con người như tre nứa ?

Nội dung chính : Cau có rất nhiều ở Quảng nam. Cây cau cũng là một trong những hình ảnh thân thuộc gắn bó với đất nước và con người Việt nam.

74. CON CÒ VÀ ANH NÔNG DÂN

(Chuyện kể)

Xưa có một anh nông dân nghèo lắm. Ruộng có ít, anh cày cấy không đủ ăn. Hàng ngày anh phải vào rừng kiếm thêm củi về bán. Anh không có búa chặt những cây gỗ to. Anh chỉ biết lượm những cành khô bó lại mang về.

Một buổi chiều gần tối, anh đang mải miết bó củi khô, bỗng có tiếng xào xạc trên đầu. Anh ngẩng lên, thấy một đàn quạ đang phá một tổ chim. Một con chim con rơi xuống bên cạnh. Con chim mình trần trụi bị ngã, run lẩy bẩy. Nó không đứng lên được. Nó giơ hai cánh ra chới với như cầu cứu. Anh nông dân thương hại con chim nhỏ. Anh lấy lá khô quây thành cái tổ trên bó củi của mình. Anh bỏ chim vào đó mang về.



Đền nhà, xếp củi xong, anh vội vàng đặt chim vào ổ rơm. Thấy chim cứ run lên, anh chắc nó đói lắm. Nếu không xảy ra tai nạn thì bây giờ mẹ nó đã cho nó ăn rồi. Anh lấy cái niêu nhỏ nấu cơm chiều. Nấu xong, anh xới

vài hạt cho chim. Nhưng con chim con chưa biết há miệng. Anh phải gỡ mỏ nó ra để cho cơm vào. Chim không muốn ăn. Nó sẽ lắc cái mỏ, hạt cơm văng ra ngoài. Cứ như vậy, nó lắc đầu từ chối. Lâu lắm nó mới chịu nuốt mấy hạt. Anh nông dân yên lòng, lấy ít rơm nhẹ phủ lên mình nó cho ấm. Ăn cơm xong, anh ngủ cạnh con chim.

Chim con là một con cò, được anh nông dân chăm chút, chim càng ngày càng lớn. Chiều chiều khi anh nông dân gánh củi về, nó đứng lên vỗ cánh đón mừng. Anh lại cho nó ăn cơm và nằm ngủ bên cạnh.

Một hôm, con cò không chịu ăn cơm, nó nói với anh:

— Anh nông dân ơi! Nhà anh nghèo thế, nếu nuôi tôi mãi thì lấy gạo đâu?

Anh nông dân đáp:

— Nhà nghèo thật, nhưng cò có ăn hết là bao!

— Nhưng rồi lớn lên, tôi ăn nhiều nữa chứ? Từ giờ tôi không ăn cơm của anh nữa đâu. Tôi biết đi rồi. Tôi sẽ kiếm lấy cái ăn.

Và con cò dạo quanh nhà bắt ruồi ăn. Nó không muốn phiền anh nông dân nữa.

Tuy thế, anh nông dân vẫn không yên lòng. Anh sợ nó ăn ruồi mãi sẽ gầy và chết mất. Nghe người ta bảo cò thích ăn tép, mỗi ngày ở đồng về, anh lại bắt một nhúm tép cho cò. Cò con ngày càng lớn lên, cánh lông đầy đủ.

Mỗi buổi sáng, cò con ra cửa bắt ruồi. Có một đàn cò trắng bay qua. Cò con ngẩn cổ nhìn theo mãi. Anh nông dân thấy vậy bảo cò:

— Nếu cò đủ lông cánh rồi thì bay đi với chúng bạn. Ta không giữ đâu.

Cò con nói :

— Tôi muốn đi lắm, nhưng sợ anh ở một mình buồn, tôi không nỡ.

Nhưng rồi sáng nào đàn cò cũng bay qua. Cò con cứ đứng trông theo. Một hôm, cò định bay đi thật. Trước khi đi, cò nói với anh nông dân :

— Tôi không biết lấy gì đền ơn anh. Nhưng tôi không quên anh đâu.

Từ hôm cò con bay vào rừng, anh nông dân buồn lắm. Chiều chiều gánh củi về, anh thầy văng vẳng trong nhà. Nhiều lúc anh nhớ cò, đứng ngẩn người ra. Làng xóm đặt câu hát giễu anh :

*Công anh bắt tép nuôi cò,
Cò ăn, cò béo, cò đồ lên cây.*

Thực ra, anh nông dân không tiếc công nuôi cò. Anh chỉ nhớ nó. Anh nhớ con vật bé nhỏ, hiền lành đã làm bạn với anh trong bao nhiêu ngày.

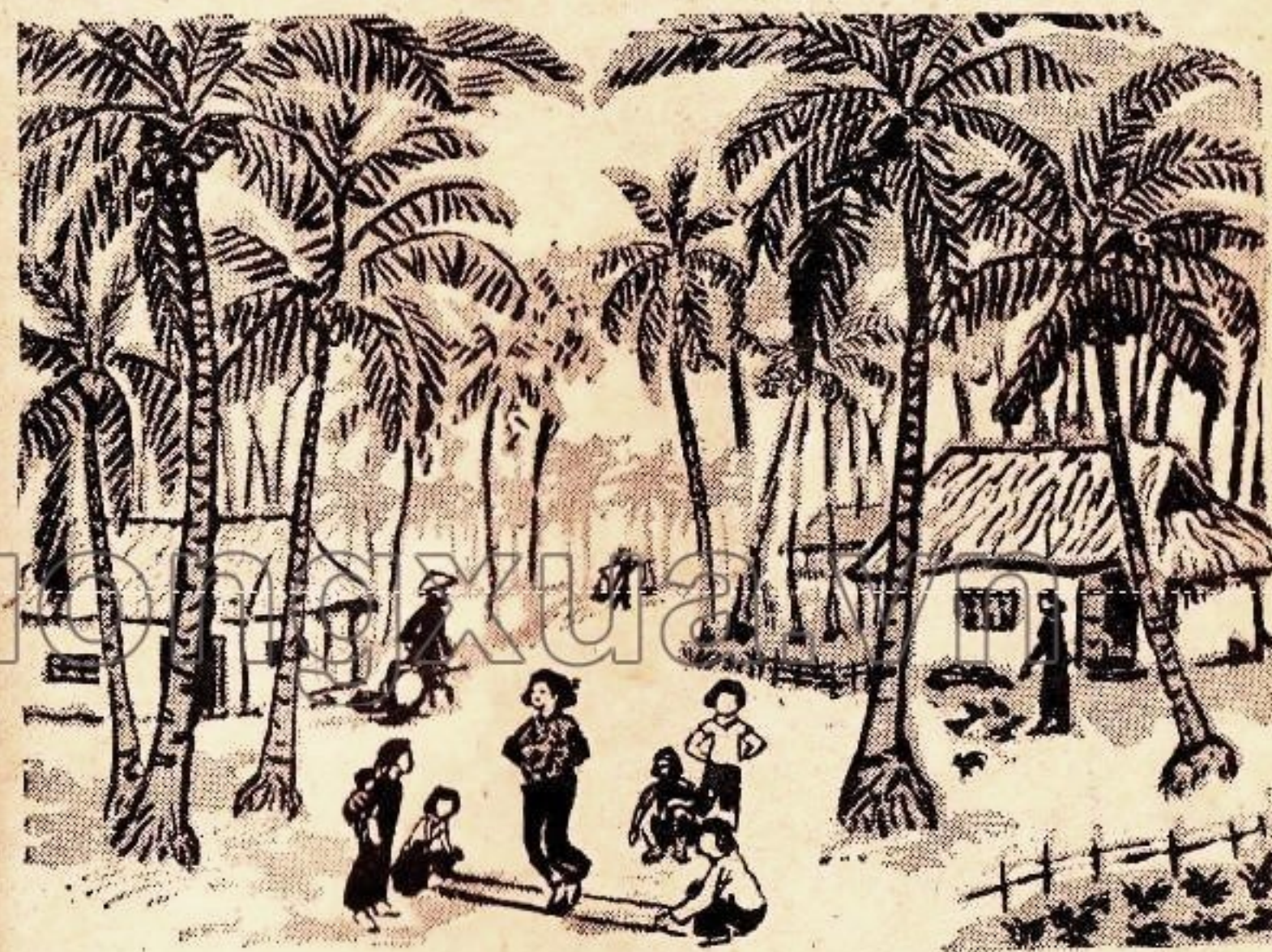
Và cò con cũng không quên anh. Nó giữ lời hứa. Ngày ngày nó rủ bạn bay về cánh đồng thăm anh, thăm đồng lúa anh cấy cấy. Cò lội xuống nước, mò tôm tép ăn, nhưng không hề ăn của anh nông dân một bông lúa nào.

Cho đến nay loài cò vẫn là loài chim có ích. Nó là người bạn của đồng quê. Anh nông dân không buồn nữa. Buổi chiều, sau một ngày lao động mệt nhọc, nhìn cánh đồng bát ngát, anh vui vẻ hát một mình :

*Yêu quê, yêu nhất cánh đồng,
Yêu đàn cò trắng sang sông chiều chiều.*

75. TAM QUAN RỘP MÁT BÓNG DỪA

(Tập đọc và Học thuộc lòng)



Bước chân đến Tam quan, ta bỗng thấy trời mát dịu. Những rừng dừa bát ngát, xanh ngắt một màu, chùm quả sai oằn trên ngọn. Dừa xiêm quả nhỏ mà nước ngọt thanh. Dừa lửa có màu da vàng cháy. Dừa xanh, dừa chà là . . . mỗi loại có một hương vị ngọt ngào riêng.

Dừa trồng trong vườn, trước ngõ, bên giếng nước hoặc dọc đường đi. Đâu đâu dừa cũng đứng ngay hàng

thẳng lối. Dưới bóng mát rừng dừa, các em học sinh thường ngồi học bài hoặc nắm tay nhau múa hát, vui chơi.

Trước đây đồng bào ta đã chiến đấu ngoan cường, chặn tay giặc Mỹ để bảo vệ rừng dừa yêu quý. Ngày nay, nước nhà đã hòa bình thống nhất, dầu dừa và hàng thủ công bằng dừa sẽ đổi lấy máy móc, sắt thép, xi-măng... Đời sống nhân dân sẽ ngày càng thêm đầy đủ, vui tươi.

Chú thích:

- *Tam quan*: tên một thị trấn thuộc huyện Hoài Nhơn, tỉnh Nghĩa bình.
- *Sai oằn*: rất nhiều trái, làm cho buồng dừa cong xuống.
- *Ngoan cường*: bền bỉ và cương quyết, dũng cảm.
- *Bảo vệ*: giữ gìn.
- *Hàng thủ công*: hàng làm bằng tay.

Từ ngữ: Rừng dừa bát ngát — xanh ngắt một màu — ngay hàng thẳng lối — bảo vệ rừng dừa.

Câu hỏi:

1. Đến Tam quan, ta bỗng có cảm giác gì lạ? Tại sao?
2. Dừa ở đây nhiều và tốt như thế nào?
3. Tìm những hình ảnh đẹp để, nên thơ dưới bóng mát rừng dừa?

Nội dung chính: Dừa ở Tam quan rất nhiều và đủ loại. Trước đây nhân dân ta ở vùng này đã chiến đấu ngoan cường chống đế quốc Mỹ để bảo vệ rừng dừa.

Học thuộc lòng: Từ đầu đến... «múa hát, vui chơi».

76. RỪNG TÂY NINH

Tây ninh có miền rừng ngát xanh, trùng điệp. Nhiều trảng trông xen giữa rừng rậm. Xuyên qua rừng, qua trảng là vô số những con đường mòn.

Rừng ở đây bằng phẳng, hiền lành. Tiếng nai kêu, tiếng mễn «tát» thì nhiều. Tiếng hổ gầm gừ không có mấy. Tiếng gà gáy nghe râm ran hơn là tiếng liệng mình vun vút của loài rắn hổ mây. Có những buổi trưa, rừng đang im vắng, bỗng vẳng lên tiếng cót két, tiếng roi vút. Rồi, từ một ngõ rừng nào đó, nhô ra những con bò vàng óng, kéo những chiếc xe bánh gỗ bịt sắt cao quá đầu người. Những buổi trưa như thế, rừng ngát mùi thơm quả dại. Lúc đêm sắp tàn, bên trên ngọn rừng, thường nghe xạc xào như dây gió. Đó là buổi sửa soạn lên đường của những con chim hồng hoàng to lớn. Chúng vỗ cánh bay đi, nghe ào ào như một trận đông.

Chú thích:

- *Trảng*: vùng đất thấp chỉ có cỏ và những bụi cây thấp.
- *Mễn*: tên một giống hươu nhỏ ở rừng Nam bộ. Miền Bắc gọi là con hoẵng, miền Trung gọi là con mang.
- *Tát*: Từ tượng thanh chỉ tiếng kêu của mễn (mang, hoẵng).
- *Chim hồng hoàng*: một loại ngỗng trời rất to.

Từ ngữ: Rừng ngát xanh — bằng phẳng, hiền lành — ngát mùi thơm quả dại — ào ào như một trận đông.

Câu hỏi:

1. Rừng Tây ninh có đặc điểm gì?

2. Những chi tiết nào chứng tỏ rừng ở đây rất hiền lành và ít hoang vắng?

Nội dung chính : Rừng Tây ninh rất rộng, hiền lành và giàu chim, thú.

77. QUÊ ẤY : MIỀN NAM

(Học thuộc lòng)

Nều con hỏi quê nào đẹp nhất ?
Bóng dừa xanh quanh sóng biển lam,
Óng xanh lúa chan hòa mặt đất
Xanh ngắt trời. . . Quê ấy : miền Nam.
Ôi Tổ quốc giang sơn hùng vĩ,
Đất anh hùng của thế kỷ hai mươi !
Hãy kiêu hãnh trên tuyến đầu chống Mỹ
Có miền Nam anh dũng tuyệt vời.

Chú thích :

- *Biển lam* : biển có màu xanh thẫm.
- *Giang sơn* : sông núi, đất nước.
- *Hùng vĩ* : Đồ sộ, lớn lao và oai nghiêm.
- *Kiêu hãnh* : ở đây ý nói : rất đáng tự hào.
- *Tuyệt vời* : hết mức, đến tốt bậc.

Từ ngữ : Đẹp nhất — dừa xanh — biển lam — óng xanh lúa — xanh ngắt trời — giang sơn hùng vĩ — anh dũng tuyệt vời.

Câu hỏi :

1. Miền Nam của Tổ quốc ta đẹp như thế nào?
2. Những hình ảnh nào tả cảnh đẹp của miền Nam?
3. Tại sao Tổ quốc ta rất tự hào vì có miền Nam?

Nội dung chính : Miền Nam của Tổ quốc ta rất đẹp. Tổ quốc ta rất tự hào vì đã có miền Nam anh dũng tuyệt vời trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

78. HẠT NGỌC CỦA GIA LAI

Hồ Tơ nưng ở phía bắc thị xã Plây cu. Hồ rộng mênh mông, nước trong như lọc.

Trên bờ, rừng ẻ ban màu lục điểm hoa trắng, mọc um tùm. Mặt hồ phẳng lặng phản chiếu cảnh trời mây, rừng núi. Hồ xanh thẳm, khi trời quang mây tạnh. Hồ như khoác tấm áo choàng đỏ tía, lúc trời chiều ngả bóng. Hồ long lanh dưới ánh nắng chói chang của những buổi trưa hè.

Hàng trăm thứ cá sinh sôi, nảy nở ở đây. Cá chép, cá trôi, cá chầy, cá trắm, thứ nào cũng có nhiều. Cá đi từng đàn, khi thì tung tăng bơi lội, khi thì lao vun vút như những con thoi. Cá nhảy cá lên thuyền, lướt trên mặt sóng. Cá tràn cá lên bờ lúc gió lớn, mưa to.

Chim chóc cũng đua nhau đến làm tổ. Những con xít lông tím mỏ hồng kêu vang như tiếng kèn đồng. Những con bói cá mỏ dài, lông sặc sỡ, kiếm ăn không

biết mỗi. Những con cuốc đen trũi trũi len lỏi giữa các bụi ven bờ. Từng đàn, từng đàn vịt trời, le le, mòng két vụt đồ, vụt bay phá tan cái tĩnh mịch của cảnh hồ.

Hồ Tơ nưng không những là một cảnh đẹp mà còn là một kho cá vô tận, một nơi săn bắn tốt. Đồng bào địa phương đã đặt cho nó cái tên rất đẹp : « Hạt ngọc của Gia lai ».

Chú thích :

- *Plây cu* : thị xã của tỉnh Gia lai — Công tum (Tây nguyên).
- *Ê ban* : loại cây có hoa trắng rất đẹp mọc ở những miền đất núi lửa.
- *Um tùm* : rậm, dày đặc.
- *Con xít* : giống chim hay ăn ở nơi ao đầm.
- *Sặc sỡ* : nhiều màu, lòe loẹt.
- *Vịt trời, le le, mòng két* : những thứ chim sống ở vùng có đầm hồ, thịt ăn rất ngon.
- *Tĩnh mịch* : yên lặng vắng vẻ.

Từ ngữ : Nước trong như lọc — áo choàng đỏ tía — trăm thứ cá — từng đàn, từng đàn — hạt ngọc.

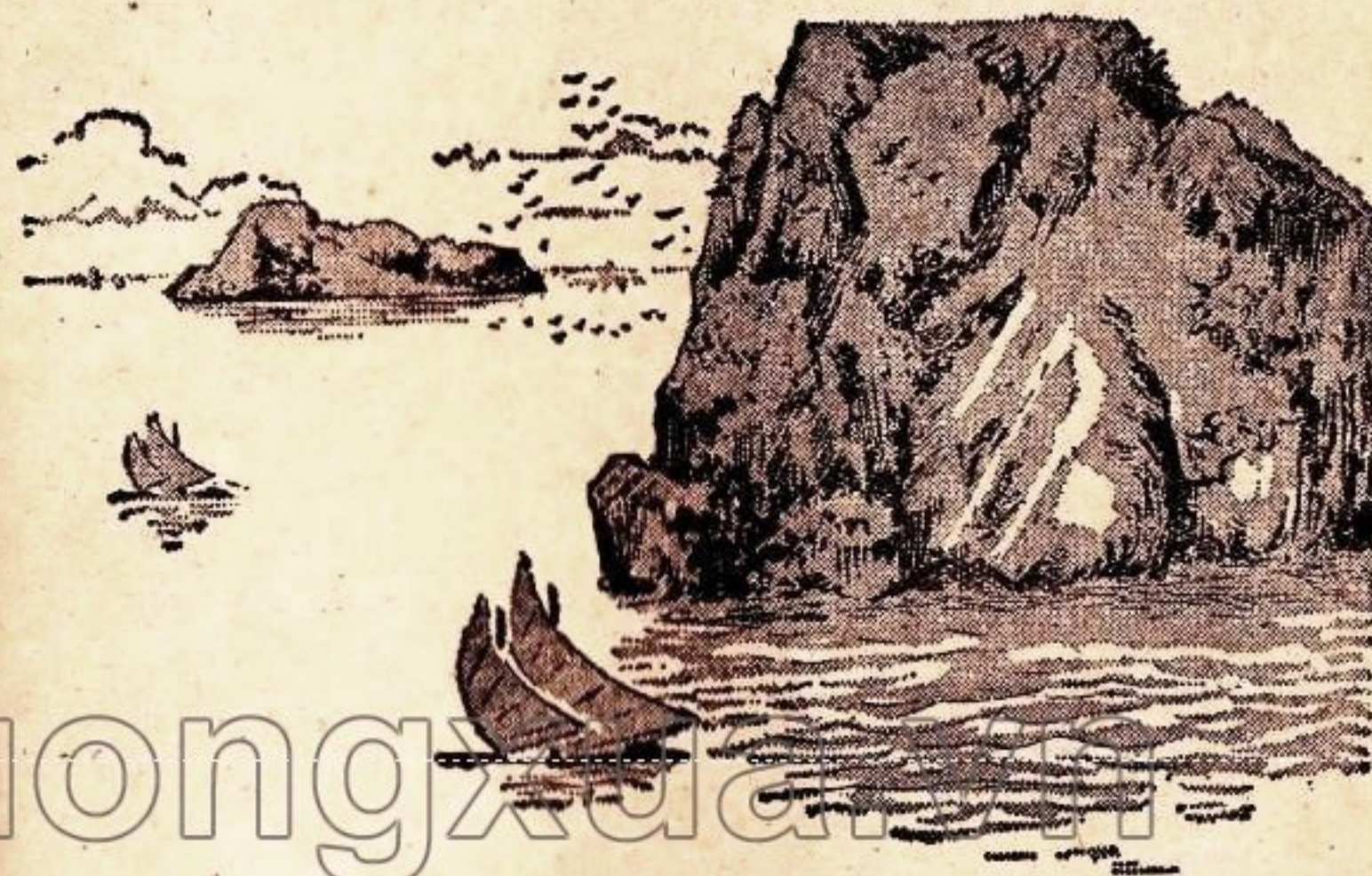
Câu hỏi :

1. Hồ Tơ nưng ở đâu ? Nó to và đẹp như thế nào ?
2. Chi tiết nào cho biết cá ở đây rất nhiều ?
3. Chim ở đây có gì đáng chú ý ?
4. Gọi hồ Tơ nưng là « hạt ngọc của Gia lai » có đúng không ? Vì sao ?

Nội dung chính : Hồ Tơ nưng là một cảnh đẹp thiên nhiên vừa là nguồn lợi lớn của tỉnh Gia lai — Công tum.

(Chuyện kể tuần này do địa phương soạn)

79. YÊN



Yên là món ăn rất bổ và đắt tiền. Xưa kia chỉ có vua chúa mới hay dùng yên trong những bữa tiệc sang trọng. Thế mà thứ của quý ấy ở miền Nam ta rất nhiều.

Yên chính là tổ của con chim yên. Giống chim này mình lớn hơn chim sẻ. Cánh dài và nhọn. Mỏ cong, đuôi ngắn. Lông đuôi, lông cánh đen nhánh như huyền. Ta đừng nhầm nó với con chim én hay báo tin xuân. Vào khoảng cuối tháng chạp âm lịch, yên vào hang đá, nhả dãi ra xây tổ giữa những vách đá dựng đứng. Dưới chân hang, sóng biển vỗ dạt dào. Cù lao Chàm, mũi Ớn và vùng biển Khánh hòa là quê hương của yên. Hàng

năm, yền cho ta trên mười ngàn tổ cong cong như một phần tư vỏ quả cam. Thề nhưng trăm tổ đã ngang giá một lạng vàng.

Miền Nam ta giàu yền, nhưng trước đây nó nằm trong tay thực dân. Người đi lấy yền vẫn sống cuộc đời lặn lội đầy nguy hiểm, trong cảnh đói nghèo.

Chú thích :

- Mũi Én gần Qui nhơn, cách thị xã Qui nhơn gần 2 ki-lô-mét.
- *Dãi* : nước miếng.
- Cù lao Chàm nằm ngoài khơi tỉnh Quảng nam — Đà nẵng.
- *Cuộc đời lặn lội* : ở đây ý nói cuộc đời vất vả vì phải đi xa, lội ra các hang đá ngoài biển, trèo lên những vách đá chênh vênh mới lấy được tổ yền.

Từ ngữ : Đất tiền — bữa tiệc sang trọng — chìm yền — nhả dãi — lạng vàng — cuộc đời lặn lội đầy nguy hiểm.

Câu hỏi :

1. Yền quý như thế nào ?
2. Yền là gì ? Nước ta ở đâu có nhiều yền ?
3. Nguồn lợi này lớn như thế nào ?
4. Vì sao người đi lấy yền vẫn phải sống vất vả và đói nghèo ?

Nội dung chính : Miền Nam ta rất giàu yền, một thức ăn quý, một nguồn lợi lớn của nhân dân ta.

80. CẢNH QUÊ HƯƠNG

(Học thuộc lòng)

Trời phương Bắc lựa đào nắng trái,
Đất miền Nam mát dãi đồng xanh.
Non cao vọng tiếng sóng gành.
Đâu đây bay thoảng mùi canh cá chuẩn ?

Nửa đêm dậy cơn nồm mát rợi
Thổi rừng dừa, thổi tới rừng dương.
Bãi xa trắng dãi mát đường,
Giặc đi, thôn xóm phố phường lại vui.

Biển lại hát những lời xưa cũ,
Câu ca dao muôn thuở dạt dào.
Ngắm nhìn biển rộng, non cao,
Quê hương tiếng mẹ ngọt ngào yêu thương

Chú thích :

- *Gành* : chỗ vũng sâu có nước xoáy. Ở đây chỉ chỗ cồn cát (hoặc đá) ăn ra biển, nơi có rất nhiều sóng lớn.
- *Cơn nồm* : cơn gió đông nam.
- *Rừng dương* : rừng dương liễu nói tắt.

Từ ngữ : Lựa đào — dãi đồng xanh — rừng dừa, rừng dương — phố phường lại vui — biển rộng, non cao — ngọt ngào yêu thương.

Câu hỏi :

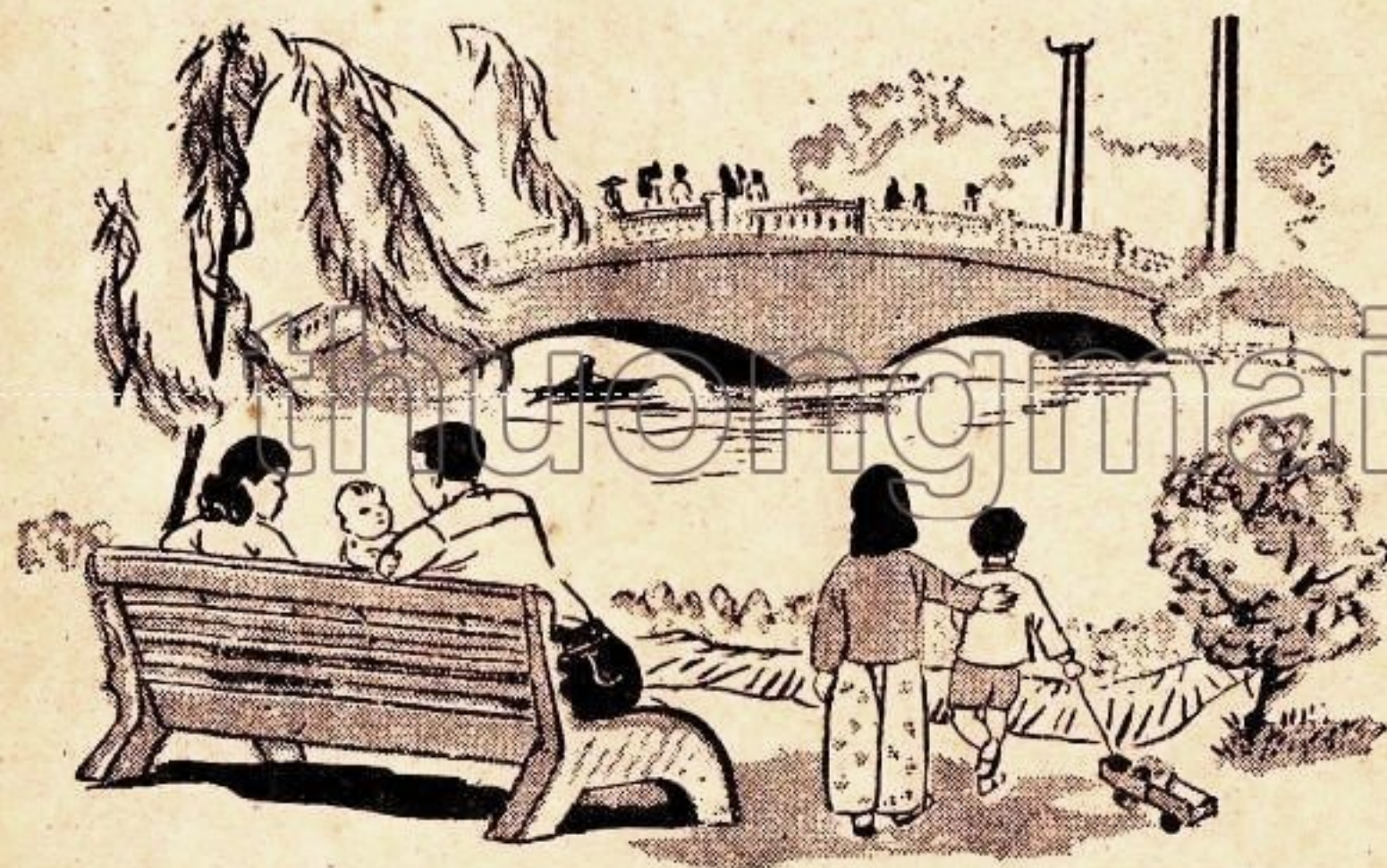
1. Cảnh miêu tả trong bài này thuộc những vùng nào ?
2. Tìm những hình ảnh đẹp của hai miền đất nước và của quê hương tác giả.

3. Vì sao giặc đi, thôn xóm phố phường lại vui và biền lại hát ?

4. Bài thơ này thuộc thể thơ gì ? (cứ 2 câu 7 đi với 2 câu 6 — 8).

Nội dung chính : Nằm trong cái đẹp chung của Tổ quốc, cảnh quê hương cũng thật đẹp, thật gọi cảm.

81. CÔNG VIÊN THỐNG NHẤT



Công viên Thống nhất có một hồ rộng, nước trong xanh rộng chừng bảy mẫu. Hòn đảo nằm ở giữa hồ, tròn như mặt trăng rằm. Trên đảo có một bồn hoa lớn màu sắc rực rỡ. Một chiếc cầu cong nối đảo với đất liền, lung linh in bóng xuống mặt hồ. Xung quanh hồ có nhiều bãi cỏ xanh, nhiều hàng cây um tùm, tỏa bóng xuống những lối đi nho nhỏ.

Về mùa hè, công viên Thống nhất lúc nào cũng đông người tới hóng mát. Trên mặt hồ, thuyền lướt qua lướt lại. Nhiều em học sinh nhỏ chạy tung tăng khắp công viên. Có em thích ngồi đọc sách trên ghế đá, dưới bóng cây râm mát. Có khi, từng đoàn học sinh lớn đến công viên để học về các loại cây. Ở đây có gần đủ các cây gỗ quý như xà cừ, vàng tâm, bạch đàn, tềch... Các loại cây của miền Nam như dừa, hồng Xiêm, vú sữa cũng về đây họp mặt. Mỗi hàng cây đều mang một kỷ niệm sâu sắc. Có cây « Bác Hồ trồng », cây « kết nghĩa Bắc Nam », cây « Hà nội — Huế — Sài gòn »...

Chú thích :

— Công viên Thống nhất nằm ở phía nam thành phố Hà nội. Trước đây, chỗ này là hồ Bảy mẫu. Chung quanh hồ là những bãi rác ngập ngụa. Nhân dân Hà nội đã bỏ ra hàng vạn công để biến nó thành một vườn hoa công cộng rất lớn và đẹp.

— *Họp mặt* : ý nói có trồng ở đây.

Từ ngữ : Hồ rộng — bồn hoa lớn — chiếc cầu cong — hóng mát — bóng cây râm mát.

Câu hỏi :

1. Công viên Thống nhất được miêu tả như thế nào ?
2. Về mùa hè, công viên vui vẻ nhộn nhịp ra sao ?
3. Cây trồng ở đây có gì đặc biệt ?

Nội dung chính : Công viên Thống nhất là một vườn hoa công cộng rất lớn và rất xinh đẹp.

82. HẠ LONG

(Học thuộc lòng)

Chiều về, cuộn cuộn mây đen,
Vòm trời, mặt vịnh nối liền với nhau.
Đảo xanh, đảo tía, đảo nâu,
Mênh mông sóng sóng, trắng phau bạt ngàn.
Nhoáng nhoàng, chớp chớp chói chang,
Đoàng đoàng, sét sét giạt vang trong ngoài.
Biển đen màu mực ai mài,
Thoáng bay vệt nắng ban mai phớt hồng.
Gần xa, vàng xuộm màu đồng,
Vàng hoe, lốm đốm, cải ngồng đơm hoa,
Tím tươi lấp lánh hoa cà,
Bất thần rưng rục lúa lòa lửa gang.
Cầu vồng muôn sắc loang loang
Vượt trên ngọn sóng cao ngang mặt người.
Hạ long vẻ đẹp tuyệt vời
Hiện lên rực rỡ lúc trời nổi đông.

Chú thích :

- Vịnh Hạ long thuộc tỉnh Quảng ninh, một cảnh đẹp nổi tiếng ở miền Bắc nước ta. Cảnh Hạ long ở đây được miêu tả trong lúc trời nổi đông.
- *Cuộn cuộn* : nói nước chảy mau và mạnh. Ở đây : nói mây bay nhanh và dày đặc.
- *Bạt ngàn* : rộng mênh mông.
- *Bất thần* : không lường trước được.

Từ ngữ : Vòm trời mặt vịnh nối liền — đảo xanh, đảo tía, đảo nâu — biển đen màu mực — cầu vồng muôn sắc — đẹp tuyệt vời.

Câu hỏi :

1. Cảnh Hạ long ở đây được miêu tả vào lúc nào ? Vì sao ta thấy vòm trời và mặt vịnh như nối liền nhau ?
2. Các hòn đảo hiện lên trong sóng gió với nhiều màu sắc, được vẽ lên ở những câu thơ nào ?
3. Cảnh Hạ long dưới sấm chớp đẹp như thế nào ? Em hãy tìm những tính từ chỉ màu sắc trong đoạn này.

Nội dung chính : Cảnh vịnh Hạ long lúc trời nổi đông lại càng đẹp.

83. NÀNG NƯỚC

(Chuyện kể)

Ngày xưa ngày xưa, ở một vùng núi xa có một cô gái xinh đẹp, nết na. Dân làng thường gọi cô là nàng Nước.

Cha mẹ nàng Nước mất sớm, để lại cho nàng một tấm gương rất trong và một viên ngọc rất quý. Ai được soi gương cũng thấy mình đẹp thêm. Ai được viên ngọc chiếu sáng cũng thấy mình minh mẫn lên. Nàng Nước có đôi bạn thân là Họa mi và Hươu sao. Hai bạn thích đến bên nàng Nước để soi gương và hát cho nàng Nước nghe. Cuộc sống thật vui tươi. Bỗng dưng, trong một đêm mưa to gió lớn, mụ Lũ ác từ trên nguồn kéo về, cướp mất của nàng Nước viên ngọc quý. Từ đó, nàng

Nước trở thành người mất trí. Mỗi khi mùa mưa tới, mụ Lũ ác lại lôi kéo nàng chạy theo, vừa gào thét điên cuồng, vừa phá phách lung tung.

Biết chuyện nàng Nước bị tai họa, một chàng trai khỏe đẹp quyết đi cứu nàng Nước khỏi nạn. Chàng tên là Chung. Chàng Chung mang theo mình một con dao quý của mẹ, vòng lưới và chiếc búa quý của cha cho. Chàng cứ nhắm phía núi xa đi mãi. Một buổi sớm tinh mơ, chàng Chung nhìn thấy nàng Nước. Chàng mừng rỡ hỏi :

— Nàng có giọng hát hay, lại có tấm gương trong. Vậy có đúng nàng là nàng Nước không ?

Nàng Nước e then không trả lời. Họa mi liền cất tiếng hát :

— Nàng Nước ơi nàng Nước ! Hãy trả lời nhanh lên, nhanh lên ! Chàng như cây sên trể ; nàng như cây trúc xinh.

Từ đó, hai người về sống với bà con bản làng. Con dao quý của chàng Chung chém một nhát đủ phát quang hàng trăm cây lớn, mở rộng nương rẫy. Cái vòng lưới của chàng Chung chụp một cái, không còn hổ con báo nào thoát thân. Có lần, chàng Chung tỏ bày với nàng Nước xin kết nghĩa vợ chồng. Nhưng nàng Nước từ chối vì chưa hết sợ mụ Lũ ác. Chàng Chung an ủi :

— Nàng cứ yên tâm. Tôi tìm gặp nàng chính là để giúp nàng diệt mụ Lũ ác, đòi lại viên ngọc quý.

Trong lúc ấy, dưới một hang sâu, mụ Lũ ác vươn vai ngồi dậy. Mụ há mồm nhả viên ngọc quý lấy được của nàng Nước. Viên ngọc xanh biếc long lánh tỏa sáng. Sau đó, mụ chui ra khỏi hang, chạy vút theo con suối đến chỗ nàng Nước. Trên đường đi, gặp nương ngô, ruộng lúa xanh tốt nào, mụ cũng phá phách tan hoang. Quá nửa đêm, mụ Lũ ác thỉnh linh hiện ra. Mụ thò cánh tay dài ngoẵng vào nhà, định lôi nàng Nước đi. Chàng Chung bèn tung lưới chụp mụ Lũ ác. Nhưng chiếc áo của mụ dài quá nên chiếc lưới không chụp kín. Mụ Lũ ác chạy thoát.

Lát sau, mụ dẫn lão Sét nổ đèn. Lão Sét nổ ném hòn sắt đỏ rực để giết chàng. Chàng Chung trao búa cho nàng Nước rồi đón bắt hòn sắt đỏ rực. Tay chàng bị cháy xèo xèo. Nàng Nước chạy lại bên chàng Chung. Thấy hai bàn tay chàng cháy bỏng, khét lẹt, nàng thương quá, ôm tay chàng nước nỡ. Kỳ lạ chưa ! Nước mắt nàng rơi xuống thì hai bàn tay to đẹp của chàng lại lành lặn như trước. Chàng Chung đón bắt được tất cả những hòn sắt đỏ rực của lão Sét nổ. Mụ Lũ ác thấy vậy kinh hãi, há hốc miệng. Viên ngọc trong mồm sáng lóe lên.

Nhờ ánh sáng viên ngọc, chàng Chung khỏe thêm gấp bội. Chàng quay lại nhổ bật núi Phượng hoàng ném mạnh về phía lão Sét nổ. Lão bị gãy chân, còn mụ Lũ ác thì bẹp gí. Viên ngọc trong mồm mụ lặn ra. Chàng Chung nhặt viên ngọc trao cho nàng Nước.

Ánh sáng viên ngọc tỏa đèn đâu thì con người thêm khỏe đẹp đèn đó. Bắp ngô thêm to và hạt lúa thêm nặng

bông. Từ miền đồng bằng xa xôi, nhận được ánh sáng của viên ngọc soi về, cha mẹ chàng Chung biết con mình đã gặp nàng Nước và đã đòi lại được viên ngọc. Ông bà lên núi thăm con. Hôm làm lễ cưới cho nàng Nước và chàng Chung, có đủ cả nhân dân làng bản, có cha mẹ, có Hươu sao và Họa mi. Đám cưới tưng bừng trong ánh sáng lung linh. Mọi người hân hoan, vì từ nay viên ngọc của nàng Nước sẽ mãi mãi đem no ấm, vui tươi đến khắp mọi nhà.

GIẢI ĐÁP CÂU ĐỐ

Bài 19. Câu đố về trái cây :

- | | |
|---------------|-----------------|
| 1. Quả mít | 2. Quả măng cầu |
| 3. Quả lựu | 4. Quả dứa |
| 5. Quả đu đủ. | |

Bài 34. Câu đố về con vật và đồ vật :

- | | |
|------------------|----------------------|
| 1. Con cua | 2. Con giun (trùn) |
| 3. Bóng đèn điện | 4. Cái gáo múc nước. |

Bài 44. Câu đố mới :

1. Anh Lý Tự Trọng
2. Chị Võ Thị Sáu
3. Anh Trừ Văn Thò
4. Anh Nguyễn Văn Trỗi.

MỤC LỤC

Bài số	TÊN BÀI	Số tiết	Trang
1	Thư Bác Hồ gửi cho học sinh . . .	2	4
2	Tập viết chữ đẹp	1	5
3	Tục ngữ về thời tiết	1	7
4	Làm giỏi, học cũng giỏi	1	8
5	Một buổi trực nhật (chuyện đọc)	1	9
6	Cậu bé Lê-nin đi học	1	11
7	Giúp mẹ	1	13
8	Thư gửi bạn	1	14
9	Bài thơ về cây	1	16
10	Câu chuyện sáng nay	1	18
11	Người bạn ít nói	1	19
12	Vườn trường em	1	21
13	Đôi thỏ	1	23
14	Góc học tập của Phương	1	24
15	Về thăm quê Bác	1	26
16	Một buổi tập thể dục	1	28
17	Rùa và thỏ	2	30
18	Cây bút chì mới	1	32
19	Câu đố về trái cây	1	33
20	Người học sinh ngoan	1	34
21	Kể chuyện bạn Châu (chuyện kể)	1	35
22	Bác ái tạng gia sản xuất	1	40
23	Giọt mồ hôi	1	42
24	Cánh đồng Tân phú	1	43

Bài số	TÊN BÀI	Số tiết	Trang
25	Cây đẽm	1	44
26	Sống chết cùng ruộng rẫy buôn làng	1	46
27	Quyết giữ mùa vàng	1	47
28	Kinh nghiệm sản xuất	1	49
29	Tây nguyên đổi mới	1	50
30	Có phải dòng mương ngủ	1	52
31	Cây thốt nốt ở Cam-pu-chia	1	53
32	Chuyện bảy em chăn trâu (chuyện kể)	1	55
33	Trong một lớp học bình dân	1	56
34	Câu đố về con vật và đồ vật	1	58
35	Bức thư của một nông dân Liên xô	1	59
36	Tình thương yêu, đoàn kết	1	60
37	Con lợn của mẹ tôi	1	62
38	Trí khôn của ta đây (chuyện kể)	1	63
39	Xã em đổi mới	1	66
40	Trời dành chịu thua	1	67
41	Đón hạt vàng mười	1	68
42	Gió mới què ta	1	70
43	Màu xanh quê tôi	1	71
44	Câu đố mới	2	72
45	Trên đất Việt nam	1	74
46	Sản xuất quanh năm	1	75
47	Con chim gáy	1	77
48	Con trâu của trời (chuyện kể)	1	78
49	Sài gòn, thành phố Hồ Chí Minh	1	82
50	Chào Huế anh hùng	1	84
51	Thị xã Đông hà	1	86
52	Giàn giáo ngược	1	87
53	Cảnh cầu Trường giang	1	89
54	Yêu Hà nội	2	91
55	Cờ Mặt trận tung bay trên thành phố Huế	1	93
56	Công nhân	1	94
57	Bà mẹ Sài gòn	1	96
58	Ba hạt đào tiên (chuyện kể)	1	98

TẬP ĐỌC
LỚP BỐN PHỔ THÔNG
TẬP I

NHÀ XUẤT BẢN
GIÁO DỤC

In 210 000 cuốn,
khổ 14,5 x 20,5
tại nhà in TRƯỜNG SƠN,
178/1 Phan Đăng Lưu
Thành phố HỒ CHÍ MINH

In xong ngày 15-5-1977.
Nộp lưu chiều tháng 5-77.

GIÁ: 0,38 đ